VĂN BẢN PHÁP LUẬT KHÁC

VĂN BẢN HỢP NHẤT - BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI

Văn bản hợp nhất số 15/VBHN-BGTVT ngày 12 tháng 5 năm 2022 hợp nhất Thông tư ban hành Bộ quy chế An toàn hàng không dân dụng lĩnh vực tàu bay và khai thác tàu bay

(Tiếp theo Công báo số 365 + 366)

Phần 7
GIẤY PHÉP NHÂN VIÊN HÀNG KHÔNG

PHỤ LỤC 1 ĐIỀU 7.160: CÁC QUY ĐỊNH VỀ KINH NGHIỆM ĐỐI VỚI PHI CÔNG TƯ NHÂN

(a) Các yêu cầu nêu trong bảng này bổ sung vào các yêu cầu của mục 7.160

Ghi chú 1: *Trong bảng dưới đây, các chữ viết tắt chỉ loại hoặc/và hạng tàu bay như sau:*

A = Máy bay; RH = Tàu bay động cơ Rotor-Trực thăng; RG = Tàu bay động cơ Rotor-Gyroplane; G = Tầu lượn; LA = Airship; FB = Kinh khí cầu (Free Balloon)

Ghi chú 2: TR = Chuyển từ A sang Rotocraft; TG= Chuyển từ A sang G; TA= Chuyển từ A hoặc R sang Airship; TP= Chuyển từ A sang PL.

BẢNG 1 - 7.160 KINH NGHIỆM CỤ THỂ	**AS**	**TR**	**TG**	**RH**	**RG**	**G**	**TA**	**LA**	**FB**
SỐ GIỜ BAY TỐI THIỂU									
(1) Tổng giờ bay	**40**			**40**	**40**			**40**	
(2) Tổng giờ bay- Khóa học được phê chuẩn	**35**			**35**	**40**			**40**	
(3) Hướng dẫn bay - Hạng tàu bay	20	20	2	20	20	10	20	20	16
(4) Hướng dẫn bay - Bay đường dài	3			3	3			3	
(5) Hướng dẫn bay - Thiết bị	3	1		2	3		1	3	
(6) Hướng dẫn bay - Chuẩn bị kiểm tra thực hành (trước 60 ngày)	3	3		3	3		3	3	

(7) Thời gian bay đơn dưới sự giám sát của giáo viên hướng dẫn bay	10	5	2	10	10	2	5	10	
(8) Thời gian bay đơn - Bay đường dài	5			5	5			5	
CÁC QUY ĐỊNH CỤ THỂ									
(9) Số lần cất hạ cánh đơn đến điểm dừng hoàn toàn {với mỗi lần hạ cánh liên quan đến chuyến bay theo phương thức vòng lượn} tại sân bay với đài kiểm soát đang hoạt động	5			5	5			5	
(10) Bay đơn đường dài (theo quy định tối thiểu là 300 dặm), trong hành trình được thực hiện với hai điểm hạ cánh khác nhau.									
(11) Kinh khí cầu tự do lấy độ cao, nếu dùng gas, đến 2000ft AGL									1
(12) Kinh khí cầu tự do lấy độ cao, nếu dùng bộ làm nóng, đến 3000 ft AGL									2
SỐ CHUYẾN BAY									
(13) Các chuyến bay huấn luyện (Khởi hành và hạ cánh)			**10**			**20**			**8**
(14) Các chuyến bay đơn			**5**			**10**			**3**
(15) Các chuyến bay huấn luyện - Chuẩn bị kiểm tra thực hành (trong vòng 60 ngày)			**3**			**3**			**1**

PHỤ LỤC 1 ĐIỀU 7.163: CÁC HẠN CHẾ TRONG GIẤY PHÉP ĐỐI VỚI NGƯỜI LÁI TƯ NHÂN CÓ NĂNG ĐỊNH KINH KHÍ CẦU

(a) Các yêu cầu trong Phụ lục này bổ sung cho Điều 7.163.

(b) Nếu người đề nghị cấp giấy phép người lái tư nhân với năng định kinh khí cầu kiểm tra thực hành trên kinh khí cầu dùng hơi nóng thì:

(1) Cục HKVN phải giới hạn trong giấy phép là năng định kinh khí cầu dùng hơi nóng; và

(2) Người lái có thể xóa bỏ hạn chế bằng cách đạt được kinh nghiệm lái kinh khí cầu gas và được giáo viên hướng dẫn do Cục HKVN bổ nhiệm xác nhận trong nhật ký bay là anh ta có đầy đủ kinh nghiệm theo quy định và có khả năng khai thác kinh khí cầu gas.

(c) Nếu người đề nghị cấp giấy phép tư nhân với năng định kinh khí cầu kiểm tra thực hành trên khí cầu gas thì:

(1) Cục HKVN phải giới hạn trong giấy phép là năng định kinh khí cầu gas; và

(2) Người lái có thể xoá bỏ hạn chế bằng cách đạt được kinh nghiệm lái khinh khí cầu có bộ đốt trong khi bay (airborne heater) và được giáo viên hướng dẫn do Cục HKVN bổ nhiệm chứng thực vào nhật ký bay là anh ta có đầy đủ kinh nghiệm theo quy định và có khả năng khai thác kinh khí cầu arborne heater.

PHỤ LỤC 1 ĐIỀU 7.175: CÁC YÊU CẦU VỀ KIẾN THỨC LÝ THUYẾT ĐỐI VỚI NGƯỜI LÁI ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP THƯƠNG MẠI

(a) Ngoài các quy định tại mục 7.175, người đề nghị cấp giấy phép thương mại phải được huấn luyện trên mặt đất có ghi nhật ký do giáo viên được Cục HKVN bổ nhiệm hướng dẫn về các lĩnh vực kiến thức tại khoản (b) của mục này áp dụng đối với năng định loại và hạng tàu bay đề nghị cấp.

Ghi chú 1; *Trong bảng dưới đây, các chữ viết tắt chỉ loại hoặc/và hạng tàu bay như sau: A = Máy bay; RH = Tàu bay động cơ Rotor-Trực thăng; RG = Tàu bay động cơ Rotor - Gyroplane; G = Tầu lượn; LA = Airship; FB = Kinh khí cầu (Free Balloon)*

BẢNG 1 - 7.175 **CÁC MÔN CỤ THỂ**	**A**	**RH**	**PL**	**G**	**LA**	**FB**
(a) Áp dụng luật và các quy định liên quan đến người có CPL, các quy tắc không lưu và các phương thức và thực hành dịch vụ không lưu phù hợp	**X**	**X**	**X**	**X**	**X**	**X**
(b) Các quy tắc khai thác và hoạt động của hệ thống tạo lực, các hệ thống và thiết bị bao gồm các giới hạn liên quan đến năng định tàu bay đề nghị cấp	**X**	**X**	**X**	**X**	**X**	**X**
(c) Các hạn chế trong khai thác của loại tàu bay và hệ thống tạo lực có liên quan; các thông tin về khai	**X**	**X**	**X**	**X**	**X**	**X**

thác có liên quan từ tài liệu hướng dẫn bay hoặc tài liệu phù hợp khác;						
(d) Sử dụng và kiểm tra khả năng hoạt động của thiết bị và hệ thống tàu bay phù hợp;	**X**	**X**	**X**	**X**	**X**	**X**
(e) Các quy trình bảo dưỡng khung sườn, hệ thống và hệ thống tạo lực của tàu bay phù hợp;	**X**	**X**	**X**	**X**	**X**	**X**
(f) Truyền động;		**X**	**X**			
(g) Các đặc tính vật lý và áp dụng đối với gas;					**X**	**X**
(h) Các ảnh hưởng của chất tải và phân phối trọng lượng đối với các đặc tính và tính năng; tính tải và cân bằng	**X**	**X**	**X**	**X**	**X**	**X**
(i) Sử dụng và áp dụng thực tế CHC và các dữ liệu về tính năng khác,	**X**	**X**	**X**	**X**	**X**	**X**
(j) Lập kế hoạch bay trước khi bay và trong chuyến bay phù hợp với khai thác thương mại theo VFR; bao gồm:	**X**	**X**	**X**	**X**	**X**	**X**
(1) Lập kế hoạch bay trước khi bay và trong chuyến bay phù hợp với khai thác tư nhân theo VFR; chuẩn bị và thực hiện các kế hoạch bay dịch vụ không lưu;	**X**	**X**	**X**		**X**	
(2) Các phương thức dịch vụ không lưu phù hợp;	**X**	**X**	**X**	**X**	**X**	**X**
(3) Các phương thức báo cáo vị trí của tàu bay;	**X**	**X**	**X**		**X**	
(4) Các quy trình đặt đồng hồ đo độ cao;	**X**	**X**	**X**	**X**	**X**	**X**
(5) Khai thác trong khu vực có mật độ không lưu cao; tránh va chạm	**X**	**X**	**X**	**X**	**X**	**X**
(6) Thu thập thông tin về độ dài đường CHC tại sân bay dự kiến sử dụng, dữ liệu về khoảng cách CHC;	**X**	**X**	**X**	**X**		
(7) Xác định các yêu cầu tối thiểu về nhiên liệu;	**X**	**X**	**X**		**X**	**X**
(8) Lập kế hoạch thay thế nếu chuyến bay theo kế hoạch không thể thực hiện hoặc bị trì hoãn	**X**	**X**	**X**	**X**	**X**	**X**
(k) Các ảnh hưởng của việc chất tải bên ngoài đối với việc điều khiển;		**X**	**X**			
(l) Đặc điểm của con người bao gồm các quy tắc quản lý đe dọa và rủi ro;	**X**	**X**	**X**	**X**	**X**	**X**

(m) Dịch và áp dụng các báo cáo, sơ đồ và dự báo khí tượng; sử dụng và các phương thức thu thập thông tin khí tượng trước và trong chuyến bay; đồng hồ đo độ cao;	**X**	**X**	**X**	**X**	**X**	**X**
(n) Khí tượng hàng không; khí hậu tại các khu vực liên quan đối với các yếu tố có ảnh hưởng đến hàng không; sự chuyển động của hệ thống áp suất, cấu trúc phía trước; và đặc điểm và các đặc tính của hiện tượng thời tiết điển hình có ảnh hưởng đến các điều kiện cất cánh, trong khi bay và hạ cánh;	**X**	**X**	**X**	**X**	**X**	**X**
(o) Các nguyên nhân, nhận biết và ảnh hưởng của sự đóng băng; các phương thức đưa vào ở phía trước; tránh khu vực thời tiết xấu;	**X**	**X**	**X**	**X**	**X**	**X**
(p) Không lưu, bao gồm việc sử dụng các sơ đồ, thiết bị và hỗ trợ dẫn đường, sự am hiểu các quy tắc và các đặc tính của hệ thống dẫn đường phù hợp;	**X**	**X**	**X**	**X**	**X**	**X**
(q) (i) Sử dụng, hạn chế và khả năng hoạt động của hệ thống điện điện tử và các thiết bị cần thiết đối với kiểm soát và dẫn đường					**X**	
(q) (ii) Sử dụng, độ chính xác và độ tin cậy của hệ thống dẫn đường được sử dụng trong các giai đoạn cất cánh, bay hành trình và hạ cánh của chuyến bay. identification of radio navigation aids;					**X**	
(q)(iii) Các nguyên lý và đặc tính của hệ thống dẫn đường của tàu bay và hệ thống dẫn đường và tham chiếu bên ngoài, sự hoạt động của các thiết bị trên tàu bay.					**X**	
(r) Áp dụng quản lý rủi ro và đe dọa đối với tính năng khai thác;	**X**	**X**	**X**	**X**	**X**	**X**
(s) Sử dụng các tài liệu hàng không như AIP, NOTAM, các mã cài đặt và chữ viết tắt	**X**	**X**	**X**	**X**	**X**	**X**

(t) Quy trình đặt đồng hồ	**X**	**X**	**X**	**X**	**X**	**X**
(u) Quy trình đề phòng và khẩn nguy phù hợp,	**X**	**X**	**X**	**X**	**X**	**X**
(v) Các phương thức khai thác vận chuyển thẳng (bao gồm chất tải bên ngoài), các nguy cơ nguy hiểm liên quan đến hàng nguy hiểm;	**X**	**X**	**X**	**X**	**X**	**X**
(w) Các yêu cầu và thực hành giảng bình an toàn cho hành khách, bao gồm đề phòng khi đưa hành khách lên tàu bay và rời khỏi tàu bay;	**X**	**X**	**X**	**X**	**X**	**X**
(x) Các hành động khẩn nguy và đề phòng để tránh rủi ro trong khai thác, như ổn định động cơ;		**X**	**X**			
(y) Các quy tắc bay;	**X**	**X**	**X**	**X**	**X**	**X**
(z) Các phương thức liên lạc điện đài và thoại như áp dụng khai thác VFR; hoạt động trong trường hợp liên lạc hỏng.	**X**	**X**	**X**	**X**	**X**	**X**

PHỤ LỤC 1 ĐIỀU 7.177: CÁC YÊU CẦU VỀ HƯỚNG DẪN BAY ĐỐI VỚI NGƯỜI LÁI ĐỀ NGHỊ CẤP CPL

(a) Tổng quát: Ngoài các quy định tại mục 7.177, người đề nghị cấp CPL phải được huấn luyện trên mặt đất và huấn luyện bay có ghi nhật ký do giáo viên được Cục HKVN bổ nhiệm hướng dẫn về các giai đoạn bay khai thác áp dụng đối với năng định hạng và loại đề nghị cấp theo quy định tại bảng dưới đây.

Ghi chú 1; *Trong bảng dưới đây, các chữ viết tắt chỉ loại hoặc/và hạng tàu bay như sau: A = Máy bay; G = Tầu lượn; LA = Airship; FB = Kinh khí cầu (Free Balloon)*

BẢNG 1 - 7.177 **CÁC YÊU CẦU HUẤN LUYỆN CỤ THỂ**	**A**	**RH**	**PL**	**G**	**LA**	**FB**
(1) Nhận biết và quản lý rủi ro và đe dọa;	**X**	**X**	**X**	**X**	**X**	**X**
(2) Cân bằng khai thác trước khi bay, xác định trọng tải, kiểm tra và phục vụ tàu bay.	**X**	**X**	**X**	**X**	**X**	**X**

Bộ quy chế An toàn hàng không dân dụng lĩnh vực tàu bay và khai thác tàu bay - Phần 7

(3) Sân bay và khai thác bay vòng lượn bao gồm:	X	X	X	X	X	X
(a) Các phương thức cảnh báo tránh va chạm.	X	X	X	X	X	
(b) Khai thác đi, đến và bay qua sân bay có kiểm soát phù hợp với các phương thức dịch vụ không lưu	X	X	X	X	X	
(c) Khai thác bay vòng lượn,	X	X	X	X	X	
(d) Khai thác đi và đến các sân bay	X	X	X	X	X	
(4) Kiểm soát tàu bay bằng địa tiêu	X	X	X	X	X	X
(5) Kiểm soát tàu bay trong các giai đoạn bay xung yếu, bao gồm:						
(a) Bay với tốc độ chậm đặc biệt; nhận dạng và hồi phục từ giai đoạn chòng chành ban đầu.	X		X	X		
(b) Bay với công suất lệch đối với năng định hạng hoặc loại tàu bay nhiều động cơ type ratings;	X		X	X		
(c) Bay ở độ cao tối đa cho phép	X		X	X		
(d) Hồi phục ở giai đoạn đầu bằng cách ổn định công suất; kỹ thuật range of engine rpm;		X	X			
(e) Bay treo ngoài tác động của các ảnh hưởng từ mặt đất, khai thác với tải treo ngoài nếu áp dụng; bay ở độ cao cao.		X	X			
(6) CHC, bao gồm:						
(a) CHC bình thường	X			X	X	
(b) CHC có gió cắt	X			X	X	
(c) Tính năng tối đa	X				X	
(d) Hạ cánh ngắn	X			X		
(e) Bay vòng lượn	X				X	
(f) Vận hành trên mặt đất và nổ máy động cơ, cất và hạ cánh treo, trong trường hợp bình thường, gió mạnh hoặc mặt đất bị dốc, hoặc tiếp cận thẳng đứng hoặc độ dốc lớn.		X	X			

(g) Cất cánh, lấy độ cao và tiếp cận theo phương thức Rolling.		**X**	**X**			
(h) CHC với công suất động cơ tối thiểu cần thiết; các kỹ thuật CHC sử dụng tính năng tối đa; khai thác tại khu vực cấm, dừng nhanh;		**X**	**X**			
(i) Các kỹ thuật và phương thức cất cánh (phương pháp rời đất và lấy độ cao được sử dụng, bao gồm cả các giới hạn tốc độ phù hợp và phương thức cũng như tín hiệu sử dụng.				**X**	**X**	**X**
(j) Tiếp cận và hạ cánh bao gồm kiểm soát trên mặt đất					**X**	**X**
(7) Bay theo phương thức bay bằng thiết bị (IFR)	**X**	**X**	**X**		**X**	
(8) Các thao tác bay cơ bản và khả năng phục hồi từ các tình huống bất thường. by reference solely to ba F/O flight instruments	**X**	**X**	**X**		**X**	
(9) Bay đường dài sử dụng địa tiêu, có điều khiển dead reckoning và các phương tiện hỗ trợ dẫn đường; các phương thức bay đến sân bay dự phòng.	**X**	**X**	**X**	**X**	**X**	**X**
(10) Các phương thức và thao tác bay bất thường và khẩn cấp. including simulated aircraft equipment malfunctions	**X**	**X**	**X**		**X**	
(a) Hạ cánh xoay tự động;		**X**	**X**			
(b) Công suất được chuyển đổi sang chế độ quay tự động và tiếp cận với chế độ tự quay khi cần thiết; hỏng hóc của bộ truyền động hoặc trục ngắt bị hỏng trong trường hợp cần thiết.	**X**	**X**	**X**		**X**	
(c) Nhận biết rò rỉ;	**X**	**X**	**X**		**X**	
(11) Các phương thức liên lạc và liên lạc thoại					**X**	**X**
(12) Bơm lốp và chằng néo máy bay					**X**	**X**
(13) Cơ động trên mặt đất, cất cánh và đứng yên		**X**				
(14) Khai thác từ sân bay	**X**	**X**	**X**	**X**	**X**	
(a) Khai thác đi và đến nơi đỗ thủy phi cơ	**X**					

Bộ quy chế An toàn hàng không dân dụng lĩnh vực tàu bay và khai thác tàu bay - Phần 7

(b) Khai thác đi và đến sân bay trực thăng		X				
(c) Khai thác bay vòng lượn,	X	X	X	X	X	
(d) Khai thác đi, đến và quá cảnh qua sân bay kiểm soát, tuân thủ các phương thức dịch vụ không lưu, liên lạc thoại	X	X	X		X	
(15) Lập kế hoạch trước khi bay bao gồm tính tải và cân bằng	X	X	X	X	X	X
(16) Các kỹ thuật và phương thức cất cánh và lấy độ cao bao gồm hạn chế tốc độ phù hợp, các phương thức và tín hiệu khẩn nguy				X		X
(17) Cất cánh bình thường và có gió cắt	X	X	X	X	X	
(18) Tính năng cất cánh tối đa (đường băng ngắn và không có vật cản)	X	X	X			
(19) Cất cánh với công suất cất cánh tối thiểu cần thiết, không có gió và có độ dốc;		X				
(20) Cất cánh ở sân bay có độ cao cao	X	X	X			
(21) Hạ cánh bình thường và có gió cắt	X	X	X	X	X	
(22) Tính năng hạ cánh tối	X	X	X			
(23) Hạ cánh với công suất cần thiết; không có gió, đất dốc;		X				
(24) Hạ cánh ở độ cao cao	X	X	X			
(25) Vòng lượn khi tiếp cận hạ cánh	X	X	X		X	
(26) Lắp đặt, căn chỉnh và kiểm tra tàu bay				X		X
(27) Khai thác trong khu vực hạn chế, dừng nhanh		X				
(28) Tiếp cận dốc		X				
(29) Tiếp cận và hạ cánh xoay tự động		X	X			
(30) Tiếp cận và hạ cánh, bao gồm giữ tàu bay trên mặt đất					X	X
(31) Bay với tốc độ chậm tối đa cho phép	X	X	X	X		
(32) Bay ở độ cao cao	X	X	X			
(33) Bay chờ		X				

(34) Tránh xoay; hồi phục từ giai đoạn chòng chành ban đầu và đầy đủ.	**X**			**X**		
(35) Bay với các tính năng của máy bay bao gồm cả tốc độ tối đa cho phép high airspeeds	**X**	**X**	**X**	**X**		
(36) Cơ động trên mặt đất	**X**	**X**	**X**			
(37) Khai thác tời cầu, nếu áp dụng		**X**			**X**	
(38) Các tính năng cơ động bao gồm lượn vòng cơ động, bay vụt lên và cua gấp.	**X**					
(39) Kỹ thuật tăng tốc và tốc độ				**X**		
(40) Hồi phục tại giai đoạn ban đầu từ việc ổn định công suất; kỹ thuật hồi phục từ rotor.rpm thấp trong tầm động cơ rpm bình thường.		**X**				
(41) Bay đường dài với hơn 250 dặm, CHC tại 3 điểm riêng biệt	**X**	**X**	**X**			
(42) Bay đường dài hơn 1h hoặc 100 dặm CHC tại 3 điểm riêng biệt		**X**	**X**			
(43) Bay đêm, bao gồm CHC và dẫn đường	**X**	**X**	**X**			
(44) Bay đêm, bao gồm CHC và dẫn đường, nếu trong giấy phép có năng định bay đêm				**X**	**X**	**X**
(45) Các phương thức sau khi bay						

PHỤ LỤC 1 ĐIỀU 7.180: CÁC YÊU CẦU VỀ KINH NGHIỆM ĐỐI VỚI NGƯỜI LÁI ĐỀ NGHỊ CẤP CPL

Ngoài các yêu cầu tại Điều 7.180 người đề nghị cấp CPL phải ghi nhật ký thời gian bay với tư cách người lái trên mỗi loại hoặc hạng đề nghị cấp ít nhất như sau:

BẢNG 1 - 7. 180 KINH NGHIỆM CỤ THỂ									
(1) Người lái - Tất cả các loại tàu bay	200			150	150			150	
(2) Người lái- Tàu bay	100			100	100			100	
(3) Người lái - Chủng loại tàu bay	50					25			

(4) Người lái - Hạng tàu bay	50	25	20	50	25		25	25	
(5) Người lái - Bay đêm	10			10	10		5	5	
(6) Người chỉ huy tàu bay - Tất cả các loại tàu bay	100			100	100			100	
(7) Người chỉ huy tàu bay - Hạng tàu bay	35	5		35	35	30	5	30	2
(8) Người chỉ huy tàu bay - Bay đường dài - Chủng loại tàu bay	50			20	20			20	
(9) Người chỉ huy tàu bay - Bay đường dài - Hạng tàu bay	10			10	10	10		10	
(10) GVHDB - Hạng tàu bay	20	20	2	20	20	10	20	20	16
(11) GVHDB - Bay đường dài	3			3	3			3	
(12) GVHDB	10			10					
(13) CHC ban đêm đến khi dừng lại hẳn (với mỗi lần hạ cánh liên quan đến bay vòng kín) tại sân bay	10		5	5			5	5	
(14) Bay đơn đường dài (quy định tối thiểu), trong khóa huấn luyện có hai lần hạ cánh tại 2 điểm riêng biệt	5		3	3			3	3	
(15) GVHDB - Chuẩn bị kiểm tra thực hành (trước 60 ngày)	3	3		3	3		3	3	
(16) Lấy độ cao kinh khí cầu (nếu dùng gas) đến 5000 ft									
(17) Lấy độ cao kinh khí cầu (nếu dùng khí đốt) đến độ cao trên mực nước biển đến 3000 ft.									
SỐ CHUYẾN BAY									
(18) Các chuyến bay đường dài						10			05
(19) Huấn luyện bay (Khởi hành và hạ cánh)			10			10			10
(20) Các chuyến bay đơn - Chuẩn bị cấp năng định			5			10			2
(21) Các chuyến bay huấn luyện - Thực hành (Trong vòng 60 ngày trước)			3			3			2

PHỤ LỤC 1 ĐIỀU 7.200: CÁC YÊU CẦU ĐỐI VỚI NGƯỜI LÁI CỦA TỔ LÁI NHIỀU THÀNH VIÊN

1. [118] Huấn luyện

a. Huấn luyện bay phải bao gồm tối thiểu 240 giờ bay, trong đó có số giờ là người lái bay và người lái không bay trên các chuyến bay mô phỏng và chuyến bay thực tế gồm có 4 giai đoạn huấn luyện dưới đây:

1. Giai đoạn 1: kỹ năng bay cơ bản là giai đoạn huấn luyện bay một người lái cơ bản trên tàu bay.

2. Giai đoạn 2: cơ bản là giai đoạn giới thiệu khai thác trong môi trường nhiều thành viên và bay bằng thiết bị.

3. Giai đoạn 3: trung cấp là giai đoạn huấn luyện khai thác trong môi trường tổ lái nhiều thành viên trên máy bay tua bin nhiều động cơ được cấp giấy chứng nhận máy bay có tính năng cao theo quy định hiện hành.

4. Giai đoạn 4: nâng cao là giai đoạn huấn luyện năng định loại trong môi trường được định hướng theo hãng hàng không. Kinh nghiệm bay trên các chuyến bay thực tế phải bao gồm yêu cầu về kinh nghiệm theo quy định, huấn luyện phục hồi tình trạng tàu bay, bay đêm, bay bằng thiết bị và kinh nghiệm bay yêu cầu có liên quan đến người lái.

b. Các nội dung quy định về huấn luyện phối hợp tổ lái nhiều thành viên quy định trong Phần 7 này không kết hợp với các giai đoạn liên quan nói trên.

c. Huấn luyện trên chuyến bay không đối xứng phải được thực hiện trên máy bay thật hoặc trên thiết bị huấn luyện mô phỏng.

d. Mỗi giai đoạn huấn luyện theo giáo trình huấn luyện bay phải được huấn luyện kiến thức cơ bản và các giai đoạn huấn luyện thực hành.

đ. Khóa huấn luyện phải bao gồm quá trình đánh giá liên tục giáo trình huấn luyện và học viên. Việc đánh giá phải đảm bảo:

1. Kỹ năng và sự đánh giá liên quan đến nhiệm vụ của lái phụ trên máy bay nhiều động cơ;

---

[118] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Mục 15 Phụ lục 7 sửa đổi, bổ sung một số điều của Phần 7 Bộ Quy chế An toàn hàng không dân dụng lĩnh vực tàu bay và khai thác tàu bay ban hành kèm theo Thông tư số 42/2020/TT-BGTVT ngày 31 tháng 12 năm 2020, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 03 năm 2021.

2. Các học viên đạt được kỹ năng cần thiết theo quá trình và đạt yêu cầu.

e. Khóa huấn luyện phải bao gồm ít nhất 12 lần cất hạ cánh để đảm bảo đủ kỹ năng. Những lần cất hạ cánh này phải được thực hiện dưới dự giám sát của giáo viên trên loại máy bay sẽ được cấp năng định.

2. [119] Mức đánh giá:

a. Người đề nghị cấp giấy phép tổ lái nhiều thành viên phải đáp ứng được năng lực ở 9 mức được quy định tại khoản 3 Điều này, ở mức năng lực nâng cao yêu cầu khai thác và tương tác ở vị trí lái phụ trên máy bay tua bin nhiều động cơ theo quy tắc bay bằng mắt và bay bằng thiết bị. Việc đánh giá phải khẳng định khả năng kiểm soát máy bay hoặc tình huống được duy trì liên tục, đảm bảo kết quả tốt về phương thức khai thác hoặc các chuyển động của máy bay. Người đề nghị cấp giấy phép tổ lái nhiều thành viên phải chứng tỏ được mức kiến thức chắc chắn, kỹ năng và thái độ đảm bảo khai thác an toàn trên loại máy bay đang khai thác phù hợp với tiêu chí về giấy phép tổ lái nhiều thành viên.

3. Các giai đoạn huấn luyện

(a) Chín giai đoạn huấn luyện mà người đề nghị phải thực hiện như sau:

(1) Áp dụng các quy tắc quản lý đe dọa và rủi ro (TEM);

(2) Thực hiện khai thác máy bay trên mặt đất;

(3) Thực hiện cất cánh;

(4) Thực hiện lấy độ cao;

(5) Thực hiện bay bằng;

(6) Thực hiện hạ độ cao;

(7) Thực hiện tiếp cận;

(8) Thực hiện hạ cánh; và

(9) Thực hiện sau khi hạ cánh và khai thác máy bay sau chuyến bay;

(10) Các giai đoạn huấn luyện được phân chia nhỏ tới các chi tiết cấu thành mà các yêu cầu về tính năng đã được xác định cụ thể. Các giai đoạn huấn luyện và các yêu cầu về tính năng cụ thể do Cục HKVN quy định.

(b) Đơn đề nghị cấp phê chuẩn các quy tắc quản lý đe dọa và rủi ro là một giai đoạn huấn luyện đặc thù được hợp nhất với mỗi giai đoạn huấn luyện khác cho các mục đích huấn luyện và kiểm tra.

---

[119] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Mục 15 Phụ lục 7 sửa đổi, bổ sung một số điều của Phần 7 Bộ Quy chế An toàn hàng không dân dụng lĩnh vực tàu bay và khai thác tàu bay ban hành kèm theo Thông tư số 42/2020/TT-BGTVT ngày 31 tháng 12 năm 2020, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 3 năm 2021.

4. Thiết bị huấn luyện mô phỏng

(a) Các thiết bị huấn luyện bay mô phỏng được sử dụng để tích luỹ kinh nghiệm cho người lái đề nghị cấp giấy phép tổ lái nhiều thành viên phải được Cục HKVN phê chuẩn.

(b) Các thiết bị huấn luyện mô phỏng được phân loại như sau:

(1) **Loại 1**: Huấn luyện từ xa (E-training) và các thiết bị mô phỏng công việc (part tasking devices) do Cục HKVN phê chuẩn có các đặc tính sau:

(i) Liên quan đến các phụ kiện khác với các phụ kiện thường liên quan tới máy tính bàn như bộ điều khiển đúp của cần tay ga, cần điều khiển máy bay hoặc bàn phím của FMS;

(ii) Liên quan đến hoạt động tâm lý lượng học khi áp dụng lực và thời gian phản hồi thích hợp.

(2) **Loại 2**: Thiết bị mô phỏng bay đại diện cho loại tàu bay lắp động cơ tuốc-bin được phê chuẩn cho tổ bay hai thành viên và có hệ thống bay ban ngày bằng mắt tăng cường và có trang bị hệ thống tự động lái.

(i) Yêu cầu này có thể được đáp ứng bằng thiết bị huấn luyện mô phỏng bay được trang bị bay ban ngày bằng mắt;

(ii) Phải đáp ứng, ở mức tối thiểu, các tính năng tương đương với quy định của FAA đối với FTD mức 5 hoặc JAA FNPT II MCC.

(3) **Loại 3**: Thiết bị mô phỏng bay đại diện cho loại tàu bay lắp nhiều động cơ tuốc-bin được phê chuẩn cho tổ bay hai thành viên và có hệ thống bay ban ngày bằng mắt tăng cường và có trang bị hệ thống tự động lái.

(i) Yêu cầu này có thể được đáp ứng bằng thiết bị huấn luyện mô phỏng bay được trang bị bay ban ngày bằng mắt;

(ii) Phải đáp ứng, ở mức tối thiểu, các tính năng tương đương như thiết bị mô phỏng bay mức B được quy định tại JAR-STD 1A hiện hành; và tại FAA AC120-40B hiện hành, bao gồm cả phương pháp áp dụng thay thế (alternative mean of compliance) cho phép tại AC120-40B;

(iii) Một số buồng tập mô phỏng bay đầy đủ (full flight simulator) mức A đã được đánh giá trước đây mà đã được phê chuẩn để sử dụng cho việc huấn luyện và kiểm tra thao tác bay vẫn có thể được sử dụng.

(4) **Loại 4**: Thiết bị mô phỏng bay hoàn toàn tương đương với thiết bị mô phỏng mức D và C có trang bị hệ thống bay ban ngày bằng mắt tăng cường.

Ghi chú: Yêu cầu này có thể được đáp ứng bởi thiết bị mô phỏng bay đáp ứng, tối thiểu, các tính năng tương đương quy định cho buồng tập mô phỏng bay mức C và D được quy định tại JAR-STD 1A hiện hành và tại FAA AC120-40B hiện hành, bao gồm cả phương pháp áp dụng thay thế cho phép tại AC120-40B.

PHỤ LỤC 1 ĐIỀU 7.215: CÁC YÊU CẦU VỀ KIẾN THỨC ĐỐI VỚI NGƯỜI LÁI ĐỀ NGHỊ CẤP ATPL

(a) Đối với cả trực thăng và máy bay: Ngoài các quy định tại Điều 7.215, người đề nghị cấp ATPL phải chứng tỏ mức kiến thức phù hợp với quyền được cấp của người có ATPL (máy bay hoặc trực thăng), ít nhất là trong các môn học sau đây:

(1) Các quy định và quy tắc liên quan đến ATPL: các quy tắc về không phận; thực hành và các phương thức dịch vụ không lưu phù hợp;

(2) Các thiết bị bay: các hỏng hóc của la bàn, nút và gia tốc; thiết bị con quay, các giới hạn trong khai thác và hiệu ứng chuyển động chậm của một vật thể quay xung quanh một trục; thực hành và các phương thức khi các thiết bị bay thực hiện sai chức năng;

(3) Kế hoạch bay khai thác trước chuyến bay và trong chuyến bay; chuẩn bị và ghi đủ vào kế hoạch bay không lưu; các phương thức cung cấp dịch vụ không lưu phù hợp; quy trình đặt đồng hồ đo độ cao;

(4) Năng lực con người liên quan đến vận tải hàng không;

(5) Dịch và áp dụng các báo cáo khí tượng hàng không, các biểu đồ và dự báo khí tượng; mã và các chữ viết tắt; sử dụng và các quy trình nắm bắt các thông tin khí tượng, trước và trong chuyến bay; đo độ cao;

(6) Khí tượng hàng không; khí hậu các vùng liên quan trên phương diện các yếu tố có ảnh hưởng đến hàng không; sự thay đổi của hệ thống áp suất; cấu trúc dải không khí, nguồn gốc và các đặc điểm của hiện tượng thời tiết đặc biệt ảnh hưởng đến các điều kiện cất cánh, trong khi bay và hạ cánh;

(7) Các nguyên nhân, nhận biết và ảnh hưởng của việc đóng băng trên động cơ và thân tàu bay; quy trình xuyên qua vùng/dải không khí; tránh khu vực thời tiết xấu;

(8) Không lưu, bao gồm sử dụng các biểu đồ hàng không, hỗ trợ dẫn đường bằng đài dẫn đường và hệ thống dẫn đường khu vực, các yêu cầu về dẫn đường đặc thù đối với các chuyến bay tầm xa.

(9) Sử dụng, chính xác và tin cậy hệ thống dẫn đường sử dụng trong các giai đoạn khởi hành, trong khi bay, tiếp cận và hạ cánh; nhận biết hỗ trợ dẫn đường của đài dẫn đường;

(10) Các quy tắc và đặc tính của hệ thống dẫn đường địa tiêu lắp trên tàu bay và khai thác thiết bị cất cánh; mã và viết tắt, và các sơ đồ phương thức khai thác bằng thiết bị trong khởi hành, trong khi bay, hạ độ cao và tiếp cận;

(11) Các phương thức khẩn nguy và đề phòng khẩn nguy; thực hành an toàn gắn liền với bay theo IFR;

(12) Các phương thức khai thác vận chuyển hàng hoá và hàng nguy hiểm;

(13) Các yêu cầu và thực hành đối với giảng bình an toàn cho hành khách, bao gồm việc đề phòng khi lấy hành khách lên tàu bay và cho hành khách xuống tàu bay;

(14) Các phương thức liên lạc vô tuyến điện và khẩu lệnh hành động trong trường hợp hỏng hệ thống liên lạc;

(15) Dịch và sử dụng tài liệu hàng không như AIP, NOTAM, các code hàng không và từ viết tắt, sơ đồ phương thức bay bằng thiết bị để khởi hành, trong chuyến bay, giảm độ cao và tiếp cận;

(b) Các lĩnh vực kiến thức bổ sung về hàng không: Người đề nghị phải chứng tỏ được mức kiến thức phù hợp với năng định được cấp trong ATPL (máy bay hoặc trực thăng), ít nhất là các môn sau đây:

(1) Các đặc tính chung và giới hạn của hệ thống điện, thủy lực, áp suất và các hệ thống khác của tàu bay; các hệ thống điều khiển, bao gồm lái tự động và tăng sự ổn định của tàu bay;

(2) Các quy tắc khai thác, làm chủ các phương thức và các hạn chế trong khai thác động cơ tàu bay; các ảnh hưởng của điều kiện khí quyển lên tính năng động cơ; các thông tin về khai thác có liên quan từ tài liệu hướng dẫn bay và tài liệu thích hợp khác;

(3) Các phương thức khai thác và các hạn chế của máy bay; các ảnh hưởng của điều kiện khí quyển lên tính năng động cơ;

(4) Sử dụng và kiểm tra khả năng hoạt động của thiết bị và các hệ thống của máy bay phù hợp;

(5) Các quy trình bảo dưỡng khung, hệ thống và động cơ của máy bay phù hợp;

(6) Các ảnh hưởng của việc chất tải và phân phối trọng tải trên tàu bay, các đặc tính và tính năng bay; cách tính trọng tải và cân bằng;

(7) Sử dụng và thực hành cất cánh, hạ cánh và các dữ liệu về tính năng khác, bao gồm các phương thức kiểm soát đường dài;

(8) Thực hành khí tượng, bao gồm dịch và sử dụng báo cáo thời tiết, sơ đồ và dự báo thời tiết; luồng khí phản lực;

(9) Sử dụng, hạn chế và khả năng hoạt động của hệ thống điện điện tử và thiết bị cần thiết để điều khiển và dẫn đường máy bay;

(10) Các quy tắc bay liên quan đến máy bay; khí động học cận âm; các giới hạn cơ động cho phép; đặc tính thiết kế của cánh; hiệu ứng bổ trợ lực nâng và lực cản của các thiết bị; mối liên hệ giữa lực nâng, lực cản và lực đẩy tại các vận tốc và cấu hình của tàu bay khác nhau.

(c) Các lĩnh vực kiến thức bổ sung về trực thăng: Người đề nghị phải chứng tỏ được mức kiến thức phù hợp với năng định được cấp trong ATPL, ít nhất là các môn sau đây:

(1) Các đặc tính chung và giới hạn của hệ thống điện, thủy lực, áp suất và các hệ thống khác của tàu bay; các hệ thống điều khiển, bao gồm lái tự động và tăng sự ổn định của trực thăng;

(2) Các quy tắc khai thác, làm chủ các phương thức và các hạn chế trong khai thác động cơ tàu bay; các ảnh hưởng của điều kiện khí quyển lên tính năng động cơ; các thông tin về khai thác có liên quan từ tài liệu hướng dẫn bay và tài liệu thích hợp khác;

(3) Các phương thức khai thác và các hạn chế của trực thăng; các ảnh hưởng của điều kiện khí quyển lên tính năng động cơ;

(4) Sử dụng và kiểm tra khả năng hoạt động của thiết bị và các hệ thống của máy bay phù hợp;

(5) Các quy trình bảo dưỡng khung, hệ thống và động cơ của trực thăng phù hợp;

(6) Các ảnh hưởng của việc chất tải và phân phối trọng tải trên trực thăng, các đặc tính và tính năng bay; cách tính trọng tải và cân bằng;

(7) Sử dụng và thực hành cất cánh, hạ cánh và các dữ liệu về tính năng khác bao gồm các phương thức kiểm soát bay đường dài;

(8) Các nguyên nhân, nhận biết và ảnh hưởng của động cơ, khung và đóng băng cánh quay; tránh khu vực thời tiết xấu;

(9) Sử dụng, hạn chế và khả năng hoạt động của avionics và các thiết bị cần thiết đối với việc kiểm soát và dẫn đường trực thăng;

(10) Các phương thức khẩn nguy và đề phòng;

(11) Các phương thức khai thác vận chuyển hàng hóa, bao gồm cả hàng treo ngoài và hàng nguy hiểm;

(12) Các yêu cầu và thực hành đối với giảng bình an toàn cho hành khách, bao gồm việc đề phòng khi lên tàu bay và rời khỏi trực thăng;

(13) Các quy tắc bay liên quan đến trực thăng;

(14) Các phương thức liên lạc điện đài và sắp xếp từ ngữ áp dụng cho khai thác VFR; hành động trong trường hợp hỏng hệ thống liên lạc.

PHỤ LỤC 1 ĐIỀU 7.217: CÁC YÊU CẦU VỀ KỸ NĂNG BAY ĐỐI VỚI ATPL

(a) Ngoài các quy định tại Điều 7.217, người đề nghị phải chứng tỏ được khả năng thực hiện các phương thức và các thao tác do Cục HKVN quy định, với tư cách là người chỉ huy tàu bay trên máy bay nhiều động cơ yêu cầu khai thác cùng lái phụ, ít nhất bao gồm:

(1) Các thủ tục trước khi bay, gồm có chuẩn bị kế hoạch khai thác bay và thực hiện đầy đủ kế hoạch bay không lưu;

(2) Các phương thức bay và các thao tác bình thường trong các giai đoạn của chuyến bay;

(3) Các phương thức và các thao tác đối với khai thác IFR trong điều kiện bình thường, bất thường và khẩn nguy gồm có hỏng động cơ mô phỏng và bao gồm ít nhất các yếu tố sau:

(i) Chuyển sang bay bằng thiết bị khi cất cánh;

(ii) Khởi hành và đến bằng thiết bị tiêu chuẩn;

(iii) Các phương thức IFR và không lưu trong chuyến bay;

(iv) Các phương thức chờ;

(v) Tiếp cận bằng thiết bị đến mức tối thiểu theo quy định;

(vi) Các phương thức tiếp cận hụt;

(vii) Hạ cánh sau khi tiếp cận bằng thiết bị;

(4) Các phương thức khai thác bất thường và khẩn nguy và các thao tác liên quan đến hỏng hóc và sai chức năng thiết bị ví dụ như động cơ, hệ thống và khung sườn; và

(5) Các cách xử lý đối với sự mất khả năng làm việc và hợp tác của tổ bay, bao gồm chỉ định nhiệm vụ cho người lái, hợp tác của tổ bay và sử dụng danh mục kiểm tra.

(b) Đối với loại và hạng tàu bay khác, người đề nghị phải chứng tỏ khả năng thực hiện các phương thức và các thao tác của khoản (a) với tư cách là người chỉ huy tàu bay, ngoại trừ điểm (5), khoản (a) theo quy định trong các tiêu chuẩn về kiểm tra thực hành.

PHỤ LỤC 1 ĐIỀU 7.220: KINH NGHIỆM ĐỐI VỚI NGƯỜI LÁI ĐỀ NGHỊ CẤP ATPL

(a) Ngoài các yêu cầu tại Điều 7.220 và, người đề nghị cấp ATPL phải có ít nhất kinh nghiệm đối với loại tàu bay đó được liệt kê trong bảng dưới đây:

Ghi chú 1: Trong bảng dưới đây, các chữ viết tắt chỉ loại hoặc/và hạng tàu bay như sau: A = Máy bay; RH = Tàu bay động cơ Rotor - Trực thăng; RG = Tàu bay động cơ Rotor - Gyroplane; G= Tầu lượn; LA = Airship; FB = Kinh khí cầu (Free Balloon)

Ghi chú 2: TR = Chuyển từ A sang Rotocraft; TG = Chuyển từ A sang G; TA = Chuyển từ A hoặc R sang Airship; TP = Chuyển từ A sang PL.

BẢNG 1 - 7.200 **KINH NGHIỆM CỤ THỂ**	**A**	**TR**	**TG**	**RH**	**PL**	**G**	**TLA**	**LA**	**FB**
GIỜ BAY TỐI THIỂU									
(1) Người lái - Trên hạng tàu bay	1500			1000					

(2) Người lái - Bay đường dài	200			200					
(3) Người lái - Đêm	100			100					
(4) Người lái - Đêm trên tàu bay				15					
(5) Người lái - Thiết bị (Trên tàu bay hoặc trên SIM)	75			75					
(6) Người lái - Thiết bị (Trên tàu bay hoặc trên SIM) Aircraft Class				25					
(7) Người lái - Thiết bị (Thời gian bay Tối đa trên SIM)	25			25					
(8) Người lái - Thiết bị (Thời gian bay tối đa trên SIM) trên hạng tàu bay trong khóa học conducted by an ATO	50			50					
(9) Người chỉ huy tàu bay - Loại tàu bay (hoặc Người chỉ huy tàu bay) dưới sự giám sát của giáo viên kiểm tra loại tàu bay (TRE).	250			35					
(10) Chuẩn bị cho kiểm tra thực hành bay (trước 60 ngày)	3			3					

(b) Người lái đã thực hiện ít nhất 20 lần cất hạ cánh đêm đến khi dừng lại hẳn, được phép tính một lần cất hạ cánh đêm đến khi dừng lại hẳn bằng 1 giờ bay đêm để đáp ứng yêu cầu về thời gian bay đêm quy định trong bảng này nhưng không được tính quá 25h.

(c) Người đề nghị CPL có thể tính thời gian F/O sau đây hoặc thời gian làm cơ giới trên không đạt 1500h trong tổng số giờ bay với tư cách là người lái theo quy định của khoản (a) của Điều này:

(1) Thời gian F/O đạt được trên tàu bay:

(i) Yêu cầu có hơn một người lái theo quy định của tài liệu hướng dẫn bay hoặc Giấy chứng nhận loại tàu bay; hoặc

(ii) Tham gia vào khai thác theo quy định của Phần 12 yêu cầu đối với F/O;

(2) Thời gian làm cơ giới trên không đạt được:

(i) Trên máy bay yêu cầu có cơ giới trên không theo quy định của tài liệu hướng dẫn bay hoặc Giấy chứng nhận loại tàu bay;

(ii) Khi tham gia vào khai thác theo quy định của Phần 12 yêu cầu đối với cơ giới trên không;

(iii) Khi người lái đang tham dự chương trình huấn luyện được phê chuẩn theo Phần 12; và

(iv) Không quá 1h đối với mỗi 3h làm cơ giới trên không trong tổng số thời gian được tính không quá 500h.

PHỤ LỤC 1 ĐIỀU 7.235: CÁC YÊU CẦU ĐỐI VỚI KIẾN THỨC CỦA GIÁO VIÊN HƯỚNG DẪN BAY

(a) Ngoài các yêu cầu tại Điều 7.235, người đề nghị cấp năng định giáo viên hướng dẫn bay phải được giáo viên được ủy quyền huấn luyện trên mặt đất có ghi nhật ký về:

(1) Ngoài quy định tại khoản (b) của Điều này, người đề nghị phải được hướng dẫn cơ bản bao gồm:

(i) Quá trình huấn luyện;

(ii) Các yếu tố để giảng dạy có hiệu quả;

(iii) Phát triển các khóa học;

(iv) Kế hoạch huấn luyện;

(v) Sử dụng các thiết bị hỗ trợ huấn luyện;

(vi) Các phương pháp giảng dạy trong lớp học;

(vii) Các phương pháp áp dụng giảng dạy;

(viii) Phát triển chương trình huấn luyện;

(ix) Đặc điểm của con người liên quan đến hướng dẫn bay; và

(x) Phân tích và chữa các lỗi của học viên;

(xi) Đánh giá khả năng của học viên đối với các môn học trên mặt đất;

(xii) Đánh giá và kiểm tra học viên; huấn luyện về philosophies;

(2) Các lĩnh vực kiến thức về hàng không đối với PPL và CPL áp dụng trên loại tàu bay đề nghị cấp năng định giáo viên hướng dẫn; và

(3) Các lĩnh vực kiến thức về hàng không đối với năng định thiết bị áp dụng trên loại tàu bay đề nghị cấp năng định giáo viên hướng dẫn bay bằng thiết bị.

(b) Các đối tượng sau đây không cần tuân thủ điểm (1), khoản (a) của Điều này:

(1) Người có giấy phép giáo viên hướng dẫn trên mặt đất được cấp theo quy định của Phần này; hoặc

(2) Giáo viên tại trường đại học, trung học chuyên nghiệp, phổ thông trung học và tương đương.

PHỤ LỤC 1 ĐIỀU 7.237: CÁC YÊU CẦU VỀ HƯỚNG DẪN BAY ĐỐI VỚI GIÁO VIÊN HUẤN LUYỆN BAY

(a) Phụ lục này bao gồm các yêu cầu bổ sung vào Điều 7.237;

(b) Người đề nghị cấp năng định giáo viên hướng dẫn bay phải thực hành các phương pháp hướng dẫn bao gồm hướng dẫn, thực hành, nhận biết và sửa chữa các lỗi chung của học viên;

(c) Người đề nghị phải thực hành các phương pháp hướng dẫn về các thao tác và các phương thức sẽ hướng dẫn cho học viên;

(d) Người đề nghị cấp giấy phép giáo viên hướng dẫn bay đáp ứng được các quy định này bao gồm được huấn luyện bay và trên mặt đất do giáo viên hướng dẫn được phép thực hiện và được xác nhận là người đề nghị thi đỗ kỳ kiểm tra thực hành về các lĩnh vực khai thác sau đây áp dụng đối với năng định giáo viên hướng dẫn bay.

Ghi chú 1: Trong bảng dưới đây, các chữ viết tắt chỉ loại hoặc/và hạng tàu bay như sau: A = Máy bay; RH = Tàu bay động cơ Rotor-Trực thăng; RG = Tàu bay động cơ Rotor- Gyroplane; G= Tầu lượn; LA = Airship; FB= Kinh khí cầu (Free Balloon)

BẢNG 1 - 7.217 **CÔNG TÁC HUẤN LUYỆN CỤ THỂ**	**A**	**RH**	**PL**	**G**	**LA**	**FB**
(1) Hướng dẫn bay cơ bản	**X**	**X**	**X**	**X**		
(2) Hướng dẫn kỹ thuật	**X**	**X**	**X**	**X**		
(3) Chuẩn bị trước khi bay	**X**	**X**	**X**	**X**		

Bộ quy chế An toàn hàng không dân dụng lĩnh vực tàu bay và khai thác tàu bay - Phần 7

(4) Bài chuẩn bị trước khi bay về cơ động trong chuyến bay	X	X	X	X		
(5) Sân bay và khai thác thủy phi cơ	X	X	X	X		
(6) Khai thác sân bay trực thăng		X				
(7) Khai thác bãi đỗ tầu lượn				X		
(8) Phương thức bay chờ		X				
(9) Cất cánh, hạ cánh và bay vòng lượn	X	X	X	X		
(10) Khởi hành và hạ cánh				X		
(11) Tốc độ hoạt động				X		
(12) Quy tắc bay cơ bản	X	X	X	X		
(13) Bay với tốc độ chậm	X	X	X	X		
(14) Chòng chành và xoáy	X			X		
(15) Cơ động	X	X	X	X X		
(16) Kỹ thuật bay vọt lên						
(17) Khai thác máy bay nhiều động cơ	X	X				
(18) Khai thác đặc biệt		X				
(19) Tham chiếu mặt đất	X	X	X	X		
(20) Cơ động thiết bị cơ bản	X	X	X	X		
(21) Bay với phương thức bay bằng thiết bị	X	X	X			
(22) Các huấn lệnh và các phương thức kiểm soát không lưu	X	X	X			
(23) Bay với phương thức bay bằng thiết bị	X	X	X			
(24) Sử dụng thiết bị hỗ trợ dẫn đường	X	X	X			
(25) Khai thác khẩn nguy	X	X	X	X		
(26) Phương thức sau khi bay	X	X	X	X		
(27) Khởi hành bay bằng thiết bị	X	X				
(28) Bay cơ bản bằng thiết bị	X	X				
(29) Các phương thức bay hành trình và đến bằng thiết bị	X	X				
(30) Phương thức tiếp cận bằng thiết bị	X	X				

PHỤ LỤC 1 ĐIỀU 7.255: CÁC YÊU CẦU VỀ KIẾN THỨC HÀNG KHÔNG ĐỐI VỚI CƠ GIỚI TRÊN KHÔNG

(a) Ngoài các yêu cầu tại Điều 7.255, người đề nghị cấp giấy phép cơ giới trên không phải chứng tỏ kiến thức cơ bản phù hợp với năng định được cấp ít nhất là các môn học sau đây:

(1) Các quy tắc và quy định liên quan đến người có giấy phép cơ giới trên không; các quy tắc và quy định điều tiết việc khai thác tàu bay dân dụng liên quan đến các nhiệm vụ của cơ giới trên không;

(2) Nền tảng của khí động lực học;

(3) Các khía cạnh khai thác khí tượng;

(4) Các ảnh hưởng của việc chất tải và phân bố trọng lượng trên máy bay, các tính năng và đặc tính bay; tính trọng tải và cân bằng.

(b) Để hoàn thành khóa học kiến thức về hàng không cấp giấy phép cơ giới trên không hoặc cấp năng định hạng cơ giới trên không, người đề nghị phải chứng tỏ mức kiến thức phù hợp với năng định được cấp cho người có giấy phép cơ giới trên không, ít nhất là các môn sau đây:

(1) Các quy tắc cơ bản về động cơ tuốc-bin khí và/hoặc động cơ pit-tông; các đặc tính của nhiên liệu, hệ thống nhiên liệu bao gồm kiểm soát nhiên liệu, dầu nhờn và hệ thống dầu nhờn; buồng đốt tăng lực và hệ thống phun; chức năng và khai thác hệ thống đánh lửa của động cơ và hệ thống khởi động;

(2) Các quy tắc khai thác, nắm vững các phương thức khai thác và các hạn chế trong khai thác của động cơ tàu bay; các ảnh hưởng của khí quyển lên tính năng động cơ;

(3) Khung, hệ thống kiểm soát bay, cấu trúc, hệ thống bánh lái, phanh và các bộ phận chống trượt, rỉ sét và thọ mệnh về độ mỏi vật liệu của cấu trúc máy bay, nhận dạng các thiếu hụt và hỏng hóc;

(4) Hệ thống chống mưa và đóng băng;

(5) Hệ thống áp suất và điều hòa, ôxy;

(6) Hệ thống thủy lực và khí nén;

(7) Lý thuyết điện cơ bản, hệ thống điện (AC và DC), hệ thống mạng điện tàu bay, tiếp mát và màn hình;

(8) Các quy tắc khai thác thiết bị, la bàn, lái tự động, điện đài, hỗ trợ dẫn đường bằng radar và điện đài, hệ thống quản lý bay, hiển thị và avionics;

(9) Các hạn chế của tàu bay;

(10) Hệ thống cứu hỏa, dập lửa;

(11) Sử dụng và kiểm tra khả năng hoạt động của thiết bị và hệ thống tàu bay phù hợp;

(12) Sử dụng và thực hành về dữ liệu bao gồm các phương thức kiểm soát bay đường dài;

(13) Đặc điểm của con người liên quan đến cơ giới trên không;

(14) Các quy tắc bảo dưỡng, các quy trình bảo dưỡng đủ điều kiện bay, báo cáo thiếu sót, kiểm tra trước khi bay; các quy trình cảnh báo khi nạp dầu và sử dụng hệ thống điện mặt đất; lắp đặt thiết bị và hệ thống khoang khách;

(15) Các phương thức khai thác bình thường, bất thường và khẩn nguy;

(16) Các phương thức khai thác vận chuyển hàng và hàng nguy hiểm;

(17) Các phương thức liên lạc điện đài và huấn lệnh;

(18) Kiến thức cơ bản về phương thức dẫn đường; các quy tắc và khai thác hệ thống bao kín.

PHỤ LỤC 1 ĐIỀU 7.257 CÁC YÊU CẦU VỀ KINH NGHIỆM ĐỐI VỚI CƠ GIỚI TRÊN KHÔNG[120]

a. Ngoài các yêu cầu tại Điều 7.257, người đề nghị cấp Giấy phép cơ giới trên không với năng định hạng phải nộp hồ sơ sau đây:

1. Hồ sơ chứng minh có ít nhất 100 giờ bay với chức năng là cơ giới trên không có thể gồm tối đa 50 giờ trên buồng lái giả định được phê chuẩn; Ɛ

2. Hồ sơ chứng minh trong vòng 90 ngày trước khi nộp đơn, đã hoàn thành khóa huấn luyện bay và trên mặt đất được phê chuẩn dành cho cơ giới trên không;

3. Bằng chứng tốt nghiệp ít nhất khóa huấn luyện 2 năm chuyên ngành hàng không về bảo dưỡng tàu bay và động cơ tàu bay với ít nhất 05 giờ huấn luyện bay thực hiện nhiệm vụ của cơ giới trên không;

---

[120] Phụ lục Điều này được sửa đổi theo quy định tại Mục 7 Phụ lục VI sửa đổi, bổ sung một số điều của Phần 7 Bộ Quy chế an toàn hàng không dân dụng lĩnh vực tàu bay và khai thác tàu bay ban hành kèm theo Thông tư số 21/2017/TT-BGTVT ngày 30 tháng 6 năm 2017, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 9 năm 2017.

4. Bằng tốt nghiệp hàng không về điện - điện tử, cơ khí của trường đại học hoặc trung học chuyên nghiệp, trường dạy nghề; có ít nhất 6 tháng kinh nghiệm thực tế bảo dưỡng tàu bay và ít nhất 05 giờ huấn luyện bay thực hiện nhiệm vụ của cơ giới trên không.

PHỤ LỤC 1 ĐIỀU 7.260: CÁC YÊU CẦU VỀ KINH NGHIỆM KHAI THÁC ĐỐI VỚI CƠ GIỚI TRÊN KHÔNG

(a) Ngoài các yêu cầu của Điều 7.260, người đề nghị cấp giấy phép cơ giới trên không với năng định hạng phải thể hiện kinh nghiệm khai thác đạt yêu cầu trong thực hiện nhiệm vụ của cơ giới trên không dưới sự giám sát của cơ giới trên không được ủy quyền, đối với tàu bay sử dụng kiểm tra để cấp năng định, ít nhất trong các lĩnh vực sau:

(1) Các phương thức khai thác bình thường:

(i) Kiểm tra trước khi bay;

(ii) Quy trình nạp dầu, quản lý nhiên liệu;

(iii) Kiểm tra tài liệu bảo dưỡng;

(iv) Các phương thức bay bình thường trong các giai đoạn của chuyến bay;

(v) Sự phối hợp của tổ bay và các quy trình trong trường hợp tổ bay mất khả năng hoạt động;

(vi) Báo cáo hỏng hóc.

(2) Các phương thức khai thác bất thường và chuyển đổi (chờ).

(i) Nhận biết sự bất thường của hệ thống tàu bay;

(ii) Sử dụng các phương thức khai thác bất thường và chuyển đổi (chờ).

(3) Các phương thức khẩn nguy.

(i) Nhận biết các tình trạng khẩn nguy;

(ii) Sử dụng các phương thức khai thác khẩn nguy phù hợp.

PHỤ LỤC 1 ĐIỀU 7.263: CÁC YÊU CẦU VỀ KỸ NĂNG ĐỐI VỚI CƠ GIỚI TRÊN KHÔNG

(a) Ngoài các yêu cầu của Điều 7.263, người đề nghị phải:

(1) Thực hiện tốt quy trình kiểm tra trước khi bay, dịch vụ, khởi động, trước khi cất cánh và sau khi hạ cánh;

(2) Trong chuyến bay, thực hiện tốt các nhiệm vụ và các phương thức khai thác bình thường liên quan đến máy bay, động cơ máy bay, cánh quạt (nếu áp dụng), hệ thống và các thiết bị trên tàu bay;

(3) Trong chuyến bay, trên buồng lái giả định, hoặc các thiết bị huấn luyện mô phỏng, thực hiện tốt nhiệm vụ và các phương thức khai thác khẩn nguy, nhận biết và có hành động phù hợp đối với việc thực hiện sai chức năng của máy bay, động cơ máy bay, cánh quạt (nếu áp dụng), hệ thống và các thiết bị trên tàu bay;

(4) Sử dụng các hệ thống của tàu bay khi tàu bay có khả năng hoạt động bình thường và khi có những hạn chế;

(5) Thể hiện tính quyết đoán tốt và kỹ năng hàng không;

(6) Áp dụng được kiến thức hàng không;

(7) Thực hiện các nhiệm vụ như một thành viên của tổ bay; và

(8) Liên lạc với các thành viên khác của tổ bay một cách hiệu quả.

PHỤ LỤC 1 ĐIỀU 7.275: CÁC YÊU CẦU VỀ KIẾN THỨC ĐỐI VỚI DẪN ĐƯỜNG TRÊN KHÔNG

(a) Ngoài các quy định tại Điều 7.275, người đề nghị phải chứng tỏ được mức kiến thức phù hợp với năng định được cấp đối với người có giấy phép dẫn đường trên không, ít nhất là trong các nội dung sau đây:

(1) Các quy tắc và quy định liên quan đến người có giấy phép dẫn đường trên không; các phương thức và thực hành về dịch vụ không lưu phù hợp;

(2) Các ảnh hưởng của việc chất tải và phân phối trọng tải trên tàu bay;

(3) Sử dụng các dữ liệu về cất cánh, hạ cánh và các dữ liệu về tính năng khác, bao gồm các phương thức kiểm soát đường dài;

(4) Kế hoạch bay khai thác trước khi bay và trong khi bay; chuẩn bị và hoàn thành kế hoạch bay dịch vụ không lưu; các phương thức dịch vụ không lưu phù hợp; các quy trình thiết lập thiết bị đo độ cao;

(5) Đặc điểm của con người liên quan đến việc dẫn đường trên không bao gồm các quy tắc quản lý đe dọa và rủi ro;

(6) Dịch và sử dụng các báo cáo khí tượng hàng không, sơ đồ và dự báo thời tiết; các code và chữ viết tắt, sử dụng và các quy trình nắm bắt thông tin khí tượng, kiểm tra trước khi bay và trong khi bay; thiết bị đo độ cao;

(7) Khí tượng hàng không; khí hậu liên quan đến các yếu tố ảnh hưởng đến hàng không; sự chuyển động của hệ thống áp suất; cấu trúc phía trước, và các đặc điểm của hiện tượng khí hậu đặc biệt ảnh hưởng đến các điều kiện cất cánh, trong khi bay và hạ cánh;

(8) Phương thức định vị dựa vào vị trí đã được xác định trước đó (Dead-rekoning), phương thức định vị bằng áp suất (Pressure Pattern) và phương thức dẫn đường (Celestial); sử dụng các sơ đồ hàng không, hỗ trợ dẫn đường bằng điện đài và hệ thống dẫn đường khu vực; các yêu cầu đặc thù về dẫn đường cho các chuyến bay tầm xa;

(9) Sử dụng, hạn chế và khả năng hoạt động của thiết bị điện tử và các thiết bị cần thiết đối với dẫn đường cho tàu bay;

(10) Sử dụng, độ chính xác và thực tế của hệ thống dẫn đường sử dụng trong các giai đoạn khởi hành, trong khi bay và tiếp cận; nhận biết hỗ trợ của đài dẫn đường;

(11) Các quy tắc, các đặc tính và sử dụng hệ thống dẫn đường địa tiêu và tự chứa; khai thác thiết bị hàng không;

(12) Các định nghĩa, đơn vị và các cách sử dụng trong phương thức dẫn đường thiên văn;

(13) Dịch và sử dụng các tài liệu hàng không như AIP, NOTAM, code, chữ viết tắt, sơ đồ phương thức khai thác bằng thiết bị khi khởi hành, trong chuyến bay, hạ độ cao, tiếp cận; quy tắc bay; các phương thức liên lạc vô tuyến điện và mẫu thoại liên lạc.

PHỤ LỤC 1 ĐIỀU 7.280: CÁC YÊU CẦU VỀ KỸ NĂNG ĐỐI VỚI DẪN ĐƯỜNG TRÊN KHÔNG:

(a) Nhân viên dẫn đường trên không phải:

(1) Chứng tỏ thực hiện tốt các thủ tục kiểm tra trước khi bay, phục vụ, khởi động, trước khi cất cánh và sau khi hạ cánh;

(2) Trong chuyến bay, thực hiện tốt nhiệm vụ bình thường và các quy trình liên quan đến máy bay, động cơ máy bay, cánh quạt (nếu áp dụng), hệ thống và các thiết bị;

(3) Trong chuyến bay, trên buồng lái mô phỏng, hoặc trên các thiết bị huấn luyện được phê chuẩn, thực hiện tốt các nhiệm vụ và các phương thức khẩn nguy, nhận biết và có hành động thích hợp đối với việc thực hiện sai chức năng của máy bay, động cơ, cánh quạt (nếu áp dụng), hệ thống và các thiết bị;

(4) Sử dụng hệ thống tàu bay khi có khả năng hoạt động và khi có những hạn chế;

(5) Có óc quyết đoán tốt và kỹ năng hàng không;

(6) Áp dụng kiến thức hàng không;

(7) Thực hiện các nhiệm vụ với tư cách là một thành viên tổ bay tốt; và

(8) Liên lạc hiệu quả với các thành viên tổ bay khác.

PHỤ LỤC 1 ĐIỀU 7.323: CÁC YÊU CẦU VỀ KIẾN THỨC ĐỐI VỚI HUẤN LUYỆN GIÁO VIÊN MẶT ĐẤT[121]

Người đề nghị cấp năng định giáo viên huấn luyện lý thuyết phải được huấn luyện về các nội dung sau với thời gian tối thiểu là 05 ngày (08 giờ/ngày):

a. Hệ thống luật hàng không và Bộ QCATHK cùng các tài liệu hướng dẫn thực hiện;

b. Hệ thống hóa kiến thức cơ bản và kiến thức chuyên sâu về nội dung môn học được cấp năng định huấn luyện;

c. Phương pháp tiếp cận, giảng lý thuyết môn học được cấp năng định huấn luyện;

d. Cách xây dựng giáo án, soạn bài tập, câu hỏi kiểm tra.

PHỤ LỤC 1 ĐIỀU 7.353: HUẤN LUYỆN VÀ PHÊ CHUẨN NĂNG ĐỊNH LOẠI TÀU BAY VÀ CÁC CÔNG VIỆC CỤ THỂ. [122]

a. Người có giấp phép AMT mức A chỉ được phép thực hiện các công việc theo thẩm quyền được phê chuẩn trên một loại tàu bay cụ thể sau khi đã hoàn

[121] Phụ lục này được bổ sung theo quy định tại Mục 65 Phụ lục VI sửa đổi, bổ sung một số điều của Phần 7 Bộ Quy chế an toàn hàng không dân dụng lĩnh vực tàu bay và khai thác tàu bay ban hành kèm theo Thông tư số 03/2016/TT-BGTVT ngày 31 tháng 3 năm 2016, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 5 năm 2016.

[122] Phụ lục này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Mục 11 Phụ lục 7 sửa đổi, bổ sung một số điều của Phần 7 Bộ Quy chế An toàn hàng không dân dụng lĩnh vực tàu bay và khai thác tàu bay ban hành kèm theo Thông tư số 42/2020/TT-BGTVT ngày 31 tháng 12 năm 2020, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 3 năm 2021.

thành khóa huấn luyện các công việc cụ thể phù hợp với mức A do tổ chức bảo dưỡng phù hợp với Phần 5 hoặc Phần 9 thực hiện. Việc huấn luyện sẽ phải bao gồm cả lý thuyết và thực hành phù hợp với các công việc sẽ được phê chuẩn. Việc hoàn thành khóa học phải được chứng minh bằng kết quả kiểm tra lý thuyết và đánh giá thực hành trực tiếp thực hiện do tổ chức được phê chuẩn phù hợp với Phần 5 hoặc Phần 9.

b. Nhân viên kỹ thuật có giấy phép AMT mức B1, B2 và C chỉ được thực hiện năng định trên loại tàu bay cụ thể đã được phê chuẩn trong giấy phép.

c. Năng định chỉ được cấp sau khi người đề nghị đã hoàn thành tốt khóa huấn luyện được Cục HKVN phê chuẩn hoặc thực hiện bởi tổ chức huấn luyện bảo dưỡng được Cục HKVN phê chuẩn phù hợp với Phần 9.

d. Chương trình huấn luyện chuyển loại tàu bay cho nhân viên kỹ thuật có mức B1 hoặc B2 phải bao gồm các phần lý thuyết và thực hành và bao gồm khóa học có liên quan đến các năng định đã quy định tại khoản c Điều 7.353 Chương trình huấn luyện lý thuyết và thực hành phải được Cục HKVN phê chuẩn.

đ. Chương trình huấn luyện cho nhân viên có giấy phép AMT mức C có bằng kỹ sư hàng không, chương trình huấn luyện loại tàu bay đầu tiên phải tương đương ở mức B1 hoặc B2, chương trình huấn luyện thực hành không bắt buộc.

e. Việc hoàn thành các khóa huấn luyện được quy định từ khoản b đến khoản đ Điều này phải được chứng minh bằng kết quả kiểm tra. Việc kiểm tra đối với nhân viên có giấy phép AMT mức B1, B2 và C phải được thực hiện bởi tổ chức huấn luyện được phê chuẩn phù hợp với Phần 9 hoặc tổ chức huấn luyện thực hiện các khóa huấn luyện chuyển loại được phê chuẩn.

g. Đối với loại tàu bay không phải là tàu bay lớn quy định tại khoản b Điều này (có tải trọng cất cánh lớn hơn 5700 kg), người có giấy phép mức B1 và B2 được phép thực hiện các năng định của mình nếu trong giấp phép có ghi năng định đối với nhóm tàu bay phù hợp, trừ khi Cục HKVN xác định tính phức tạp của loại tàu bay liên quan cần phải được phê chuẩn riêng.

1. Năng định loại tàu bay của nhà chế tạo được cấp khi tuân thủ với các năng định loại của 2 tàu bay đại diện cho một nhóm nhà chế tạo.

2. Năng định nhóm đầy đủ sẽ được cấp sau khi tuân thủ với các yêu cầu năng định loại của 3 loại tàu bay đại diện cho một nhóm các nhà chế tạo. Tuy nhiên, năng định nhóm đầy đủ không được cấp cho nhân viên B1 trên loại tàu bay từ 2 động cơ tuốc-bin phản lực trở lên.

3. Các nhóm tàu bay bao gồm:

(i) Đối với giấy phép mức B1 hoặc C: trực thăng động cơ pit-tông hoặc trực thăng động cơ tuốc-bin; tàu bay một động cơ pit-tông - có cấu trúc kim loại; tàu bay nhiều động cơ pit-tông - cấu trúc kim loại; tàu bay một động cơ pit-tông - có cấu trúc bằng gỗ; tàu bay có nhiều động cơ pit-tông - có cấu trúc bằng gỗ; tàu bay một động cơ pit-tông - có cấu trúc thân bằng vật liệu composite; tàu bay nhiều động cơ pit-tông - có kết cấu bằng vật liệu composite; tàu bay một động cơ tuốc-bin; và tàu bay nhiều động cơ tuốc-bin;

(ii) Đối với giấy phép mức B2 và C: tàu bay và trực thăng.

h. Năng định đối với tàu bay không phải là tàu bay lớn quy định tại khoản c Điều này được cấp căn cứ vào việc hoàn thành tốt bài kiểm tra năng định loại tàu bay tương ứng mức B1, B2, C và có bằng chứng đầy đủ về kinh nghiệm thực tế có được trên loại tàu bay đó. Đối với mức C cho tàu bay không phải là tàu bay lớn của người có bằng kỹ sư tàu bay, loại tàu bay kiểm tra đầu tiên phải tương ứng mức B1 hoặc B2.

1. Bài kiểm tra năng định loại tàu bay phải bao gồm bài kiểm tra về cơ giới tàu bay đối với mức B1; bài kiểm tra về bộ môn đối với mức B2; cả hai bài kiểm tra B1 và B2 đối với mức C.

2. Bài kiểm tra phải được thực hiện bởi tổ chức huấn luyện được phê chuẩn phù hợp với Phần 9 hoặc trực tiếp thực hiện bởi Cục HKVN.

3. Bài kiểm tra thực hành sẽ phải bao gồm kiểm tra các công việc đại diện cho từng nhóm công việc bảo dưỡng có liên quan đến mức và năng định đề nghị.

PHỤ LỤC 1 ĐIỀU 7.355: YÊU CẦU KIẾN THỨC ĐỐI VỚI NHÂN VIÊN KỸ THUẬT

(a) Mức kiến thức cần thiết đối với giấy phép năng định loại A, B1, B2 và C:

(1) Kiến thức cơ bản cần thiết đối với năng định loại A, B1 và B2 được chỉ rõ bằng thước đo chỉ số mức (1, 2 và 3) đối với từng môn học. Giấy phép năng định loại C phải đáp ứng các yêu cầu về kiến thức cơ bản tương đương với năng định mức B1 hoặc B2.

(2) Kiến thức yêu cầu đối với chỉ số mức 1 được xác định như sau:

(i) Có kiến thức chung về các phần chính của môn học;

(ii) Mục đích: người làm đơn phải làm quen với các phần chính của môn học;

(iii) Người làm đơn phải đưa ra được mô tả tổng quát về môn học, sử dụng các từ ngữ thông dụng và các ví dụ minh họa;

(iv) Người làm đơn phải biết sử dụng các khái niệm đặc trưng.

(3) Kiến thức yêu cầu đối với chỉ số mức 2 được xác định như sau:

(i) Có kiến thức chung về các mặt lý thuyết và thực hành của môn học;

(ii) Có khả năng áp dụng kiến thức đã học được;

(iii) Mục đích: người làm đơn phải có khả năng hiểu được các nền tảng lý thuyết của môn học;

(iv) Người làm đơn phải đưa ra được mô tả tổng quát về môn học, sử dụng các ví dụ minh họa đặc trưng phù hợp;

(v) Người làm đơn phải biết sử dụng các công thức toán học trong mối liên hệ với các định luật vật lý để giải thích môn học;

(vi) Người làm đơn phải có khả năng đọc và hiểu được đồ họa, bản vẽ và sơ đồ mạch để mô tả môn học;

(vii) Người làm đơn phải biết áp dụng các kiến thức đã học một cách thực tế thông qua việc sử dụng các quy trình cụ thể.

(4) Kiến thức yêu cầu đối với chỉ số mức 3 được xác định như sau:

(i) Có kiến thức chi tiết về các mặt lý thuyết và thực hành của môn học;

(ii) Có khả năng tổng hợp và áp dụng các phần riêng rẽ của môn học một cách logic và đầy đủ;

(iii) Mục đích: người làm đơn phải có kiến thức lý thuyết của môn học và mối liên hệ tương tác giữa môn học này với các môn học khác;

(iv) Người làm đơn phải có khả năng mô tả chi tiết về môn học với việc sử dụng các kiến thức nền tảng của môn học và các ví dụ minh họa cụ thể;

(v) Người làm đơn phải biết sử dụng các công thức toán học có liên hệ với môn học;

(vi) Người làm đơn phải có khả năng đọc và hiểu được đồ họa, bản vẽ đơn giản và sơ đồ mạch để mô tả môn học;

(vii) Người làm đơn phải biết áp dụng các kiến thức đã học một cách thực tế thông qua việc sử dụng các hướng dẫn của nhà chế tạo;

(viii) Người làm đơn phải có khả năng đọc được kết quả từ các nguồn và dụng cụ, phương pháp đo khác nhau và áp dụng biện pháp khắc phục khi cần thiết.

(b) Các môn học: Kiến thức cần thiết đối với từng môn học cơ bản cho giấy phép AMT phải căn cứ theo bảng tham chiếu dưới đây. Các môn học áp dụng cho từng năng định sẽ được đánh dấu "×".

Môn học	A hoặc B1 tàu bay		A hoặc B1 trực thăng		B2
	Động cơ tuốc-bin	Động cơ pit-tông	Động cơ tuốc-bin	Động cơ pit-tông	Bộ môn
1. Toán	×	×	×	×	×
2. Vật lý	×	×	×	×	×
3. Điện cơ bản	×	×	×	×	×
4. Điện tử cơ bản	×	×	×	×	×
5. Hệ thống thiết bị điện tử kỹ thuật số.	×	×	×	×	×
6. Vật liệu hàng không	×	×	×	×	×
7. Thực hành bảo dưỡng	×	×	×	×	×
8. Khí động học cơ bản	×	×	×	×	×
9. Yếu tố con người	×	×	×	×	×
10. Luật Hàng không dân dụng Việt Nam	×	×	×	×	×
11. Khí động học, kết cấu và các hệ thống của tàu bay động cơ pit-tông	×	×			
12. Khí động học, kết cấu và các hệ thống của tàu bay trực thăng			×	×	
13. Khí động học, kết cấu và các hệ thống của tàu bay					×
14. Hệ thống tạo lực đẩy.					×

15. Động cơ tuốc-bin khí.	×		×		
16. Động cơ pit-tông		×		×	
17. Cánh quạt	×	×			

(c) Cục HKVN quy định các mức kiến thức cụ thể đối với từng loại năng định và các tiêu chuẩn kiểm tra.

(d) Ngoài các yêu cầu tại Điều 7.355 người làm đơn còn phải chứng tỏ các kiến thức liên quan đến năng định được cấp và phù hợp với trách nhiệm bảo dưỡng tàu bay của người có giấy phép trên các lĩnh vực sau:

(1) Quy chế và nguyên tắc đối với người có giấy phép bảo dưỡng tàu bay bao gồm cả các yêu cầu về tiêu chuẩn đủ điều kiện bay quy định việc phê chuẩn và duy trì tính đủ điều kiện bay của tàu bay và tổ chức bảo dưỡng tàu bay và các quy trình bảo dưỡng tàu bay liên quan;

(2) Toán học cơ bản và các đơn vị đo, các nguyên lý cơ bản và lý thuyết vật lý và hóa học áp dụng trong lĩnh vực bảo dưỡng tàu bay;

(3) Đặc tính và các ứng dụng vật liệu trong kết cấu tàu bay bao gồm cả nguyên lý và các chức năng của kết cấu tàu bay, kỹ thuật đinh tán, hệ thống tạo lực đẩy và các hệ thống liên quan, cơ học, chất lỏng và các nguồn điện và điện tử, thiết bị tàu bay, hệ thống hiển thị, hệ thống điều khiển, hệ thống dẫn đường trên không và hệ thống liên lạc;

(4) Các công việc yêu cầu nhằm đảm bảo tính đủ điều kiện bay của tàu bay bao gồm phương pháp và quy trình cho việc đại tu, sửa chữa, kiểm tra, thay thế hoặc sửa chữa hỏng hóc của cấu trúc tàu bay, thiết bị và các hệ thống theo các phương pháp quy định tại các tài liệu hướng dẫn liên quan và các tiêu chuẩn đủ điều kiện bay áp dụng;

(5) Khả năng và giới hạn của con người đối với nhân viên kỹ thuật có giấy phép AMT.

PHỤ LỤC 1 ĐIỀU 7.357: CÁC YÊU CẦU VỀ KINH NGHIỆM ĐỐI VỚI NHÂN VIÊN KỸ THUẬT BẢO DƯỠNG TÀU BAY [123]

a. Người làm đơn đề nghị cấp giấy phép AMT phải đáp ứng các yêu cầu về kinh nghiệm như sau:

[123] Phụ lục này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Mục 12 Phụ lục 7 sửa đổi, bổ sung một số điều của Phần 7 Bộ Quy chế An toàn hàng không dân dụng lĩnh vực tàu bay và khai thác tàu bay ban hành kèm theo Thông tư số 42/2020/TT-BGTVT ngày 31 tháng 12 năm 2020, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 3 năm 2021.

1. Đối với mức A hoặc tiểu mức B1.2 và B1.4:

(i) 3 năm kinh nghiệm bảo dưỡng thực tế trên loại tàu bay liên quan nếu người làm đơn không được huấn luyện về mặt kỹ thuật liên quan đến tàu bay;

(ii) 2 năm kinh nghiệm bảo dưỡng thực tế trên loại tàu bay liên quan và hoàn thành khóa huấn luyện phù hợp với nhân viên kỹ thuật có tay nghề trên các lĩnh vực kỹ thuật khác;

(iii) 1 năm kinh nghiệm bảo dưỡng thực tế trên loại tàu bay liên quan và hoàn thành khóa huấn luyện tại các trung tâm huấn luyện được phê chuẩn phù hợp với Phần 9.

2. Đối với mức B2 hoặc tiểu mức B1.1 hoặc B1.3:

(i) 5 năm kinh nghiệm bảo dưỡng thực tế trên loại tàu bay liên quan nếu người làm đơn không được huấn luyện về mặt kỹ thuật liên quan đến tàu bay;

(ii) 3 năm kinh nghiệm bảo dưỡng thực tế trên loại tàu bay liên quan và hoàn thành khóa huấn luyện được Cục HKVN cho là phù hợp với nhân viên kỹ thuật có tay nghề trên các lĩnh vực kỹ thuật khác;

(iii) 2 năm kinh nghiệm bảo dưỡng thực tế trên loại tàu bay liên quan và hoàn thành khóa huấn luyện tại các trung tâm huấn luyện được phê chuẩn phù hợp với Phần 9.

3. Đối với mức C của tàu bay lớn:

(i) 3 năm kinh nghiệm bảo dưỡng thực tế với các mức B1.1, B1.3, B2 trên loại tàu bay lớn hoặc như nhân viên hỗ trợ mức B1.1, B1.3, B2 của tổ chức bảo dưỡng được phê chuẩn phù hợp với Phần 5 hoặc kết hợp của cả hai điều kiện trên;

(ii) 5 năm kinh nghiệm bảo dưỡng thực tế với các loại mức B1.2, B1.4 trên loại tàu bay lớn hoặc như nhân viên hỗ trợ mức B1.2, B1.4 của tổ chức bảo dưỡng được phê chuẩn phù hợp với Phần 5 hoặc kết hợp của cả hai điều kiện trên.

4. Đối với mức C của tàu bay không phải là tàu bay lớn: 3 năm kinh nghiệm bảo dưỡng thực tế với các mức B1.1, B1.3, B2 trên loại tàu bay không phải là tàu bay lớn hoặc như nhân viên hỗ trợ mức B1.1, B1.3, B2 của tổ chức bảo dưỡng được phê chuẩn phù hợp với Phần 5 hoặc kết hợp của cả hai điều kiện trên.

5. Đối với mức C của nhân viên tốt nghiệp kỹ sư tàu bay: đối với người làm đơn có bằng kỹ sư chuyên ngành kỹ thuật từ các trường đại học hoặc các cấp học cao hơn, 3 năm kinh nghiệm trong môi trường bảo dưỡng tàu bay dân dụng với các

công việc đại diện liên quan đến bảo dưỡng tàu bay, trong đó có 6 tháng theo dõi công việc bảo dưỡng nội trường.

b. Người đề nghị thay đổi hoặc nâng mức giấy phép AMT phải có kinh nghiệm bảo dưỡng tối thiểu phù hợp với mức hoặc tiểu mức đề nghị bổ sung theo bảng sau đây:

Đến / Từ	A1	A2	A3	A4	B1.1	B1.2	B1.3	B1.4	B2
A1	-	6 tháng	6 tháng	6 tháng	2 năm	6 tháng	2 năm	1 năm	2 năm
A2	6 tháng	-	6 tháng	6 tháng	2 năm	6 tháng	2 năm	1 năm	2 năm
A3	6 tháng	6 tháng	-	6 tháng	2 năm	1 năm	2 năm	6 tháng	2 năm
A4	6 tháng	6 tháng	6 tháng	-	2 năm	1 năm	2 năm	6 tháng	2 năm
B1.1	Không	6 tháng	6 tháng	6 tháng	-	6 tháng	6 tháng	6 tháng	1 năm
B1.2	6 tháng	Không	6 tháng	6 tháng	2 năm	-	2 năm	6 tháng	2 năm
B1.3	6 tháng	6 tháng	Không	6 tháng	6 tháng	6 tháng	-	6 tháng	1 năm
B1.4	6 tháng	6 tháng	6 tháng	Không	2 năm	6 tháng	2 năm	-	2 năm
B2	6 tháng	6 tháng	6 tháng	6 tháng	1 năm	1 năm	1 năm	1 năm	-

c. Đối với mức A, B1, B2 kinh nghiệm phải là công việc thực tế trong các lĩnh vực liên quan đến công việc bảo dưỡng trên tàu bay.

d. Đối với tất cả nhân viên kỹ thuật có giấy phép, kinh nghiệm thực tế cần thiết phải có tối thiểu một năm kinh nghiệm thực tế làm việc trên tàu bay trước khi đề nghị cấp năng định lần đầu. Đối với các lần bổ sung năng định tiếp theo, kinh nghiệm thực tế không nhất thiết phải là một năm nhưng không được ít hơn 3 tháng. Kinh nghiệm thực tế yêu cầu sẽ phụ thuộc vào sự khác biệt giữa năng định đang có và năng định đề nghị bổ sung. Kinh nghiệm thực tế phải phù hợp cho năng định đề nghị bổ sung.

PHỤ LỤC 1 ĐIỀU 7.350: VỀ THỦ TỤC CẤP, CẤP LẠI GIẤY PHÉP VÀ NĂNG ĐỊNH CHO NHÂN VIÊN KỸ THUẬT BẢO DƯỠNG TÀU BAY (AMT) VÀ NHÂN VIÊN SỬA CHỮA CHUYÊN NGÀNH HÀNG KHÔNG (ARS)

(a) Người đề nghị cấp giấy phép và năng định nhân viên AMT/ARS phải gửi 01 bộ hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Cục HKVN. Hồ sơ đề nghị cấp giấy phép bao gồm các tài liệu sau đây:

(1) Đơn đề nghị cấp giấy phép nhân viên AMT/ARS;

(2) Sơ yếu lý lịch có dán ảnh và xác nhận của thủ trưởng đơn vị hoặc chính quyền địa phương;

(3) Các tài liệu chứng minh kinh nghiệm thực hành được Cục HKVN chấp thuận và loại công việc phù hợp với năng định đề nghị cấp;

(4) Bản sao chứng thực chứng chỉ tốt nghiệp khóa huấn luyện phù hợp với năng định đề nghị cấp tại ATO được Cục HKVN công nhận;

(5) Kết quả bài kiểm tra sát hạch về kiến thức, kinh nghiệm phù hợp với năng định đề nghị cấp;

(b)[124] Trong thời hạn 15 ngày, kể từ thời điểm nhận đủ hồ sơ, Cục HKVN có trách nhiệm thẩm định hồ sơ, tổ chức kiểm tra và thực hiện việc cấp giấy phép nhân viên AMT/ARS cho những người đề nghị đáp ứng được các yêu cầu của Bộ QCATHK này.

(c) Giấy phép và năng định nhân viên AMT/ARS được cấp lại trong trường hợp giấy phép được cấp hết thời hạn hiệu lực, bị mất, hư hỏng. Người đề nghị phải hoàn thành 01 bộ hồ sơ nộp trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Cục HKVN và phải chịu trách nhiệm về các thông tin trong hồ sơ.

(d)[125] Người làm đơn đề nghị cấp lại giấy phép nhân viên AMT/ARS phải nộp hồ sơ tối thiểu 10 ngày trước ngày hết hạn của giấy phép đã được cấp. Hồ sơ bao gồm:

1. Đơn đề nghị cấp lại nêu rõ lý do;

2. Tài liệu duy trì kinh nghiệm với các nội dung áp dụng cho năng định của người đề nghị.

(e) Hồ sơ đề nghị cấp lại giấy phép nhân viên AMT/ARS trong trường hợp giấy phép bị mất, bị rách, người đề nghị phải nộp hồ sơ đến Cục HKVN tối thiểu 7 ngày làm việc. Hồ sơ bao gồm:

(1) Đơn đề nghị cấp lại nêu rõ lý do;

---

[124] Mục này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Điểm a Mục 4 Phụ lục V sửa đổi, bổ sung một số điều của Phần 7 Bộ Quy chế An toàn hàng không dân dụng lĩnh vực tàu bay và khai thác tàu bay ban hành kèm theo Thông tư số 56/2018/TT-BGTVT ngày 11 tháng 12 năm 2018, có hiệu lực kể từ ngày 30 tháng 01 năm 2019

[125] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Mục 10 Phụ lục 7 sửa đổi, bổ sung một số điều của Phần 7 Bộ Quy chế An toàn hàng không dân dụng lĩnh vực tàu bay và khai thác tàu bay ban hành kèm theo Thông tư số 42/2020/TT-BGTVT ngày 31 tháng 12 năm 2020, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 03 năm 2021.

(2) Bản gốc hoặc bản sao giấy phép và năng định đã được cấp (nếu có).

(f)[126] Người đề nghị gia hạn năng định nhân viên AMT/ARS phải gửi 01 bộ hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Cục HKVN và phải chịu trách nhiệm về các thông tin trong hồ sơ. Hồ sơ gồm:

1. Đơn đề nghị gia hạn năng định nhân viên AMT/ARS;

2. Kết quả kiểm tra sát hạch lý thuyết về những nội dung theo quy định;

3. Tài liệu duy trì kinh nghiệm với các nội dung áp dụng cho năng định của người đề nghị.

(g)[127] Trong thời hạn 10 ngày, kể từ thời điểm nhận đủ hồ sơ, Cục HKVN có trách nhiệm thẩm định hồ sơ, tổ chức kiểm tra và thực hiện việc cấp lại, gia hạn năng định phù hợp.

(h)[128] Đơn đề nghị cấp, cấp lại, gia hạn năng định nhân viên AMT/ARS quy định tại điểm 1 khoản a, điểm 1 khoản d, điểm 1 khoản e và điểm 1 khoản f của Điều này bao gồm ít nhất các nội dung như sau:

1. Nội dung đề nghị (cấp lần đầu, cấp lại, gia hạn), loại giấy phép đề nghị

2. Năng định đề nghị.

3. Thông tin người đề nghị như Họ tên, địa chỉ cố định, ngày sinh, nơi sinh, Quốc tịch, giới tính, chiều cao, cân nặng, mầu tóc, địa chỉ email.

4. Thông tin giấy phép hiện đang giữ (nếu có).

5. Ngày đề nghị, chữ ký và ảnh người đề nghị.

6. Thông tin về kết quả thi và Người được uỷ quyền chấm thi.

7. Các báo cáo kèm theo như báo cáo kết quả thi lý thuyết, thực hành.

(i)[129] Nội dung hồ sơ chứng minh kinh nghiệm bảo dưỡng quy định tại điểm 3 khoản a của Điều này bao gồm ít nhất các nội dung sau:

---

[126] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Khoản a Mục 9 Phụ lục 7 sửa đổi, bổ sung một số điều của Phần 7 Bộ Quy chế An toàn hàng không dân dụng lĩnh vực tàu bay và khai thác tàu bay ban hành kèm theo Thông tư số 42/2020/TT-BGTVT ngày 31 tháng 12 năm 2020, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 3 năm 2021.

[127] Mục này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Điểm c Mục 4 Phụ lục V sửa đổi, bổ sung một số điều của Phần 7 Bộ Quy chế An toàn hàng không dân dụng lĩnh vực tàu bay và khai thác tàu bay ban hành kèm theo Thông tư số 56/2018/TT-BGTVT ngày 11 tháng 12 năm 2018, có hiệu lực kể từ ngày 30 tháng 01 năm 2019

[128] Khoản này được bổ sung theo quy định tại Khoản b Mục 9 Phụ lục 7 sửa đổi, bổ sung một số điều của Phần 7 Bộ Quy chế An toàn hàng không dân dụng lĩnh vực tàu bay và khai thác tàu bay ban hành kèm theo Thông tư số 42/2020/TT-BGTVT ngày 31 tháng 12 năm 2020, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 3 năm 2021.

[129] Khoản này được bổ sung theo quy định tại Khoản b Mục 9 Phụ lục 7 sửa đổi, bổ sung một số điều của Phần 7 Bộ Quy chế An toàn hàng không dân dụng lĩnh vực tàu bay và khai thác tàu bay ban hành kèm theo Thông tư số 42/2020/TT-BGTVT ngày 31 tháng 12 năm 2020, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 3 năm 2021.

1. Phần 1 Thông tin cá nhân: Họ Tên, địa chỉ cố định, ngày sinh, nơi sinh, Quốc tịch; Quá trình đào tạo.

2. Phần 2 Thông tin về quá trình công tác: Đơn vị, thời gian, vị trí làm việc, loại tầu bay đã tham gia bảo dưỡng.

3. Phần 3 Thông tin về giáo viên huấn luyện, giám sát viên bảo dưỡng.

4. Phần 4 Kinh nghiệm thực hành cơ bản.

5. Phần 5 Kinh nghiệm bảo dưỡng thực tế trên tầu bay (OJT).

PHỤ LỤC 1 ĐIỀU 7.393: VỀ THỦ TỤC CẤP, CẤP LẠI GIẤY PHÉP VÀ NĂNG ĐỊNH CHO NHÂN VIÊN ĐIỀU ĐỘ KHAI THÁC BAY[130]

a. Người đề nghị cấp giấy phép và năng định nhân viên điều độ khai thác bay phải gửi 01 bộ hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Cục Hàng không Việt Nam. Hồ sơ đề nghị cấp giấy phép bao gồm các tài liệu sau đây:

1. Đơn đề nghị cấp giấy phép nhân viên nhân viên điều độ khai thác bay;

2. Sơ yếu lý lịch có dán ảnh và xác nhận của thủ trưởng đơn vị hoặc chính quyền địa phương;

3. Bản sao chứng thực hoặc bản sao kèm theo bản gốc văn bằng, chứng chỉ đào tạo phù hợp để đối chiếu;

4. Bản sao kết quả huấn luyện phù hợp;

5. Bản gốc giấy chứng nhận sức khỏe phù hợp với các quy định của Bộ Y tế và Phần 8 của Bộ QCATHK còn hiệu lực;

6. 02 ảnh cỡ 3 x 4 được chụp trong khoảng thời gian 06 tháng trước khi nộp hồ sơ.

b. Hồ sơ đề nghị cấp lại giấy phép nhân viên trong trường hợp giấy phép hết hạn hiệu lực bao gồm:

1. Đơn đề nghị cấp lại giấy phép;

2. Bản sao kết quả huấn luyện phù hợp;

3. Bản gốc giấy chứng nhận sức khỏe phù hợp với các quy định của Bộ Y tế và Phần 8 của Bộ QCATHK còn hiệu lực;

4. 02 ảnh cỡ 3 x 4 được chụp trong khoảng thời gian 06 tháng trước khi nộp hồ sơ.

---

[130] Phụ lục này được bổ sung theo quy định tại Mục 66 Phụ lục VI sửa đổi, bổ sung một số điều của Phần 7 Bộ Quy chế an toàn hàng không dân dụng lĩnh vực tàu bay và khai thác tàu bay ban hành kèm theo Thông tư số 03/2016/TT-BGTVT ngày 31 tháng 3 năm 2016, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 5 năm 2016.

c. Hồ sơ đề nghị cấp lại giấy phép cho nhân viên trong trường hợp giấy phép bị mất, bị rách hoặc bị hỏng, bao gồm:

1. Đơn đề nghị cấp lại giấy phép nêu rõ lý do;

2. Bản gốc hoặc bản sao giấy phép nhân viên (nếu có);

3. 02 ảnh cỡ 3 x 4 được chụp trong khoảng thời gian 06 tháng trước khi nộp hồ sơ.

d. Hồ sơ gia hạn năng định nhân viên bao gồm:

1. Đơn đề nghị gia hạn giấy phép;

2. Bản sao kết quả huấn luyện gần nhất;

3. Bản gốc giấy chứng nhận sức khỏe phù hợp với các quy định của Bộ Y tế và Phần 8 của Bộ QCATHK còn hiệu lực;

e. Trong thời hạn 20 ngày, kể từ thời điểm nhận đủ hồ sơ, Cục Hàng không Việt Nam có trách nhiệm thẩm định hồ sơ, tổ chức kiểm tra và thực hiện việc gia hạn năng định phù hợp.

PHỤ LỤC 1 ĐIỀU 7.399: CÁC YÊU CẦU VỀ KIẾN THỨC ĐỐI VỚI NHÂN VIÊN ĐIỀU ĐỘ KHAI THÁC BAY[131]

a. Ngoài các quy định tại Điều 7.399, người đề nghị phải chứng tỏ được mức kiến thức phù hợp với năng định được cấp đối với người có giấy phép điều độ khai thác bay, ít nhất là trong các nội dung sau đây:

1. Các quy tắc và quy định liên quan đến người có giấy phép điều độ khai thác bay, các phương thức và thực hành về dịch vụ không lưu phù hợp;

2. Các quy tắc khai thác động cơ tàu bay, hệ thống và thiết bị;

3. Các giới hạn khai thác đối với tàu bay và động cơ;

4. Danh mục thiết bị tối thiểu;

5. Tính toán hoạt động bay và phương thức lập kế hoạch bay;

6. Các ảnh hưởng của việc chất tải và phân phối trọng tải trên tàu bay, các đặc tính và tính năng bay, cách tính trọng tải và cân bằng;

7. Lập kế hoạch bay, tính toán khả năng thời gian tiêu thụ nhiên liệu và nhiên liệu tiêu thụ, tính toán cân bằng và trọng tải;

[131] Phụ lục này được bổ sung theo quy định tại Mục 67 Phụ lục VI sửa đổi, bổ sung một số điều của Phần 7 Bộ Quy chế an toàn hàng không dân dụng lĩnh vực tàu bay và khai thác tàu bay ban hành kèm theo Thông tư số 03/2016/TT-BGTVT ngày 31 tháng 3 năm 2016, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 5 năm 2016.

8. Chuẩn bị và lập kế hoạch bay dịch vụ không lưu;

9. Nguyên tắc cơ bản cho hệ thống lập kế hoạch được máy tính hỗ trợ;

10. Yếu tố con người liên quan đến việc dẫn đường trên không bao gồm các quy tắc quản lý đe dọa và rủi ro;

11. Khí tượng hàng không; sự thay đổi của hệ thống áp suất; cấu trúc dải không khí, nguồn gốc và các đặc điểm của hiện tượng thời tiết đặc biệt ảnh hưởng đến các điều kiện cất cánh, trong khi bay và hạ cánh;

12. Dịch và áp dụng các báo cáo khí tượng hàng không, các biểu đồ và dự báo khí tượng; mã và các chữ viết tắt; sử dụng và các quy trình nắm bắt các thông tin khí tượng;

13. Các nguyên tắc dẫn đường trên không đối với chuyến bay bay bằng thiết bị;

14. Sử dụng tài liệu hàng không;

15. Các phương thức khai thác vận chuyển hàng và hàng nguy hiểm;

16. Các phương thức liên quan tới tai nạn và sự cố; phương thức bay khẩn nguy;

17. Phương thực liên quan tới can thiệp bất hợp pháp và phá hoại tàu bay;

18. Phương thức bay liên quan tới chủng loại tàu bay phù hợp;

19. Liên lạc vô tuyến điện;

20. Phương thức liên lạc với tàu bay và các đài mặt đất liên quan.

PHỤ LỤC 1 ĐIỀU 7.401: CÁC YÊU CẦU VỀ KINH NGHIỆM KHAI THÁC ĐỐI VỚI NHÂN VIÊN ĐIỀU ĐỘ KHAI THÁC BAY[132]

a. Người đề nghị cấp giấp phép phải hoàn thành khóa học phù hợp do Cục Hàng không Việt Nam phê chuẩn.

b. Ngoài các yêu cầu nêu tại Điều 7.401, người đề nghị cấp giấy phép chứng minh kinh nghiệm có ít nhất:

1. 01 năm làm việc hỗ trợ điều độ vận chuyển hàng không thương mại;

2. Có tối thiểu hai năm làm việc tại một trong các vị trí liệt kê dưới đây hoặc tổng hợp của các vị trí này với điều kiện kinh nghiệm làm việc ở mỗi vị trí tối thiểu phải là 01 năm:

[132] Phụ lục này được bổ sung theo quy định tại Mục 68 Phụ lục VI sửa đổi, bổ sung một số điều của Phần 7 Bộ Quy chế an toàn hàng không dân dụng lĩnh vực tàu bay và khai thác tàu bay ban hành kèm theo Thông tư số 03/2016/TT-BGTVT ngày 31 tháng 3 năm 2016, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 5 năm 2016.

i. Thành viên tổ bay trong vận chuyển hàng không thương mại;

ii. Nhân viên khí tượng học trong một tổ chức điều độ vận chuyển hàng không;

iii. Kiểm soát viên không lưu, giám sát viên nhân viên điều độ khai thác bay hoặc hệ thống khai thác bay vận chuyển hàng không;

iv. Nhiệm vụ khác mà Cục Hàng không Việt Nam xác định có kinh nghiệm tương đương.

c. Ngoài các yêu cầu về kinh nghiệm có trong khoản a, b Điều này, người đề nghị cấp giấy phép phải làm việc dưới sự giám sát của nhân viên khai thác bay trong ít nhất 90 ngày trong 06 tháng liên tục trước khi nộp đơn.

PHỤ LỤC 1 ĐIỀU 7.403: CÁC YÊU CẦU VỀ KỸ NĂNG ĐỐI VỚI NHÂN VIÊN ĐIỀU ĐỘ KHAI THÁC BAY[133]

Ngoài các yêu cầu nêu tại Điều 7.403, Người làm đơn phải chứng minh được khả năng:

a. Phân tích thời tiết chính xác và chấp nhận được trong khai thác từ một loạt các bản đồ thời tiết hàng ngày và báo cáo thời tiết, cung cấp một cuộc thảo luận có hiệu lực về điều kiện thời tiết trong khu vực lân cận của một đường bay cụ thể; dự báo xu hướng thời tiết thích hợp để vận chuyển hàng không tại điểm đến và điểm dự phòng;

b. Xác định các đường bay tối ưu cho một phân đoạn nhất định, và tạo ra tài liệu chính xác hoặc máy tính tạo ra kế hoạch bay;

c. Cung cấp việc giám sát khai thác và tất cả các hỗ trợ khác cho một chuyến bay trong điều kiện thời tiết bất lợi thực tế hoặc mô phỏng, phù hợp với nhiệm vụ của người có giấy phép điều độ khai thác bay;

d. Nhận biết và quản lý các mối đe dọa và các lỗi.

[133] Phụ lục này được bổ sung theo quy định tại Mục 69 Phụ lục VI sửa đổi, bổ sung một số điều của Phần 7 Bộ Quy chế an toàn hàng không dân dụng lĩnh vực tàu bay và khai thác tàu bay ban hành kèm theo Thông tư số 03/2016/TT-BGTVT ngày 31 tháng 3 năm 2016, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 5 năm 2016.

Phần 8
GIẤY CHỨNG NHẬN SỨC KHỎE

CHƯƠNG A: QUY ĐỊNH CHUNG

8.001 PHẠM VI ÁP DỤNG

(a) Phần này quy định các yêu cầu của Việt Nam về Giấy chứng nhận sức khỏe của nhân viên hàng không và cấp, công nhận Giấy chứng nhận sức khỏe.

(b) Phần này áp dụng đối với tất cả những người có giấy phép hành nghề do Việt Nam cấp mà Giấy chứng nhận sức khỏe được quy định là điều kiện hiệu lực của giấy phép hành nghề.

(c) Phần này cũng có thể áp dụng cho tất cả những người được cung cấp các đánh giá về sức khỏe, các kết luận chính thức về sức khỏe và các đánh giá đặc biệt đối với khả năng làm việc.

8.003 ĐỊNH NGHĨA

(a) Đối với phần này các định nghĩa sau đây được áp dụng:

Ghi chú: Các khái niệm khác liên quan đến hàng không đã được định nghĩa ở Phần 1 của Bộ quy chế an toàn hàng không này.

(1) **Kết luận chính thức về sức khỏe:** Việc hoàn thành kết luận sẽ do một hoặc một vài chuyên gia y tế có thể chấp thuận để chuyển lên bộ phận cấp phép xem xét từng trường hợp có liên quan, trong trường hợp cần thiết tham khảo ý kiến bộ phận khai thác bay hoặc các chuyên gia khác làm cơ sở cho việc cấp Giấy chứng nhận hoặc Giấy chứng nhận của Việt Nam;

(2) **Cơ sở giám định Y khoa hàng không :** Tổ chức y tế hàng không được Cục HKVN phê chuẩn được phép thực hiện công việc đánh giá y tế đối với nhân viên hàng không và đưa ra khuyến cáo liên quan đến việc cấp giấy chứng nhận sức khỏe phù hợp với các quy định của Phần này.

(3) **Trường hợp có thể**: Trong tình huống mà các điều khoản về sức khỏe của phần này, "Đang được cân nhắc".

(4) **Đánh giá sức khỏe**: Người có giấy phép hành nghề phải chứng minh được mình đủ điều kiện sức khỏe theo các yêu cầu cụ thể do quốc gia thành viên cấp;

(5) **Đánh giá viên y khoa** : Là thành viên của Hội đồng đánh giá kết quả giám định nhân viên hàng không được Cục HKVN phê chuẩn;

(6) **Giám định viên y khoa**: Là bác sỹ được đào tạo về y học hàng không, có kinh nghiệm và kiến thức thực hành trong môi trường hàng không được Cục HKVN chấp thuận để thực hiện việc kiểm tra và giám định sức khỏe của nhân viên hàng không;

(7) **Thực chất các vấn đề cần phải bàn luận**: Việc sử dụng một hoặc một vài loại thuốc nào đó của nhân viên hàng không trong công việc đó là:

(i) Gây ra nguy cơ trực tiếp đối với người sử dụng hoặc gây nguy hiểm đến tính mạng, sức khỏe hoặc các vấn đề khác cần quan tâm; và/hoặc

(ii) Các nguyên nhân hoặc các vấn đề trở nên xấu hơn trong nghề nghiệp, xã hội, tinh thần hoặc là các vấn đề rối loạn chức năng sinh lý;

(8) **Các chất gây tác động đến hành vi trí tuệ:** Rượu, thuốc phiện, thuốc giảm đau an thần, thuốc ngủ, cocaine và một số chất khác;

(9) **Thừa nhận hiệu lực của Giấy chứng nhận**: Là việc chấp nhận của Cục HKVN đối với Giấy chứng nhận do quốc gia thành viên ICAO khác đã cấp nhằm mục đích:

(i) Thay thế cho việc cấp Giấy chứng nhận hoặc Giấy chứng nhận của Việt Nam; hoặc

(10) **Chất gây nghiện**: Tình trạng mà trong đó con người bị phụ thuộc vào các chất, không kể thuốc lá hoặc các đồ uống chất chứa xantin thông thường (e.g, caffeine) đồ uống, được thể hiện thông qua việc tăng mức độ dung sai cho phép, sự biểu hiện của các triệu chứng cai nghiện, mất kiểm soát khi sử dụng hoặc tiếp tục sử dụng bất chấp việc gây tổn hại đến sức khỏe hoặc làm suy yếu các chức năng xã hội, con người hoặc nghề nghiệp.

8.005 CÁC CHỮ VIẾT TẮT

(a) Sau đây là các chữ viết tắt đã được sử dụng trong phần này

(1) AMC (Aviation Medical Center) - Cơ sở y tế giám định sức khỏe nhân viên hàng không;

(2) AME (Aviation Medical Examiner) - Giám định viên y khoa;

(3) AMA (Aviation Medical Assessor) - Đánh giá viên y khoa;

(4) dB - decibels (Deciben/Đơn vị đo cường độ tiếng ồn tương đương với 1 micropascal);

(5) ICAO (International Civil Aviation Organization) - Tổ chức hàng không dân dụng Quốc tế.

8.007 GIẤY CHỨNG NHẬN SỨC KHỎE[1]

a. Cục Hàng không Việt Nam quy định 03 nhóm đánh giá sức khỏe và cấp Giấy chứng nhận sức khỏe để xác nhận Điều kiện sức khỏe tối thiểu thực hiện năng định của giấy phép như sau:

1. Nhóm 1: áp dụng cho các đối tượng có giấy phép như sau:

i. Người lái tàu bay thương mại (CPL);

ii. Người lái tàu bay thuộc tổ lái nhiều thành viên (MPL);

iii. Người lái tàu bay vận tải hàng không (ATPL);

iv. Học viên bay.

2. Nhóm 2: áp dụng với học viên lái tàu bay như sau:

i. Người lái tàu bay tư nhân;

ii. Kỹ sư trên không, nhân viên dẫn đường;

iii. Cơ giới trên không;

iv. Tiếp viên hàng không.

3. Nhóm 3: áp dụng đối với đối tượng có giấy phép kiểm soát viên không lưu. Người nộp đơn đề nghị cấp đánh giá sức khỏe theo quy định của Phần này phải được kiểm tra sức khỏe ban đầu đáp ứng các tiêu chuẩn tại Thông tư liên tịch số 18/2012/TTLT-BYT-BGTVT ngày 05/11/2012 của Bộ Y tế và Bộ Giao thông vận tải bao gồm các yêu cầu đánh giá cụ thể cho từng loại giấy phép liên quan.

b. Nhân viên hàng không có giấy phép sẽ phải giám định sức khỏe tại cơ sở y tế do Cục Hàng không Việt Nam phê chuẩn phù hợp với quy định tại Chương D của Phần này với thời gian định kỳ không vượt quá thời hạn hiệu lực của giấy phép hành nghề được cấp. Thời hạn của giấy chứng nhận sức khỏe phải phù hợp với các năng định của giấy phép hành nghề và không được lớn hơn:

1. 60 tháng đối với giấy phép cho người lái tư nhân;

2. 12 tháng đối với giấy phép tiếp viên;

---

[1] Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Mục 1 Phụ lục VII sửa đổi, bổ sung một số điều của Phần 8 Bộ Quy chế an toàn hàng không dân dụng lĩnh vực tàu bay và khai thác tàu bay ban hành kèm theo Thông tư số 03/2016/TT-BGTVT ngày 31 tháng 3 năm 2016, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 5 năm 2016.

3. 12 tháng đối với giấy phép cho người lái tàu bay thương mại;

4. 12 tháng đối với giấy phép cho người lái của tổ lái nhiều thành viên;

5. 12 tháng đối với giấy phép cho người lái tàu bay vận tải hàng không;

6. 12 tháng đối với giấy phép cho nhân viên dẫn đường;

7. 12 tháng đối với giấy phép cho kỹ sư cơ giới.

c. Căn cứ vào độ tuổi của người làm đơn vào ngày giám định, thời gian hiệu lực sẽ giảm xuống:

1. [2] 06 tháng, sau khi đủ 40 tuổi đối với người lái tàu bay vận tải và người lái tàu bay thương mại thực hiện năng định vận chuyển hàng không đối với hành khách.

2. [3]

3. 24 tháng, sau lần sinh nhật thứ 40 đối với người lái tàu bay tư nhân.

4. 12 tháng, sau lần sinh nhật thứ 50 với người lái tàu bay tư nhân.

d. Thời hạn hiệu lực của một giám định y khoa sẽ bắt đầu vào ngày kiểm tra y tế được thực hiện và kết thúc vào ngày cuối cùng của tháng quy định tại khoản c Điều này.

8.009 CHẤM DỨT TẠM THỜI HIỆU LỰC ĐÁNH GIÁ SỨC KHỎE[4]

a. Các trường hợp chấm dứt tạm thời hoặc vĩnh viễn hiệu lực giấy phép và năng định liên quan quy định trong Phần 7 Bộ QCATHK:

1. Tại bất cứ thời điểm nào khi có dấu hiệu suy giảm sức khỏe có thể ngăn cản người có giấy phép không thể thực hiện các năng định được phê chuẩn an toàn và hiệu quả;

2. Trong khoảng thời gian sức khỏe suy giảm vì bất cứ lý do gì mà ngăn cản việc cấp hoặc gia hạn đánh giá sức khỏe y tế;

3. Trong khi ảnh hưởng của bất kỳ chất kích thích thần kinh nào mà có thể ngăn cản người có giấy phép không thể thực hiện năng định trong giấy phép an toàn và hiệu quả;

---

[2] Điểm này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Mục 1 Phụ lục 8 sửa đổi, bổ sung một số điều của Phần 8 Bộ Quy chế An toàn hàng không dân dụng lĩnh vực tàu bay và khai thác tàu bay ban hành kèm theo Thông tư số 42/2020/TT-BGTVT ngày 31 tháng 12 năm 2020, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 03 năm 2021.

[3] Điểm này được bãi bỏ theo quy định tại Mục 2 Phụ lục 8 sửa đổi, bổ sung một số điều của Phần 8 Bộ Quy chế An toàn hàng không dân dụng lĩnh vực tàu bay và khai thác tàu bay ban hành kèm theo Thông tư số 42/2020/TT-BGTVT ngày 31 tháng 12 năm 2020, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 03 năm 2021.

[4] Điều này được bổ sung theo quy định tại Mục 2 Phụ lục VII sửa đổi, bổ sung một số điều của Phần 8 Bộ Quy chế an toàn hàng không dân dụng lĩnh vực tàu bay và khai thác tàu bay ban hành kèm theo Thông tư số 03/2016/TT-BGTVT ngày 31 tháng 3 năm 2016, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 5 năm 2016.

4. Khi đang sử dụng chất kích thích.

b. Nhân viên hàng không đang suy giảm sức khỏe trong thời gian dài hoặc sử dụng các chất chất kích thích phải thông báo chi tiết bằng văn bản đến Cục Hàng không Việt Nam về tình trạng sức khỏe của mình và các biện pháp khắc phục mà họ đang thực hiện để đảm bảo không ảnh hưởng an toàn hàng không.

CHƯƠNG B: CÁC GIÁM ĐỊNH VIÊN Y KHOA HÀNG KHÔNG

8.010 PHẠM VI ÁP DỤNG

(a) Chương này đưa ra các quy định bổ sung cho các quy định đã nêu tại Phần 1 của Bộ quy chế an toàn hàng không để áp dụng cho việc chấp thuận giám định viên y khoa hàng không của Cục HKVN.

8.013 GIÁM ĐỊNH VIÊN Y KHOA HÀNG KHÔNG: ĐỊNH NGHĨA VÀ QUYỀN HẠN

(a) Cục HKVN là cơ quan có thẩm quyền chấp thuận các giám định viên y khoa hàng không của cơ sở y tế giám định sức khỏe nhân viên hàng không để:

(1) Thực hiện việc khám sức khỏe để đánh giá sự phù hợp của người đề nghị cấp Giấy chứng nhận sức khỏe phục vụ cho việc cấp hoặc gia hạn giấy phép, năng định theo quy định của Việt Nam; và

(2) Khuyến cáo việc cấp hoặc từ chối cấp Giấy chứng nhận sức khỏe phù hợp với nội dung quy định tại phần này để đại diện được ủy quyền của Cục HKVN xem xét, quyết định.

(b) Một giám định viên y khoa hàng không phải:

(1) Có năng lực và giấy phép thực hiện chuyên môn về y tế;

(2) Đã qua khóa huấn luyện về y tế hàng không;

(3) Chứng tỏ được khả năng về y tế hàng không;

(4) Chứng tỏ sự hiểu biết các tiêu chuẩn sức khỏe của hàng không quốc tế;

(5) Chứng tỏ sự hiểu biết các hướng dẫn về hàng không quốc tế đối với AMEs;

(6) Được đào tạo cập nhật và bổ sung về kiến thức y tế hàng không;

(7) Có kiến thức thực hành và kinh nghiệm về các điều kiện làm việc của những người được cấp giấy phép và năng định trong khi họ thực hiện nhiệm vụ.

(c) Giám định viên y khoa hàng không, dựa trên cơ sở phán quyết của mình, có trách nhiệm báo cáo Cục HKVN mọi trường hợp không đáp ứng tiêu chuẩn sức khỏe của người đề nghị cấp Giấy chứng nhận sức khỏe có ảnh hưởng đến an toàn bay.

8.015 ỦY QUYỀN CỦA CƠ QUAN CÓ THẨM QUYỀN

(a) Cục HKVN làm thủ tục chấp thuận giám định viên y khoa hàng không để:

(1) Kiểm tra người đề nghị cấp Giấy chứng nhận và những người có Giấy chứng nhận sức khỏe để quyết định xem họ có đủ tiêu chuẩn sức khỏe hay không; và

(2) Khuyến cáo việc cấp, cấp lại, từ chối hoặc thu hồi Giấy chứng nhận sức khỏe, khước từ về sức khỏe, miễn trừ hoặc xác nhận Giấy chứng nhận khỏe đặc biệt cho người đề nghị cấp giấy chứng trên cơ sở đáp ứng hoặc không đáp ứng tiêu chuẩn sức khỏe liên quan.

(b) Cục HKVN được phép ủy quyền cho bác sỹ có khả năng chuyên môn đại diện cho Cục HKVN để tiến hành xem xét lại các hồ sơ sức khỏe, đánh giá lại tình trạng đủ sức khỏe của người đang đề nghị cấp hoặc đã có Giấy chứng nhận sức khỏe và trong một số trường hợp cần thiết có thể tiến hành kiểm tra hồ sơ của người đề nghị cấp Giấy chứng nhận do cơ sở y tế giám định sức khỏe nhân viên hàng không lưu giữ.

(c) Cục HKVN bảo lưu quyền xem xét lại bất cứ công việc nào do giám định viên y khoa hàng không thực hiện.

CHƯƠNG C: QUY TRÌNH CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN SỨC KHỎE

8.020 PHẠM VI ÁP DỤNG

(a) Chương này quy định các yêu cầu về trình tự cấp Giấy chứng nhận sức khỏe đối với tất cả các loại Giấy chứng nhận sức khỏe nêu tại Điều 8.007.

8.023 HỒ SƠ SỨC KHỎE

(a) Để được cấp Giấy chứng nhận sức khỏe mỗi cá nhân đề nghị cấp phải ký và hoàn thiện đơn đề nghị theo mẫu biểu và cách thức thực hiện do Cục HKVN

quy định để nộp cho cơ sở y tế giám định sức khỏe nhân viên hàng không đã được Cục HKVN cấp Giấy chứng nhận (AMC), trong đơn cung cấp các thông tin y tế cá nhân có liên quan tới:

(1) Bản thân, gia đình, và tiền sử di truyền một cách đầy đủ và chính xác theo sự hiểu biết của cá nhân đó; và

(2) Có hay không việc từ chối đánh giá tình trạng sức khỏe trước đây, thu hồi hoặc tạm thời đình chỉ và nếu có thì nêu lý do[5];

(3) Cá nhân đó cũng phải thông báo cho các giám định viên rằng đánh giá y khoa trước đây đã bị từ chối, hủy bỏ hoặc đình chỉ hay chưa và nếu như vậy, lý do từ chối , thu hồi hoặc đình chỉ là gì[6].

(b) Bất cứ thời điểm nào thấy cần thiết thông tin y tế bổ sung hoặc tiểu sử sức khỏe, cơ sở y tế giám định sức khỏe nhân viên hàng không có thể yêu cầu người đề nghị cấp Giấy chứng nhận sức khỏe cung cấp hoặc ủy quyền cho bất kỳ phòng khám, bệnh viện, bác sỹ, hoặc một người nào đó cung cấp thông tin liên quan đến tiểu sử sức khỏe.

(c) Mỗi cá nhân đề nghị cấp Giấy chứng nhận sức khỏe phải nhận thức được sự cần thiết của việc báo cáo một cách đầy đủ và chính xác sự hiểu biết của mình và chịu trách nhiệm về thông tin sai lệch.

(d) [7]Giám định viên y khoa phải báo cáo Cục Hàng không Việt Nam bất cứ thông tin sai lệch nào của người có giấy phép hoặc năng định.

(e) Nếu như người đề nghị cấp hoặc người được cấp Giấy chứng nhận sức khỏe không đủ khả năng cung cấp các yêu cầu thông tin về sức khỏe trong quá khứ, không xác nhận được các thông tin đó, hoặc cung cấp các thông tin sai lệch, Cục HKVN có thể:

---

[5] Điểm này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản a Mục 3 Phụ lục VII sửa đổi, bổ sung một số điều của Phần 8 Bộ Quy chế an toàn hàng không dân dụng lĩnh vực tàu bay và khai thác tàu bay ban hành kèm theo Thông tư số 03/2016/TT-BGTVT ngày 31 tháng 3 năm 2016, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 5 năm 2016.

[6] Điểm này được bổ sung theo quy định tại khoản b Mục 3 Phụ lục VII sửa đổi, bổ sung một số điều của Phần 8 Bộ Quy chế an toàn hàng không dân dụng lĩnh vực tàu bay và khai thác tàu bay ban hành kèm theo Thông tư số 03/2016/TT-BGTVT ngày 31 tháng 3 năm 2016, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 5 năm 2016.

[7] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản c Mục 3 Phụ lục VII sửa đổi, bổ sung một số điều của Phần 8 Bộ Quy chế an toàn hàng không dân dụng lĩnh vực tàu bay và khai thác tàu bay ban hành kèm theo Thông tư số 03/2016/TT-BGTVT ngày 31 tháng 3 năm 2016, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 5 năm 2016.

(1) Tạm đình chỉ, sửa đổi hoặc thu hồi tất cả Giấy chứng nhận sức khỏe của cá nhân đó đang có; hoặc

(2) Từ chối việc cấp Giấy chứng nhận sức khỏe đối với người đề nghị.

(f) Nếu như Giấy chứng nhận sức khỏe bị tạm thời đình chỉ hoặc sửa đổi theo mục này thì sự tạm đình chỉ hoặc sửa đổi đó vẫn giữ nguyên hiệu lực tới khi:

(1) Người được cấp hoặc người đề nghị cấp Giấy chứng nhận sức khỏe cung cấp yêu cầu về thông tin trong quá khứ, hoặc cơ quan có thẩm quyền cho phép; và

(2) Cục HKVN xác định được người được cấp hoặc người đề nghị cấp có đáp ứng các tiêu chuẩn sức khỏe hay không.

8.025 HỘI ĐỒNG ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ GIÁM ĐỊNH SỨC KHỎE

(a) Cơ sở y tế giám định sức khỏe nhân viên hàng không tổ chức việc giám định sức khỏe của người đề nghị; tập hợp kết quả giám định của các giám định viên y khoa, chuyển cho Hội đồng đánh giá kết quả giám định sức khỏe nhân viên hàng không.

(b) Hội đồng đánh giá kết quả giám định sức khỏe được Cục HKVN thành lập và ủy quyền xem xét tổng hợp kết quả giám định, kết luận về sức khỏe theo mẫu biểu và cách thức quy định, cấp Giấy chứng nhận sức khỏe cho người đủ điều kiện.

(c) Hội đồng đánh giá kết quả giám định sức khỏe báo cáo kết quả giám định, cấp Giấy chứng nhận sức khỏe lên Cục HKVN để kiểm tra, giám sát.

(d) Báo cáo kết quả giám định sức khỏe có thể gửi bằng thư điện tử nếu đảm bảo an ninh mạng. Trong trường hợp có nghi ngờ về an ninh mạng bị xâm phạm phải nhanh chóng thông báo cho Cục HKVN.

(a) Thành viên Hội đồng đánh giá kết quả giám định sức khỏe phải đáp ứng các yêu cầu chuyên môn như đối với giám định viên y khoa hàng không và phải được huấn luyện về đánh giá các hồ sơ sức khỏe. Chủ tịch Hội đồng chịu trách nhiệm tổ chức hoạt động của Hội đồng theo quy chế do Cục HKVN ban hành.

Ghi chú: Điều quan trọng là Cục HKVN phải biết được kết quả giám định sức khỏe của nhân viên hàng không được cấp Giấy chứng nhận hành nghề mà Giấy chứng nhận sức khỏe là điều kiện duy trì hiệu lực của giấy phép hành nghề.

8.027 SỰ BẢO MẬT VÀ TRUY CẬP HỒ SƠ SỨC KHỎE

(a) Tất cả các nhân viên bao gồm giám định viên y khoa, thành viên Hội đồng đánh giá kết quả giám định sức khỏe, nhân viên của cơ sở y tế giám định sức khỏe hàng không, nhân viên cấp phép của Cục HKVN có trách nhiệm bảo mật đối với hồ sơ sức khỏe của người đề nghị cấp Giấy chứng nhận sức khỏe.

(b) Kết quả giám định sức khỏe và các hồ sơ liên quan phải được lưu giữ bảo đảm hạn chế việc tiếp cận của người không có phận sự.

(c) Thành viên Hội đồng đánh giá kết quả giám định sức khỏe, người có thẩm quyền của Cục HKVN được truy cập tất cả các hồ sơ sức khỏe của người đề nghị cấp hoặc người đã được cấp Giấy chứng nhận sức khỏe mà các hồ sơ đó được lưu giữ bởi cơ sở y tế giám định sức khỏe hàng không hoặc bác sỹ tư nhân.

(d) Bất chấp quy định của sự cẩn mật, không một cá nhân nào có thể cho phép phát hành hoặc tiếp tục sử dụng Giấy chứng nhận sức khỏe khi mà người có Giấy chứng nhận không đủ tiêu chuẩn sức khỏe.

8.030 TRÁCH NHIỆM GIÁM SÁT LIÊN TỤC XU HƯỚNG SỨC KHỎE HÀNG KHÔNG[8]

a. Hội đồng đánh giá sức khỏe có trách nhiệm:

1. Kiểm tra sự đầy đủ, chính xác và đánh giá các báo cáo của cơ sở giám định sức khỏe nhân viên hàng không trình Cục Hàng không Việt Nam;

2. Thường xuyên đánh giá lại quá trình giám định sức khỏe để tập trung vào các lĩnh vực có gia tăng các vấn đề về sức khỏe;

3. Xác định sự cần thiết phải sửa đổi mẫu biểu và quá trình giám định sức khỏe để đảm bảo đầy đủ các thông tin cho việc kiểm tra, đánh giá sức khỏe của Cục Hàng không Việt Nam;

4. Xác định sự cần thiết cho việc giám sát, theo dõi hoặc giảm thời gian khám định kỳ hoặc giảm thời hạn hiệu lực của giấy chứng nhận sức khỏe;

---

[8] Điều này được bổ sung theo quy định tại Mục 4 Phụ lục VII sửa đổi, bổ sung một số điều của Phần 8 Bộ Quy chế an toàn hàng không dân dụng lĩnh vực tàu bay và khai thác tàu bay ban hành kèm theo Thông tư số 03/2016/TT-BGTVT ngày 31 tháng 3 năm 2016, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 5 năm 2016.

5. Điều phối việc trưng cầu ý kiến các chuyên gia, các xét nghiệm bổ sung cần thiết để đưa ra kết luận chính thức về sức khỏe;

6. Điều phối việc trưng cầu ý kiến các chuyên gia, các xét nghiệm bổ sung cần thiết đối với yêu cầu đặc biệt về y tế để chứng tỏ khả năng;

7. Thực hiện phân tích các trường hợp mất khả năng làm việc trong khi bay và các vấn đề sức khỏe được phát hiện trong quá trình giám định để nhận dạng các lĩnh vực có gia tăng rủi ro về sức khỏe;

8. Yêu cầu thực hiện giám định lại sức khỏe trong trường hợp xảy ra sự cố hoặc tai nạn;

9. Tổ chức kiểm tra định kỳ tối thiểu 01 năm 01 lần đối với các cơ sở vật chất, trang thiết bị và hồ sơ giám định sức khỏe của từng cơ sở y tế để đảm bảo việc chấp hành các quy định hiện hành về công tác giám định sức khỏe nhân viên hàng không;

10. Đánh giá định kỳ tối thiểu 01 năm 01 lần năng lực của các giám định viên để đảm bảo phù hợp với các tiêu chuẩn của Phần này và công tác huấn luyện định kỳ về y tế hàng không được thực hiện đầy đủ;

b. Các thành viên Hội đồng đánh giá phải đáp ứng các yêu cầu như một giám định viên y khoa đồng thời phải được huấn luyên về kỹ năng đánh giá hồ sơ sức khỏe;

c. Các thành viên hội đồng đánh giá của Cục Hàng không Việt Nam không thực hiện đồng thời làm giám định viên y tế.

8.033 CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN SỨC KHỎE

(a) [9]Giấy chứng nhận sức khỏe được cấp cho nhân viên hàng không đáp ứng tiêu chuẩn sức khỏe được quy định tại Thông tư liên tịch số 18/2012/TTLT-BYT-BGTVT của Bộ Y tế và Bộ Giao thông vận tải.

(b) Bất cứ cá nhân nào không đáp ứng tiêu chuẩn sức khỏe của chương này có thể đề nghị xem xét lại nếu thấy cần thiết.

---

[9] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản a Mục 5 Phụ lục VII sửa đổi, bổ sung một số điều của Phần 8 Bộ Quy chế an toàn hàng không dân dụng lĩnh vực tàu bay và khai thác tàu bay ban hành kèm theo Thông tư số 03/2016/TT-BGTVT ngày 31 tháng 3 năm 2016, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 5 năm 2016.

(c)[10] Căn cứ vào hướng dẫn của Cục Hàng không Việt Nam dựa trên các quy định của ICAO, Giám định viên y khoa có thể xem xét miễn trừ một số nội dung kiểm tra thông thường liên quan đến việc đánh giá thể chất nhằm tập trung vào tư vấn y tế nâng cao thể chất và phòng ngừa bệnh tật.

(d)[11] Các cá nhân không đáp ứng các tiêu chuẩn y tế quy định tại Thông tư liên tịch số 18/2012/TTLT-BYT-BGTVT của Bộ Y tế và Bộ Giao thông vận tải có thể được cấp Giấy chứng nhận sức khỏe hạn chế.

8.035 TỪ CHỐI CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN SỨC KHỎE

(a) Việc từ chối cấp Giấy chứng nhận sức khỏe có hiệu lực:

(1) Vào thời điểm đánh giá tình trạng sức khỏe đã xác định rằng người đề nghị đã không đủ sức khỏe đúng theo các tiêu chuẩn sức khỏe của nhân viên hàng không do Bộ Y tế ban hành; và

(2) Cho tới lúc người đó được cơ quan có thẩm quyền xác định lại là đủ sức khỏe để thực hiện nhiệm vụ.

(b) Bất cứ người đề nghị cấp Giấy chứng nhận sức khỏe nào bị Hội đồng đánh giá giám định từ chối cấp Giấy chứng nhận sức khỏe có thể, trong vòng 5 ngày, kể từ ngày bị từ chối, kiến nghị bằng văn bản đến Cục HKVN để xem xét lại việc từ chối đó.

(c)[12] Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày hồ sơ đề nghị cấp bị từ chối, người làm đơn được phép đề nghị Cục Hàng không Việt Nam xem xét lại.

8.037 CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN SỨC KHỎE ĐẶC BIỆT

(a) Cục HKVN có thể cấp Giấy chứng nhận sức khỏe đặc biệt đối với người đề nghị cấp Giấy chứng nhận không phù hợp các tiêu chuẩn có thể vận dụng để

---

[10] Khoản này được bổ sung theo quy định tại khoản b Mục 5 Phụ lục VII sửa đổi, bổ sung một số điều của Phần 8 Bộ Quy chế an toàn hàng không dân dụng lĩnh vực tàu bay và khai thác tàu bay ban hành kèm theo Thông tư số 03/2016/TT-BGTVT ngày 31 tháng 3 năm 2016, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 5 năm 2016.

[11] Khoản này được bổ sung theo quy định tại khoản b Mục 5 Phụ lục VII sửa đổi, bổ sung một số điều của Phần 8 Bộ Quy chế an toàn hàng không dân dụng lĩnh vực tàu bay và khai thác tàu bay ban hành kèm theo Thông tư số 03/2016/TT-BGTVT ngày 31 tháng 3 năm 2016, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 5 năm 2016.

[12] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Mục 6 Phụ lục VII sửa đổi, bổ sung một số điều của Phần 8 Bộ Quy chế an toàn hàng không dân dụng lĩnh vực tàu bay và khai thác tàu bay ban hành kèm theo Thông tư số 03/2016/TT-BGTVT ngày 31 tháng 3 năm 2016, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 5 năm 2016.

cấp Giấy chứng nhận sức khỏe nếu như cá nhân đó đưa ra được lý do thỏa đáng, bao gồm:

(1) Kết luận chính thức về sức khỏe chỉ ra rằng trong trường hợp đặc biệt người đề nghị cấp không đủ điều kiện với bất kỳ yêu cầu nào đó, về vấn đề này hay vấn đề khác nhưng điều đó cũng không ảnh hưởng đến việc thực hiện quyền hạn được ghi trong giấy phép:

(i) Không ảnh hưởng đến an toàn khi thực hiện nhiệm vụ;

(ii) Không ảnh hưởng đến an toàn khai thác tàu bay; hoặc

(iii) Không ảnh hưởng đến việc gây ra mất khả năng làm việc.

(2) Liên quan đến năng lực, kỹ năng, kinh nghiệm của người đề nghị cấp Giấy chứng nhận và các điều kiện làm việc cũng sẽ được cân nhắc một cách thích hợp;

(3) Khi giấy phép được ghi một vài giới hạn đặc biệt hoặc các giới hạn thì người có giấy phép phải tuân theo các giới hạn đó để thực hiện công việc an toàn.

8.040 THỪA NHẬN HIỆU LỰC CỦA GIẤY CHỨNG NHẬN SỨC KHỎE NƯỚC NGOÀI

(a) Cục HKVN có thể chấp thuận việc cấp Giấy chứng nhận sức khỏe, Giấy chứng nhận được cấp bởi một quốc gia thành viên khác của ICAO thay vì tiến hành giám định sức khỏe của cơ sở y tế giám định sức khỏe hàng không.

Ghi chú: Cục HKVN có thể liên hệ với một nhà chức trách hàng không của quốc gia thành viên ICAO khác để quyết định hiệu lực của Giấy chứng nhận trình lên Cục HKVN.

(b) Cục HKVN có thể chấp thuận Giấy chứng nhận sức khỏe do quốc gia thành viên ICAO khác cấp cho nhân viên hàng không trong thời gian thực hiện nhiệm vụ tại Việt Nam thay cho việc cấp Giấy chứng nhận sức khỏe mới.

Ghi chú: Cục HKVN sẽ lập danh sách các quốc gia thành viên ICAO có Giấy chứng nhận sức khỏe được công nhận thay cho việc cấp mới.

8.043 CẤP LẠI GIẤY CHỨNG NHẬN SỨC KHỎE

(a) Các yêu cầu đối với việc cấp lại Giấy chứng nhận sức khỏe tương tự như đối với yêu cầu của việc cấp lần đầu trừ khi có các quy định khác.

8.045 ĐIỀU CHỈNH THỜI HẠN HIỆU LỰC CỦA GIẤY CHỨNG NHẬN

(a) [13]Thời hạn hiệu lực cho phép của Giấy chứng nhận sức khỏe đã được quy định tại Điều 8.007 của Phần này.

(b) [14]Thời hạn hiệu lực của Giấy chứng nhận sức khỏe có thể được gia hạn thêm tối đa 45 ngày, căn cứ vào việc xem xét, đánh giá của Hội đồng đánh giá kết quả giám định sức khỏe của Cục Hàng không Việt Nam.

(c) Cục HKVN có thể giảm thời hạn hiệu lực của Giấy chứng nhận sức khỏe đối với nhân viên hàng không khi có dấu hiệu về mặt lâm sàng.

8.047 CẤP LẠI ĐẶC BIỆT ĐỐI VỚI GIẤY CHỨNG NHẬN SỨC KHỎE

(a) Quy định việc kiểm tra lại của người có giấy phép thực hiện nhiệm vụ ở khu vực xa nơi cơ sở y tế được chỉ định kiểm tra sức khỏe có thể được cấp lại Giấy chứng nhận sức khỏe đặc biệt khi xét thấy cần thiết và được Cục HKVN cho phép; việc cấp lại đó chỉ được thực hiện như một trường hợp ngoại lệ và không được lạm dụng.

(1) Thời hạn 6 tháng một lần, trong trường hợp thành viên tổ lái tàu bay không khai thác thương mại;

(2) Thời hạn không quá 03 tháng/01 lần cho hai lần liên tiếp có báo cáo về sức khỏe vẫn được sử dụng thuận lợi sau khi kiểm tra, trong trường hợp thành viên tổ lái tàu bay đang khai thác thương mại.

(b) Việc kiểm tra phải được thực hiện bởi:

(1) Giám định viên y khoa hàng không được chỉ định trong khu vực có liên quan; hoặc

(2) Trong trường hợp không có giám định viên y khoa hàng không được chấp thuận tại nơi thành viên tổ lái lưu trú thì công tác giám định có thể được thực hiện bởi bác sỹ có giấy phép hành nghề tại khu vực đó.

---

[13] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Mục 7 Phụ lục VII sửa đổi, bổ sung một số điều của Phần 8 Bộ Quy chế an toàn hàng không dân dụng lĩnh vực tàu bay và khai thác tàu bay ban hành kèm theo Thông tư số 03/2016/TT-BGTVT ngày 31 tháng 3 năm 2016, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 5 năm 2016.

[14] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Mục 7 Phụ lục VII sửa đổi, bổ sung một số điều của Phần 8 Bộ Quy chế an toàn hàng không dân dụng lĩnh vực tàu bay và khai thác tàu bay ban hành kèm theo Thông tư số 03/2016/TT-BGTVT ngày 31 tháng 3 năm 2016, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 5 năm 2016.

(c) Giấy chứng nhận của người lái tàu bay tư nhân sẽ được cấp lại đặc biệt một lần với thời gian không vượt quá 24 tháng nếu được giám định viên y khoa do quốc gia thành viên ICAO, nơi người lái tư nhân đó lưu trú tạm thời, thực hiện.

(d) Báo cáo kiểm tra sức khỏe được quy định trong Phần này phải được gửi lên nhà chức trách trước khi tiến hành thực hiện việc khai thác bất cứ tàu bay nào trong thời hạn cụ thể của cấp lại đặc biệt.

Ghi chú: Xem Phụ lục 1 Điều 8.023 về thủ tục cấp, cấp lại Giấy chứng nhận sức khỏe của nhân viên hàng không.

8.049 CHƯƠNG TRÌNH ĐỐI VỚI VIỆC LẠM DỤNG CHẤT KÍCH THÍCH[15]

a. Cục Hàng không Việt Nam phải có chương trình giám sát liên tục nhân viên hàng không lạm dụng chất kích thích và chuyển đổi các nhân viên này ra khỏi vị trí công tác có ảnh hưởng tới an toàn bay.

b. Theo quy định tại Điều 1.083, Cục Hàng không Việt Nam sẽ yêu cầu kiểm tra các xét nghiệm sinh hóa của người có giấy phép có liên quan đến tai nạn hoặc sự cố nghiêm trọng hoặc có nghi ngờ nhân viên hàng không đang bị ảnh hưởng bởi chất kích thích.

c. Cục Hàng không Việt Nam yêu cầu các tổ chức liên quan tiến hành các xét nghiệm sinh hóa cần thiết theo quy định tại Điều 1.083 đối với nhân viên hàng không trước khi tuyển dụng, theo định kỳ và đột xuất.

d. Việc bố trí nhân viên hàng không bị luân chuyển theo quy định tại khoản a của Điều này chỉ được xem xét sau khi đã điều trị thành công theo kết luận của Hội đồng đánh giá kết quả giám định nhân viên hàng không và việc thực hiện các chức năng của nhân viên này không làm ảnh hưởng tới an toàn.

CHƯƠNG D: CƠ SỞ Y TẾ GIÁM ĐỊNH SỨC KHỎE NHÂN VIÊN HÀNG KHÔNG

8.050 PHẠM VI ÁP DỤNG

[15] Điều này được bổ sung theo quy định tại Mục 8 Phụ lục VII sửa đổi, bổ sung một số điều của Phần 8 Bộ Quy chế an toàn hàng không dân dụng lĩnh vực tàu bay và khai thác tàu bay ban hành kèm theo Thông tư số 03/2016/TT-BGTVT ngày 31 tháng 3 năm 2016, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 5 năm 2016.

(a) Chương này đưa ra các quy định áp dụng về cấp và duy trì hiệu lực của Giấy chứng nhận cơ sở y tế giám định sức khỏe nhân viên hàng không.

8.053 GIẤY CHỨNG NHẬN CƠ SỞ Y TẾ GIÁM ĐỊNH SỨC KHỎE NHÂN VIÊN HÀNG KHÔNG

(a) Không ai được phép tổ chức thực hiện việc giám định sức khỏe nhân viên hàng không khi không có Giấy chứng nhận cơ sở y tế giám định sức khỏe nhân viên hàng không do Cục HKVN cấp.

(b) Giấy chứng nhận cơ sở y tế giám định sức khỏe nhân viên hàng không có hiệu lực không quá 36 tháng trừ khi bị đình chỉ, hủy bỏ hoặc thu hồi trước thời hạn của Giấy chứng nhận được cấp.

8.055 ÁP DỤNG ĐỂ CẤP HOẶC SỬA ĐỔI BỔ SUNG

(a) Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận cơ sở y tế giám định sức khỏe nhân viên hàng không phải được nộp trước 30 trước ngày dự kiến tiến hành giám định y khoa.

(b) Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận cho cơ sở y tế giám định sức khỏe nhân viên hàng không phải được thực hiện theo mẫu và cách thức thực hiện do Cục HKVN quy định.

(c) Nội dung của Giấy chứng nhận được Cục HKVN cấp bao gồm:

(1) Tên giao dịch, trụ sở chính, người đại diện theo pháp luật, phạm vi hoạt động của cơ sở giám định sức khỏe nhân viên hàng không, địa chỉ các văn phòng đại diện, chi nhánh (nếu có).

(d) Cục HKVN có thể cấp Giấy chứng nhận AMC cho:

(1) Cơ sở y tế giám định sức khỏe nhân viên hàng không có địa chỉ trong hoặc ngoài lãnh thổ Việt Nam; hoặc

(2) Chi nhánh của cơ sở giám định sức khỏe nhân viên hàng không đặt tại Việt Nam hoặc nước ngoài.

8.057 SỬA ĐỔI GIẤY CHỨNG NHẬN AMC

(a) Cục HKVN có thể sửa đổi Giấy chứng nhận AMC :

(1) Khi xác định là cần thiết vì lợi ích của việc tiêu chuẩn hóa; hoặc

(2) Theo đề nghị của cơ sở y tế giám định sức khỏe nhân viên hàng không.

(b) Người được cấp AMC phải nộp đơn đề nghị phê chuẩn sửa đổi Giấy chứng nhận AMC trước 10 ngày, kể từ ngày dự kiến sửa đổi được đưa vào áp dụng

8.060 NIÊM YẾT GIẤY CHỨNG NHẬN

(a) Người được cấp Giấy chứng nhận AMC phải niêm yết Giấy chứng nhận tại trụ sở Văn phòng chính của mình ở nơi có nhiều người qua lại và dễ nhìn.

8.063 PHẠM VI HỌAT ĐỘNG CỦA GIẤY CHỨNG NHẬN

(a) Người được cấp Giấy chứng nhận AMC chỉ có thể được quyền thực hiện một hoặc tất cả những giám định sức khỏe đối với:

(1) Nhóm 1;

(2) Nhóm 2;

(3) Nhóm 3; hoặc

(4) Xét nghiệm y tế đặc biệt.

(b) Người được cấp Giấy chứng nhận AMC có thể thực hiện quảng cáo và tiến hành giám định sức khỏe đối nhân viên hàng không theo phạm vi hoạt động của Giấy chứng nhận AMC do Cục HKVN cấp.

(c) Cục HKVN có thể yêu cầu người được cấp Giấy chứng nhận AMC tiến hành các xét nghiệm bổ sung hoặc xét nghiệm đặc biệt để đưa ra các kết luận y khoa chính thức đối với trường hợp bị xem xét về khả năng đáp ứng tiêu chuẩn sức khỏe phù hợp với Giấy chứng nhận sức khỏe tương ứng của người đề nghị.

8.065 MẤT NĂNG ĐỊNH CỦA GIẤY CHỨNG NHẬN

(a) Cục HKVN có thể từ chối, đình chỉ, thu hồi hoặc chấm dứt hiệu lực của Giấy chứng nhận theo Chương D của Phần này khi có dấu hiệu chứng tỏ:

(1) Cơ sở giám định sức khỏe không đáp ứng, hoặc không còn đáp ứng được những yêu cầu của Chương D Phần này;

(2) Người đệ trình đơn không đầy đủ, hoặc không chính xác, hoặc chứa đựng những thông tin thiếu trung thực.

(b) Cơ sở y tế giám định sức khỏe nhân viên hàng không có Giấy chứng nhận AMC bị đình chỉ, bị thu hồi hoặc bị hủy bỏ sẽ phải nhanh chóng:

(1) Tháo bỏ mọi chỉ dẫn, biển hiệu ở bất kỳ nơi nào mà AMC đã được Cục HKVN cho phép trước đây; và

(2) Thông báo cho tất cả các công ty quảng cáo, cơ quan thông tin mà AMC sử dụng để quảng cáo dừng mọi việc quảng cáo cho các hoạt động của cơ sở giám định.

(3) Nộp lại Giấy chứng nhận cơ sở giám định sức khỏe nhân viên hàng không cho Cục HKVN trong vòng 5 ngày kể từ ngày Cục HKVN ra quyết định thu hồi hoặc hủy bỏ.

8.067 TRỤ SỞ VĂN PHÒNG.

(a) Người được cấp Giấy chứng nhận AMC phải có văn phòng chính đặt tại địa chỉ được ghi trên Giấy chứng nhận AMC.

(b) Văn phòng chính không được sử dụng chung, hoặc sử dụng bởi bên khác có Giấy chứng nhận AMC.

8.070 CÁC CHI NHÁNH

(a) Chi nhánh cơ sở y tế giám định sức khỏe nhân viên hàng không có thể giám định sức khỏe nếu:

(1) Giám định viên y khoa hàng không của AMC đang công tác tại chi nhánh và có thể tiến hành giám định theo chuyên khoa được phê chuẩn;

(2) Cơ sở, thiết bị y tế và nhân lực đáp ứng được các yêu cầu hiện hành;

(3) Giám định viên y khoa hàng không và nhân viên tại chi nhánh của AMC được văn phòng trụ sở AMC giám sát và quản lý trực tiếp;

(4) AMC phải có các quy định đảm bảo rằng việc giám định sức khỏe tại chi nhánh của mình đáp ứng đầy đủ các yêu cầu như đối với AMC;

(5) Người được cấp Giấy chứng nhận AMC phải thông báo bằng văn bản cho Cục HKVN về việc bổ sung chi nhánh để tiến hành hoạt động tối thiểu 30 ngày trước khi chi nhánh đó bắt đầu tiến hành giám định.

8.073 THAY ĐỔI ĐỊA ĐIỂM

(a) Người được cấp Giấy chứng nhận AMC không được phép thay đổi địa điểm của cơ quan mình trừ khi việc thay đổi đó đã được Cục HKVN phê duyệt trước;

(b) Nếu như muốn thay đổi địa điểm, AMC phải thông báo cho Cục HKVN tối thiểu 30 ngày trước ngày dự kiến thay đổi địa điểm;

(c) Cơ quan thẩm quyền có thể đề ra các điều kiện theo đó AMC có thể tiến hành giám định khi thay đổi địa điểm hoặc cơ sở thiết bị.

8.075 BỘ MÁY QUẢN LÝ CỦA AMC

(a) AMC phải có người quản lý có năng lực được Cục HKVN chấp thuận, người có đủ quyền hạn để đảm bảo rằng hoạt động của AMC tuân thủ mọi quy định, yêu cầu đối với AMC;

(b) Khi tiến hành bất kỳ giám định sức khỏe nào, AMC phải có cán bộ có trình độ năng lực trong lĩnh vực giám định y khoa hàng không dân dụng, đang nắm giữ cương vị sau hoặc tương đương:

(1) Trưởng giám định y khoa hàng không;

(2) Giám định viên y khoa hàng không.

(c) Cá nhân đề nghị chấp thuận giám định viên y khoa hàng không phải nộp đơn đề nghị đến Cục HKVN để xem xét chấp thuận chức danh giám định viên y khoa hàng không (AME) theo tiêu chuẩn hiện hành của Bộ Y tế và yêu cầu tại Điều 8.013.

8.080 YÊU CẦU CHUNG ĐỐI VỚI CÁC CÁN BỘ CỦA AMC

(a) AMC phải tuyển dụng các cán bộ y tế có đủ trình độ năng lực cần thiết để tiến hành giám định sức khỏe.

(b) Trình độ của cán bộ y tế phải phù hợp với những quy định hiện hành của Bộ Y tế, quy định tại Điều 8.013.

(c) AMC phải đảm bảo rằng tất cả cán bộ y tế đều phải được đào tạo cơ bản và tiếp tục đào tạo phù hợp với nhiệm vụ được giao và trách nhiệm của họ đối với công tác giám định sức khỏe.

(d) AMC phải yêu cầu những người chịu trách nhiệm lập hồ sơ giám định sức khỏe ký tên vào bản cam kết bảo mật thông tin liên quan đến nội dung những hồ sơ này. Bản cam kết bảo mật sẽ được lưu giữ cùng với hồ sơ cá nhân của từng nhân viên y tế này.

8.083 MÁY MÓC THIẾT BỊ XÉT NGHIỆM

(a) AMC phải có cơ sở thiết bị, phòng khám phù hợp đảm bảo vệ sinh để có thể tiến hành công tác giám định.

(b) AMC phải có trụ sở riêng và trang thiết bị lưu trữ hồ sơ có khóa để đảm bảo an toàn đối với các hồ sơ giám định sức khỏe.

(c) AMC phải luôn có sẵn toàn bộ các thiết bị vận hành và thiết bị xét nghiệm cần thiết theo như quy định tại Sổ tay y tế hàng không dân dụng của ICAO để có thể thực hiện tốt từng công đoạn cần thiết trong công tác giám định sức khỏe.

8.085 HỆ THỐNG ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG

(a) AMC phải duy trì hệ thống đảm bảo chất lượng được Cục HKVN chấp thuận nhằm đảm bảo rằng các trang thiết bị, nhân viên, công tác giám định sức khỏe và hồ sơ dữ liệu tuân thủ tất cả các quy định liên quan.

(b) Để đảm bảo yêu cầu nêu tại khoản (a), AMC có thể thuê một tổ chức đánh giá chất lượng được Cục HKVN chấp nhận, những dịch vụ đánh giá này phải được thực hiện theo đúng quy định nhằm đảm bảo chất lượng của giám định sức khỏe luôn luôn phù hợp với tiêu chuẩn tối thiểu của Việt Nam.

8.087 KIỂM TRA VÀ GIÁM SÁT

(a) Cục HKVN có thẩm quyền tiếp cận bất kỳ lúc nào để tiến hành kiểm tra đối với AMC nhằm xác định việc tuân thủ với các quy định của Phần này.

(b) AMC và nhân viên của mình phải cho phép đại diện được ủy quyền của Cục HKVN tiếp cận không hạn chế tới toàn bộ các địa điểm, trang thiết bị, nhân viên và hồ sơ, kể cả các công tác giám định y khoa đang trong quá trình thực hiện để thực hiện trách nhiệm kiểm tra và giám sát của mình.

(c) Việc duy trì hiệu lực của Giấy chứng nhận cơ sở y tế giám định sức khỏe nhân viên hàng không phụ thuộc vào việc tuân thủ của AMC đối với các nội dung quy định của Chương này.

CÁC PHỤ LỤC

PHỤ LỤC 1 ĐIỀU 8.013: CÁC GIÁM ĐỊNH VIÊN Y KHOA HÀNG KHÔNG

(a) Thủ tục chấp thuận giám định viên y khoa hàng không:

(1) Người đề nghị chấp thuận chức danh giám định viên y khoa phải gửi hồ sơ trực tiếp hoặc thông qua đường bưu điện đến Cục HKVN và phải chịu trách nhiệm về các thông tin trong hồ sơ. Hồ sơ bao gồm:

(i) Đơn đề nghị chấp thuận chức danh giám định viên y khoa hàng không (theo mẫu kèm theo Thông tư này);

(ii) Bản sao chứng thực giấy phép thực hiện chuyên môn y tế;

(iii) Bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu các tài liệu chứng minh đã qua khóa huấn luyện về y tế hàng không;

(2) Cục HKVN là cơ quan có thẩm quyền chấp thuận các giám định viên y khoa hàng không của các cơ sở y tế giám định sức khỏe nhân viên hàng không.

(3) Cục HKVN có trách nhiệm kiểm tra hồ sơ và đánh giá nội dung kê khai trong hồ sơ để quyết định việc chấp thuận chức danh giám định viên y khoa hàng không.

(4) Trong thời hạn 30 ngày, kể từ thời điểm nhận đủ hồ sơ, Cục HKVN ban hành quyết định chấp thuận chức danh giám định viên y khoa hàng không.

(5) Trong trường hợp từ chối việc chấp thuận chức danh giám định viên y khoa hàng không, Cục HKVN phải thông báo bằng văn bản cho người đề nghị biết và nêu rõ lý do.

PHỤ LỤC 1 ĐIỀU 8.023: CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN SỨC KHỎE

(a) Thủ tục cấp, cấp lại Giấy chứng nhận sức khỏe nhân viên hàng không:

(1) Cơ sở y tế giám định sức khỏe nhân viên hàng không đã được Cục HKVN phê chuẩn có trách nhiệm gửi trực tiếp hoặc qua mạng điện tử hoặc qua đường bưu điện đến Hội đồng đánh giá kết quả giám định sức khỏe nhân viên hàng không hồ sơ và kết quả giám định sức khỏe của Người đề nghị cấp Giấy chứng nhận sức khỏe nhân viên hàng không và phải chịu trách nhiệm về tính bảo mật, tính trung thực của các thông tin trong hồ sơ. Hồ sơ bao gồm:

(i) Tờ khai đề nghị cấp Giấy chứng nhận sức khỏe (theo mẫu kèm theo Thông tư này);

(ii) Bản sao các tài liệu nhằm cung cấp các thông tin y tế cá nhân, tiểu sử bệnh tật của bản thân người đề nghị được quy định tại điểm (1), (2) khoản (a) Điều 8.023;

(iii) Bản sao kết quả giám định sức khỏe của người đề nghị.

(2) Hội đồng đánh giá kết quả giám định sức khỏe nhân viên hàng không được Cục HKVN ủy quyền cấp Giấy chứng nhận sức khỏe nhân viên hàng không theo quy trình được quy định tại Điều 8.023.

(3) Hội đồng đánh giá kết quả giám định sức khỏe nhân viên hàng không có trách nhiệm kiểm tra hồ sơ và đánh giá kết quả giám định sức khỏe để cấp Giấy chứng nhận sức khỏe.

(4) Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ từ cơ sở y tế giám định sức khỏe, Hội đồng đánh giá kết quả giám định sức khỏe nhân viên hàng không thực hiện đánh giá và cấp Giấy chứng nhận sức khỏe cho người đề nghị; báo cáo kết quả lên Cục HKVN.

(5) Trong trường hợp từ chối cấp Giấy chứng nhận sức khỏe, Hội đồng đánh giá kết quả giám định sức khỏe nhân viên hàng không phải thông báo bằng văn bản cho người đề nghị biết và nêu rõ lý do.

(6) Cục HKVN cấp Giấy chứng nhận sức khỏe đặc biệt đối với người đề nghị trong trường hợp chưa đáp ứng được các tiêu chuẩn sức khỏe đã được quy định của Bộ Y tế nhưng không ảnh hưởng đến việc thực hiện nhiệm vụ được quy định trong giấy phép được quy định tại Điều 8.037 theo đề nghị của Hội đồng đánh giá kết quả giám định sức khỏe nhân viên hàng không.

(7) Hội đồng đánh giá kết quả giám định sức khỏe nhân viên hàng không xem xét cấp lại Giấy chứng nhận sức khỏe đối với người đề nghị trong trường hợp quy định tại Điều 8.043, Điều 8.045 và Điều 8.047. Trình tự thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận sức khỏe được thực hiện như cấp lần đầu.

Mẫu số 01:

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI ĐỀ NGHỊ CẤP CHỨNG NHẬN SỨC KHỎE

Application form for aviation medical certificate

I. Hành chính:

I. *Personal particulars*:

1) Họ: *1) Surname:*	2) Loại Giấy chứng nhận sức khỏe đề nghị cấp *2) Kind of medical certificate*		
3) Tên: *3) Name*:	4) Ngày sinh: *4) Date of birth:*	5) Giới tính: *5) Sex: M:* *F:*	6) Khám lần đầu: *First Examination*: Khám gia hạn: *Renewed Examination*:
7) Nước và nơi sinh: *7) Country and birth place:*	8) Quốc tịch: *8) Nationality*:		9) Loại giấy phép đề nghị cấp: *9) Kind of Licence requested*:
10) Địa chỉ thường trú: *10) Residential address*:	11) Địa chỉ liên lạc: *11) Postal address*:		12) Đơn vị sử dụng lao động: *12) Employer*:
13) Số điện thoại: *13) Telephone No*: 16) Giấy phép hàng không hiện có (loại). *16) Pilot licence available*: Số giấy phép: *Licence No*:			14) Chứng nhận sức khỏe lần trước: *14) previous medical certificate*: 15) Nơi cấp: *15) Place of issue*:

<table>
<tr><td colspan="2">Nước cấp giấy phép:
Issue country:</td><td></td></tr>
<tr><td colspan="2">17) Tên trường hàng không đã học:
17) Name of aviation school</td><td colspan="2">Năm tốt nghiệp:
Year of graduation:</td></tr>
<tr><td rowspan="2">18) Đã có tai nạn, sự cố trong khi bay?
18*) Any accident or failure during flight?*
Không *(No)* Có *(Yes)*
Ngày *(Date)*
Nơi *(Place)*

Nói chi tiết *(State detaily)*</td><td>19) Tổng số giờ bay:
19) Total flight hours:</td><td>20) Số giờ bay từ lần khám sức khỏe trước:

Amount of flight hours from previons medical examination:</td></tr>
<tr><td colspan="2">21) Loại tầu bay đang bay:
21) Type aircraft presently flown:</td></tr>
</table>

II Tiền sử bệnh tật:

II Health history: *Yes No*

1	Từ khi cấp chứng nhận sức khỏe lần trước có điều trị ở bệnh viện không? *Have you been hospitalized from previous issue of medical certificate*? Nếu có bệnh gì và điều trị ở đâu? *If any, what disease and where treated*.		
2	Có hút thuốc lá không? *Smoking tobaco in any form?* Nếu hút thì bao nhiêu điếu một ngày? <10; 10 - 25; >25. *If smoking, state how many cigarettes per day? < 10; 10 - 25; > 25*		
3	Đã có lần nào được điều trị các vấn đề có liên quan đến rượu, các chất gây nghiện? *Received treatment for problems related to alcohol, drugs or narcotics*?		

4	Có bị mất ý thức với bất kỳ lý do nào không? *Unconsciousness for any reason?*		
5	Có bị hoa mắt chóng mặt, choáng váng hoặc ngất không? *Dizziness, fainting spells or blackouts?*		
6	Đã kiểm tra HIV chưa? *Had a laboratory test for HIV infection?* Nếu có thì kết quả như thế nào? *If yes, what was the result?*		
7	Đã đau ở vùng bụng hoặc vùng ngực? *Suffered any chest or abdominal pain?*		
8	Có ho hoặc nôn ra máu không? *Coughed or vomited blood?*		
9	Có đái ra máu hoặc ỉa phân đen? *Passed blood with urine or faeces?*		
10	Đã dùng loại thuốc nào kéo dài liên tục 02 tuần chưa? *Taken or used any medication for longer than two consecutive weeks*?		
11	Đã bị điều trị viêm gan vi rút chưa? *Treated virus hepatitis?*		
12	Có biểu hiện về bệnh tim mạch? *Heart complaints of any kind?*		
13	Có cao huyết áp không? *Hight blood pressure*?		
14	Có bệnh về đường hô hấp, hen, dị ứng trầm trọng, sốt theo mùa không? *Had fever, severe allergies, asthma or respiratory problems?*		
15	Có mắc bệnh thận hoặc bàng quang như sỏi? *Kidney or bladder diseases eg stones*?		
16	Có mắc bệnh đái đường và nội tiết không? *Diabetes or endocrine problems*?		
17	Có bị đau dạ dày tá tràng và các rối loạn tiêu hóa khác? *Stomach or bowel problems, other than occasional indigestion?*		

18	Có bị các bệnh về máu hoặc thiếu máu? *Anaemia or any other blood disease?*		
19	Có mắc bệnh về hệ thống thần kinh hoặc bị liệt không? *Any nervous system disease or paralysis?*		
20	Có bị suy nhược thần kinh? *Suffer from any nervous breakdown or anxiety state?*		
21	Có đau thần kinh mãn tính hoặc cấp tính như cột sống, thần kinh tọa? *Had black trouble, eg slipped disc sciatica, with chronic or recurrent disability*?		
22	Có lần nào khám và điều trị bệnh tâm thần không? *Received any psychiatric examination or treatment?*		
23	Đã khi nào có ý định tự tử không? *Attempted suicide?*		
24	Có bị đau đầu trầm trọng hoặc thỉnh thoảng? *Any frequent or severe headaches?*		
25	Có bị chấn thương ở đầu không? *Any head injury?*		
26	Có bị ngất, động kinh co giật không? *Any fits, convulsions or epilepsy*?		
27	Có bị bệnh hoặc phẫu thuật về mắt? *Any eye disease or surgical operations?*		
28	Hiện nay có đeo kính hoặc kính áp tròng không? *Eye problems, other than wearing glasses or contact lenses?*		
29	Thay đổi số kính từ lần khám trước? *Any change of lens fiower from previous examination*?		
30	Có vấn đề gì về tai mũi họng? *Ear or hearing problems?*		
31	Có bị dị ứng sổ mũi không? *Any catarrh?*		
32	Có bị khối u hoặc u ác tính không? *Growths, tumours or malignancy?*		

33	Đã có phẫu thuật lần nào chưa? *Had any major surgical operation?*		
34	Đã có chấn thương trầm trọng lần nào chưa? gãy xương, di chứng do chấn thương để lại? *Sustained any serious injury, eg fracture or dislocation, with current sequelae?*		
35	Đã bị sốt rét lần nào chưa? *Suffered malarie at any time?*		
36	Đã có lần nào không đủ tiêu chuẩn sức khỏe để bay không? *Been refused a foreign civil aviation licence for medical reasons?*		
37	Gia đình có ai bị mắc bệnh gì không? *Is there any significant disease history in your family?*		

Cam đoan của người đề nghị cấp - *guarantee's statement:*

Ngày/*Date...../...../20.....*

Chữ ký người khai/*Applicant's signature*

PHỤ LỤC 1 ĐIỀU 8.055: CƠ SỞ Y TẾ GIÁM ĐỊNH SỨC KHỎE NHÂN VIÊN HÀNG KHÔNG

(a) Thủ tục cấp Giấy chứng nhận cơ sở y tế giám định sức khỏe nhân viên hàng không:

(1) Người đề nghị cấp Giấy chứng nhận AMC phải gửi hồ sơ trực tiếp hoặc thông qua đường bưu điện đến Cục HKVN và phải chịu trách nhiệm về các thông tin trong hồ sơ. Hồ sơ bao gồm:

(i) Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận AMC (theo mẫu kèm theo Thông tư này);

(ii) Bản sao quyết định thành lập AMC;

(iii) Bản sao quyết định chấp thuận của Cục HKVN đối với các giám định viên y khoa của AMC;

(iv) Tài liệu về bộ máy tổ chức của AMC;

(v) Tài liệu về hệ thống đảm bảo chất lượng của AMC, trang thiết bị y tế, nhân viên, công tác giám định sức khỏe, công tác lưu giữ hồ sơ dữ liệu, bảo mật.

(2) Cục HKVN có trách nhiệm kiểm tra hồ sơ và đánh giá nội dung kê khai trong hồ sơ để cấp Giấy chứng nhận cơ sở y tế giám định sức khỏe nhân viên hàng không.

(3) Trong thời hạn 30 ngày, kể từ thời điểm nhận đủ hồ sơ, Cục HKVN thực hiện cấp Giấy chứng nhận cho cơ sở y tế giám định sức khỏe nhân viên hàng không.

(4) Trong trường hợp từ chối cấp Giấy chứng nhận cho cơ sở y tế giám định sức khỏe nhân viên hàng không, Cục HKVN phải thông báo bằng văn bản cho người đề nghị biết và nêu rõ lý do.

(b) Thủ tục gia hạn, sửa đổi Giấy chứng nhận cơ sở y tế giám định sức khỏe nhân viên hàng không:

(1) Người đề nghị gia hạn, sửa đổi Giấy chứng nhận cơ sở y tế giám định sức khỏe nhân viên hàng không gửi 01 bộ hồ sơ trực tiếp hoặc thông qua đường bưu điện đến Cục HKVN và phải chịu trách nhiệm về các thông tin trong hồ sơ. Hồ sơ bao gồm:

(i) Đơn đề nghị gia hạn và/hoặc sửa đổi Giấy chứng nhận cơ sở y tế giám định sức khỏe nhân viên hàng không (theo mẫu kèm theo Thông tư này);

(ii) Bản sao chứng thực giấy phép thực hiện chuyên môn y tế của trưởng giám định cơ sở y tế giám định sức khỏe nhân viên hàng không (nếu có sửa đổi);

(iii) Bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu các tài liệu chứng minh các cán bộ y tế đều phải được đào tạo cơ bản đối với công tác y tế (nếu có sửa đổi);

(iv) Tài liệu về bộ máy quản lý, hệ thống đảm bảo chất lượng của cơ sở y tế giám định sức khỏe nhân viên hàng không, tài liệu về trang thiết bị y tế (nếu có sửa đổi).

(v) Báo cáo hoạt động của cơ sở y tế giám định sức khỏe hàng không trong giai đoạn của Giấy chứng nhận đã được cấp.

(2) Trong thời gian 15 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, Cục HKVN có trách nhiệm kiểm tra hồ sơ và đánh giá nội dung kê khai trong hồ sơ để cấp gia hạn hoặc sửa đổi Giấy chứng nhận cơ sở y tế giám định sức khỏe nhân viên hàng không.

Mẫu số 02

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN CƠ SỞ GIÁM ĐỊNH SỨC KHỎE NHÂN VIÊN HÀNG KHÔNG

Dùng bút mực xanh đen hoặc đen để hoàn chỉnh các nội dung theo mẫu:

1. Chi tiết về đơn vị, tổ chức
Tên đơn vị, tổ chức..... Địa chỉ…….... …… Mã số bưu điện…….. Số điện thoại…… Số Fax…… Thư điện tử……. Trang Web……..... Thực trạng của cơ sở y tế đề nghị cấp và/hoặc gia hạn……..... …….... Chi tiết về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, thời hạn, con dấu, tài khoản, tài sản……... …… …… …… ……
2. Đề nghị cung cấp dịch vụ khám, giám định sức khỏe
Tổ chức các đợt khám, giám định sức khỏe cho nhân viên hàng không (người lái, tiếp viên hàng không, kiểm soát viên không lưu)
3. Mô hình tổ chức, quản lý của cơ sở y tế đề nghị cấp

Chức danh	Tên	Số bằng (Chuyên môn)
Người đứng đầu đơn vị		
Trưởng các khoa lâm sàng		
Trưởng khoa cận lâm sàng Người quản lý chất lượng		

<table>
<tr><td colspan="4">4. Cục Hàng không Việt Nam phê chuẩn</td></tr>
<tr><td>Ngày</td><td colspan="2">Hóa đơn số</td><td>Ngày cấp</td></tr>
<tr><td>Chuyên viên cấp phép</td><td>Hồ sơ gồm</td><td>Điều kiện hạn chế</td><td>Ký duyệt</td></tr>
<tr><td colspan="4">5. Trang thiết bị phục vụ công tác giám định</td></tr>
<tr><td colspan="4">Kích thước và chú thích của người lập kế hoạch có thể trình thay cho việc giải trình theo yêu cầu sau:</td></tr>
<tr><td colspan="3">Chủng loại

Phòng tiếp nhận hồ sơ và tiếp đón người đến giám định sức khỏe.
Phòng họp kết luận tình trạng sức khỏe…
Phòng của Chủ tịch Hội đồng GĐYKHK
Phòng khám chuyên khoa Nội
Phòng khám chuyên khoa Ngoại - Da liễu
Phòng khám chuyên khoa Thần kinh - Tâm lý
Phòng khám chuyên khoa Mắt
Phòng khám chuyên khoa Tai - Mũi - Họng
Phòng khám Sản - Phụ khoa
Phòng khám chuyên khoa (Thuộc hệ thống cận lâm sàng: X quang, Siêu âm, Điện tim, Xét nghiệm máu - nước tiểu…)
Phòng vệ sinh
Phòng Nhân viên
Phòng lưu trữ hồ sơ sức khỏe nhân viên hàng không
Các tiện nghi khác… (Các trang thiết bị y tế phục vụ công tác giám định y khoa)</td><td>Vị trí, kích thước, số lượng các phòng
……
……
……
……
……
……
……
……
……
……
……..
……
……
……
……
……
……
……
……</td></tr>
<tr><td colspan="3">6. Hồ sơ, tài liệu đệ trình bao gồm:
Đề nghị đánh dấu vào các ô trống phù hợp:
Tiêu chuẩn sức khỏe đã được cấp có thẩm quyền ký ban hành và áp dụng</td><td></td></tr>
</table>

Quy trình khám, giám định sức khỏe đã được cấp có thẩm quyền chấp thuận Danh sách các giám định viên y khoa hàng không đã được phê chuẩn (Giấy chứng nhận giám định viên y khoa còn hiệu lực) Hồ sơ, tài liệu chuyên môn dùng để tham khảo (nếu có) Báo cáo chi tiết về Hệ thống chất lượng (nếu có)	
7. Cam kết	

Mẫu số 03:

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ PHÊ CHUẨN
GIÁM ĐỊNH VIÊN Y KHOA HÀNG KHÔNG

Tên cơ sở y tế giám định sức khỏe nhân viên hàng không:

Đề nghị phê chuẩn các giám định viên y khoa hàng không theo danh sách dưới đây:

Họ và tên:

Năm sinh:

Nơi sinh: Quốc tịch

Địa chỉ thường trú:

Địa chỉ cơ quan:

Đã tốt nghiệp trường: Năm tốt nghiệp:

Thời gian đào tạo: Hình thức đào tạo:

Đào tạo sau đại học (Chuyên khoa): Thời gian đào tạo: Năm tốt nghiệp:

Chứng chỉ phê chuẩn về Y học hàng không (Số chứng chỉ):

** Kèm theo các bằng tốt nghiệp, chứng chỉ liên quan*

Ngày:...../...../.....

Người có thẩm quyền của cơ sở ký tên, đóng dấu

Phần 9
PHÊ CHUẨN TỔ CHỨC HUẤN LUYỆN HÀNG KHÔNG

CHƯƠNG A: TỔNG QUÁT

9.001 ÁP DỤNG

(a) Phần này đưa ra các yêu cầu của Việt Nam về việc cấp Giấy chứng nhận tổ chức huấn luyện hàng không trong nước và nước ngoài trong lĩnh vực khai thác và bảo dưỡng tàu bay.

(b) Phần này áp dụng đối với:

(1) Những người đề nghị cấp giấy phép hoạt động tổ chức huấn luyện theo hệ thống quy chế của Hàng không Việt Nam;

(2) Những người và tổ chức cấp, giám sát việc ủy quyền, huấn luyện, truyền đạt kinh nghiệm theo quy định.

9.003 CÁC ĐỊNH NGHĨA

(a) Đối với Phần này, các định nghĩa sau đây được áp dụng:

Ghi chú: Các quy định bổ sung liên quan đến hàng không được quy định ở Phần 1 của quy chế này.

(1) **Giám đốc điều hành (huấn luyện):** Là người có thẩm quyền đảm bảo cung cấp đầy đủ về tài chính và duy trì tiêu chuẩn đối với tất cả các chức năng của ATO theo quy định của Cục HKVN;

(2) **Khóa huấn luyện nhân viên bảo dưỡng tàu bay:** Là khóa huấn luyện đối với các năng định bảo dưỡng tàu bay (thân/động cơ...);

(3) **Trưởng bộ môn:** Là người giám sát việc huấn luyện, chịu trách nhiệm về chất lượng huấn luyện theo giáo trình được Cục HKVN phê chuẩn;

(4) **Năng lực về hàng không dân dụng:** Thuật ngữ này chỉ một cá nhân có đủ năng lực kỹ thuật và kinh nghiệm quản lý được Cục HKVN chấp thuận cho vị trí công tác đang đảm nhiệm;

(5) **Thiết bị huấn luyện bay:** Là thiết bị huấn luyện bay mô phỏng và tàu bay;

(6) **Thiết bị huấn luyện:** Mọi thiết bị sử dụng cho mục đích huấn luyện;

(7) **Mức 1 (FTO):** Tổ chức huấn luyện hàng không được phê chuẩn đạt mức 1 khi tiến hành tất cả hoặc từng khóa huấn luyện có sử dụng tàu bay;

(8) **Mức 2 (TRTO):** Tổ chức huấn luyện hàng không được phê chuẩn đạt mức 2 khi tiến hành tất cả hoặc mỗi khoá huấn luyện có sử dụng thiết bị mô phỏng đạt yêu cầu và được Cục HKVN phê chuẩn;

(9) **Mức 3 (Các ATO khác):** Tổ chức huấn luyện hàng không được phê chuẩn đạt mức 3 khi tổ chức huấn luyện trên mặt đất hoặc/và thực hành không kết hợp với huấn luyện bay;

(10) **Các chi nhánh:** Là chi nhánh của tổ chức huấn luyện được phê chuẩn đặt ở nơi khác với trụ sở chính;

(11) **Giáo trình chuyên môn:** Là các giáo trình thỏa mãn quy định của Cục HKVN và được Cục HKVN phê chuẩn sử dụng cho tổ chức huấn luyện hàng không;

(12) **Các yêu cầu về huấn luyện:** Là tài liệu do Cục HKVN ban hành đối với tổ chức huấn luyện về chức năng huấn luyện, kiểm tra, hạn chế cũng như các yêu cầu về chương trình huấn luyện.

9.005 CÁC TỪ VIẾT TẮT:

(a) Các từ viết tắt sau đây được sử dụng trong Phần này:

(1) ATO - Tổ chức huấn luyện hàng không;

(2) AMT - Nhân viên kỹ thuật bảo dưỡng tàu bay;

(3) AOC - Giấy chứng nhận Người khai thác tàu bay;

(4) IFR - Quy tắc bay bằng thiết bị.

9.007 THỜI GIAN LÊN LỚP CỦA HỌC VIÊN

(a) Người được cấp Giấy chứng nhận tổ chức huấn luyện hàng không không được yêu cầu học viên tham gia học trên lớp hơn 8h một ngày trong 24h liên tục hoặc hơn 6 ngày hoặc 40h trong 7 ngày liên tục.

CHƯƠNG B: GIẤY CHỨNG NHẬN TỔ CHỨC HUẤN LUYỆN HÀNG KHÔNG

9.010 ÁP DỤNG

(a) Chương này đưa ra các yêu cầu về cấp Giấy chứng nhận cho tổ chức huấn luyện.

9.013 YÊU CẦU VỀ CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN[1]

a. ATO được phép hoạt động khi có Giấy chứng nhận tổ chức huấn luyện hàng không và hoạt động đúng với năng định huấn luyện được ghi trong Giấy chứng nhận tổ chức huấn luyện hàng không được cấp.

b. ATO được thực hiện huấn luyện, kiểm tra trên thiết bị huấn luyện bay mô phỏng nếu có Giấy chứng nhận tổ chức huấn luyện hàng không, hoạt động đúng với Giấy chứng nhận và các năng định được ghi trong Giấy chứng nhận tổ chức huấn luyện hàng không. Người khai thác có AOC được thực hiện huấn luyện cho tổ bay của mình.

9.015 NỘI DUNG GIẤY CHỨNG NHẬN TỔ CHỨC HUẤN LUYỆN HÀNG KHÔNG

(a) Giấy chứng nhận tổ chức huấn luyện hàng không bao gồm hai phần:

(1) Phần một là Giấy chứng nhận được người có thẩm quyền của Cục HKVN ký xác nhận cho mục đích trưng bày.

(2) Các năng định huấn luyện bao gồm các điều kiện và quyền hạn của Giấy chứng nhận tổ chức huấn luyện hàng không[2].

(b) Nội dung của Giấy chứng nhận bao gồm:

(1) Tên và địa chỉ của tổ chức (trụ sở chính);

(2) Ngày tháng cấp và hiệu lực Giấy chứng nhận;

(3) Điều kiện phê chuẩn:

(i) Địa điểm các loại hình khai thác;

(ii)[3] Năng định huấn luyện.

---

[1] Điều này được sửa đổi theo quy định tại Mục 1 Phụ lục VIII sửa đổi, bổ sung một số điều của Phần 9 Bộ Quy chế an toàn hàng không dân dụng lĩnh vực tàu bay và khai thác tàu bay ban hành kèm theo Thông tư số 03/2016/TT-BGTVT ngày 31 tháng 3 năm 2016, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 5 năm 2016.

[2] Điểm này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản a Mục 2 Phụ lục VIII sửa đổi, bổ sung một số điều của Phần 9 Bộ Quy chế an toàn hàng không dân dụng lĩnh vực tàu bay và khai thác tàu bay ban hành kèm theo Thông tư số 03/2016/TT-BGTVT ngày 31 tháng 3 năm 2016, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 5 năm 2016.

[3] Tiết này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản b Mục 2 Phụ lục VIII sửa đổi, bổ sung một số điều của Phần 9 Bộ Quy chế an toàn hàng không dân dụng lĩnh vực tàu bay và khai thác tàu bay ban hành kèm theo Thông tư số 03/2016/TT-BGTVT ngày 31 tháng 3 năm 2016, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 5 năm 2016.

Ghi chú: Xem Phụ lục 1 Điều 9.015 về nội dung huấn luyện.

(4) Các loại Giấy chứng nhận phê chuẩn, ủy quyền và hạn chế khác được Cục HKVN ban hành theo các tiêu chuẩn áp dụng đối với năng định huấn luyện do người có Giấy chứng nhận tổ chức huấn luyện hàng không thực hiện.

9.017 THỜI HẠN CỦA GIẤY CHỨNG NHẬN

(a) Ngoại trừ quy định đưa ra ở khoản (b) của Điều này, Cục HKVN sẽ cấp Giấy chứng nhận tổ chức huấn luyện hàng không với thời hạn không quá 36 tháng, và cấp lại trừ khi Giấy chứng nhận bị tạm thời đình chỉ, thu hồi hoặc hủy bỏ:

(1) Vào tháng cuối cùng của hiệu lực Giấy chứng nhận được cấp;

(2) Ngoại trừ quy định nêu ở khoản (b) của Điều này, Giấy chứng nhận sẽ được cấp lại khi có thay đổi liên quan đến quyền sở hữu đối với tổ chức huấn luyện;

(3) Khi có bất kỳ một thay đổi lớn nào về trang thiết bị của cơ sở huấn luyện; hoặc

(4) Khi Cục HKVN phát hiện tổ chức không duy trì việc đáp ứng các quy định về cơ sở vật chất, tàu bay huấn luyện hoặc đội ngũ nhân sự trong thời gian hơn 60 ngày.

(b) Việc thay đổi quyền sở hữu của tổ chức huấn luyện hàng không không làm mất hiệu lực của Giấy chứng nhận nếu trong vòng 30 ngày:

(1) Chủ sở hữu mới của tổ chức huấn luyện thông báo cho Cục HKVN bằng văn bản; và

(2) Không có thay đổi lớn về bộ máy quản lý, trang thiết bị, đội ngũ nhân viên hoặc các khóa huấn luyện đã được phê chuẩn đòi hỏi phải cấp lại Giấy chứng nhận.

9.020 ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP, CẤP LẠI HOẶC SỬA ĐỔI

(a) Người đề nghị cấp Giấy chứng nhận ATO và các năng định khai thác nộp đơn đề nghị kèm theo hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Cục HKVN ít nhất 30 ngày trước ngày dự kiến tiến hành khóa huấn luyện.

(b) Hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận tổ chức huấn luyện hàng không bao gồm:

(1) Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận tổ chức huấn luyện hàng không theo mẫu được quy định tại Phụ lục 1 Điều 9.020;

(2) Các tài liệu chứng minh tư cách pháp lý của tổ chức đề nghị cấp Giấy chứng nhận;

(3) Bản sao các tài liệu huấn luyện và tài liệu hoạt động bao gồm nội dung: đội ngũ cán bộ quản lý, đội ngũ giáo viên, cán bộ phụ trách về huấn luyện phải đáp ứng các yêu cầu theo quy định tại Phần này; chương trình huấn luyện; Cơ sở vật chất phục vụ cho giảng dạy lý thuyết và thực hành;

(c) Trong trường hợp có sự thay đổi được quy định tại điểm (2) và (3), khoản (a), Điều 9.017 tổ chức huấn luyện hàng không phải làm đơn đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận tổ chức huấn luyện hàng không. Hồ sơ bao gồm:

(1) Đơn đề nghị;

(2) Tài liệu liên quan đến việc chuyển quyền sở hữu của tổ chức huấn luyện (nếu có);

(3) Tài liệu liên quan đến những thay đổi lớn về bộ máy quản lý, trang thiết bị, đội ngũ nhân viên hoặc các khóa huấn luyện đã được phê chuẩn đòi hỏi phải cấp lại Giấy chứng nhận.

Ghi chú: Xem Phụ lục 1 Điều 9.020 về mẫu đơn đề nghị cấp, cấp lại Giấy chứng nhận tổ chức huấn luyện hàng không (FTO, TRTO, AMT).

(d) Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ khi nhận được hồ sơ của người đề nghị cấp Giấy chứng nhận tổ chức huấn luyện, Cục HKVN sẽ thẩm định tính hợp lệ và đầy đủ của hồ sơ và thông báo kết quả thẩm định cho người đề nghị. Trong trường hợp hồ sơ đề nghị không hợp lệ hoặc chưa đầy đủ, người làm đơn phải bổ sung và thời gian phê chuẩn tổ chức huấn luyện sẽ chỉ được tính kể từ khi hồ sơ đã được bổ sung theo yêu cầu.

(e) Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày thông báo về tính hợp lệ và đầy đủ của hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận tổ chức huấn luyện, Cục HKVN sẽ lập kế hoạch thực hiện các công việc kiểm tra tài liệu, kiểm tra thực tế và thông báo cho người làm đơn để thống nhất kế hoạch phê chuẩn.

(f) Trong thời hạn 10 ngày, kể từ khi thống nhất kế hoạch thực hiện công việc kiểm tra tài liệu, kiểm tra thực tế, Cục HKVN sẽ hoàn tất các công việc kiểm tra đã thống nhất và cấp Giấy chứng nhận tổ chức huấn luyện nếu kết quả kiểm tra cho

thấy người làm đơn hoàn toàn đáp ứng các yêu cầu đối với các quy định của Phần này. Trong trường hợp còn chưa đáp ứng các yêu cầu cụ thể, Cục HKVN sẽ thông báo kết quả cho người làm đơn và thống nhất thời hạn cho việc khắc phục các yêu cầu chưa được đáp ứng. Thời gian cần thiết cho việc khắc phục các yêu cầu chưa được đáp ứng sẽ được tính bổ sung vào thời gian phê chuẩn tổ chức huấn luyện.

(g) Cục HKVN cấp Giấy chứng nhận cho người đáp ứng các yêu cầu tại Phần này:

(1) Giấy chứng nhận tổ chức huấn luyện hàng không bao gồm tất cả các năng định trong đơn đề nghị mà người xin cấp Giấy chứng nhận tổ chức huấn luyện và địa chỉ tổ chức huấn luyện; và

(2) Các loại hình huấn luyện do Cục HKVN cấp đều phải phù hợp với quy định.

(h) Cục HKVN cấp Giấy chứng nhận tổ chức huấn luyện hàng không cho các đối tượng sau:

(1) Tổ chức huấn luyện hàng không trong nước và nước ngoài; và

(2) Người có có trụ sở tổ chức huấn luyện hàng không ở Việt Nam hoặc ở nước ngoài.

9.023 SỬA ĐỔI GIẤY CHỨNG NHẬN

(a) Cục HKVN có thể sửa đổi Giấy chứng nhận tổ chức huấn luyện hàng không:

(1) Để phù hợp với luật Việt Nam hiện hành; hoặc

(2) Theo đề nghị của người được cấp Giấy chứng nhận tổ chức huấn luyện hàng không.

(b) Người được cấp Giấy chứng nhận tổ chức huấn luyện hàng không phải nộp đơn đề nghị sửa đổi Giấy chứng nhận tổ chức huấn luyện hàng không trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Cục HKVN ít nhất là 30 ngày trước ngày mà bản sửa đổi có hiệu lực.

(c) Hồ sơ đề nghị sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận tổ chức huấn luyện hàng không bao gồm:

(1) Đơn đề nghị sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận tổ chức huấn luyện hàng không theo mẫu được quy định tại Phụ lục 1 Điều 9.023;

(2) Bản sao tài liệu huấn luyện và tài liệu hoạt động sửa đổi có liên quan (đội ngũ cán bộ quản lý, đội ngũ giáo viên, cán bộ phụ trách về huấn luyện phải đáp ứng các yêu cầu theo quy định tại Phần này; chương trình huấn luyện; Cơ sở vật chất phục vụ cho giảng dạy lý thuyết và thực hành).

Ghi chú: Xem Phụ lục 1 Điều 9.023 về mẫu đơn đề nghị sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận tổ chức huấn luyện hàng không.

(d) Trong thời hạn 7 ngày làm việc, kể từ khi nhận được hồ sơ đề nghị sửa đổi Giấy chứng nhận tổ chức huấn luyện, Cục HKVN thẩm định tính hợp lệ và đầy đủ của hồ sơ và thông báo kết quả thẩm định cho người đề nghị. Trong trường hợp hồ sơ không hợp lệ hoặc chưa đầy đủ, người làm đơn phải bổ sung và thời gian sửa đổi Giấy chứng nhận tổ chức huấn luyện sẽ chỉ được tính kể từ khi hồ sơ đã được bổ sung theo yêu cầu.

(e) Trong thời hạn 3 ngày làm việc, kể từ ngày thông báo về tính hợp lệ và đầy đủ của hồ sơ, Cục HKVN sẽ lập kế hoạch thực hiện các công việc kiểm tra tài liệu, kiểm tra thực tế và thông báo cho người làm đơn để thống nhất kế hoạch kiểm tra, sửa đổi Giấy chứng nhận tổ chức huấn luyện.

(f) Trong thời hạn 20 ngày, kể từ khi thống nhất kế hoạch thực hiện công việc kiểm tra, Cục HKVN sẽ hoàn tất các công việc kiểm tra đã thống nhất và sửa đổi Giấy chứng nhận tổ chức huấn luyện nếu kết quả kiểm tra cho thấy người làm đơn hoàn toàn đáp ứng các yêu cầu quy định tại Phần này. Trong trường hợp chưa đáp ứng các yêu cầu cụ thể, Cục HKVN sẽ thông báo kết quả cho người làm đơn và thống nhất thời hạn cho việc khắc phục các yêu cầu chưa được đáp ứng. Thời gian cần thiết cho việc khắc phục các yêu cầu chưa được đáp ứng sẽ được tính bổ sung vào thời gian sửa đổi Giấy chứng nhận tổ chức huấn luyện.

9.025 NIÊM YẾT GIẤY CHỨNG NHẬN

(a) Người có Giấy chứng nhận tổ chức huấn luyện hàng không phải trưng bày Giấy chứng nhận ở trong trường tại nơi mà ai cũng có thể nhìn thấy được.

9.027 QUYỀN HẠN CỦA NGƯỜI ĐƯỢC CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN

(a) Người được cấp Giấy chứng nhận tổ chức huấn luyện hàng không có thể quảng cáo và tiến hành các khóa huấn luyện đã được phê chuẩn phù hợp với Giấy chứng nhận và các năng định được cấp.

(b) Người được cấp Giấy chứng nhận tổ chức huấn luyện hàng không có trách nhiệm huấn luyện học viên theo các nội dung chương trình huấn luyện đã được phê chuẩn đảm bảo học viên tốt nghiệp có được kiến thức và kỹ năng làm việc tốt.

9.030 THU HỒI NĂNG ĐỊNH CỦA GIẤY CHỨNG NHẬN

(a) Cục HKVN có thể từ chối, thu hồi, hủy bỏ hoặc đình chỉ Giấy chứng nhận hoặc một số năng định của Giấy chứng nhận theo quy định của Phần này nếu thấy người có Giấy chứng nhận tổ chức huấn luyện hàng không:

(1) Không đáp ứng được hoặc không còn đáp ứng được các quy định của Phần này về Giấy chứng nhận hoặc/và năng định đã có;

(2) Tuyển dụng hoặc đề nghị tuyển dụng người bị kiểm soát hoặc trước đây đã làm ở vị trí quản lý hoặc giám sát của tổ chức mà có chứng chỉ phê chuyển bị tạm thời đình chỉ, thu hồi hoặc hủy bỏ trong vòng 36 tháng trước; hoặc

(3) Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận chưa hoàn thiện hoặc không chính xác hoặc có những thông tin giả hoặc sai lệch.

(b) Người có Giấy chứng nhận tổ chức huấn luyện hàng không bị đình chỉ, thu hồi hoặc hủy bỏ ngay lập tức phải:

(1) Tháo bỏ mọi chỉ dẫn, biển hiệu ở bất kỳ nơi nào mà tổ chức huấn luyện hàng không đã được Cục HKVN cho phép trước đây; và

(2) Thông báo cho tất cả các công ty quảng cáo, cơ quan thông tin mà tổ chức huấn luyện hàng không sử dụng để quảng cáo dừng mọi việc quảng cáo cho các hoạt động của tổ chức huấn luyện.

(3) Nộp lại Giấy chứng nhận tổ chức huấn luyện hàng không cho Cục HKVN trong vòng 5 ngày kể từ ngày Cục HKVN ra quyết định thu hồi hoặc hủy bỏ.

CHƯƠNG C: CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN

9.040 ÁP DỤNG

(a) Chương này đưa ra các yêu cầu chung áp dụng đối với việc cấp Giấy chứng nhận tổ chức huấn luyện.

9.043 YÊU CẦU ĐỐI VỚI CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN LẦN ĐẦU

(a) Trước khi cấp Giấy chứng nhận cho tổ chức huấn luyện hàng không, người đề nghị cấp phải được kiểm tra và đánh giá một cách chính thức phù hợp với quy trình cấp Giấy chứng nhận do Cục HKVN quy định;

(b) Giấy chứng nhận tổ chức là tổ chức huấn luyện hàng không do Cục HKVN cấp phải tuân theo các quy định của Phần này;

(c) Cục HKVN có thể cấp Giấy chứng nhận tổ chức huấn luyện hàng không và năng định huấn luyện cho người làm đơn nếu họ chứng tỏ được sự tuân thủ các quy định của Phần này.

9.045 YÊU CẦU ĐỐI VỚI NGƯỜI ĐƯỢC CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN KHÔNG CÓ AOC

(a) Người đề nghị cấp Giấy chứng nhận có thể yêu cầu đánh giá và duy trì việc đánh giá chất lượng của các thiết bị huấn luyện mô phỏng không cần có:

(1) Giấy chứng nhận AOC; hoặc

(2) Có mối quan hệ cụ thể với người có Giấy chứng nhận AOC.

9.047 CÁC LOẠI TỔ CHỨC HUẤN LUYỆN HÀNG KHÔNG

(a) Cục HKVN có thể cấp Giấy chứng nhận cho người đề nghị ở mức:

(1) Tổ chức huấn luyện hàng không mức 1;

(2) Tổ chức huấn luyện hàng không mức 2; hoặc

(3) Tổ chức huấn luyện hàng không mức 3.

9.050 PHÊ CHUẨN CHƯƠNG TRÌNH HUẤN LUYỆN

(a) Người làm đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận tổ chức huấn luyện hàng không hoặc đề nghị cấp bổ sung năng định phải nộp đơn lên Cục HKVN đề nghị phê chuẩn chương trình huấn luyện;

(b) Trong đơn đề nghị, người đề nghị phê chuẩn chương trình huấn luyện phải nêu rõ:

(1) Khóa học nào là cơ bản và khóa học nào dành cho chuyên môn;

(2) Giáo trình nào thỏa mãn các quy định của Phần 7; và

(3) Giáo trình nào không thỏa mãn các quy định của Phần 7;

(c) Người làm đơn có thể đề nghị phê chuẩn chương trình huấn luyện cho phép tạm thời tuân thủ các quy định về kinh nghiệm trong Phần 7, miễn là người được cấp Giấy chứng nhận tổ chức huấn luyện hàng không chứng tỏ được năng lực ít nhất là tương đương với quy định nêu trong các yêu cầu về kinh nghiệm tối thiểu đối với nhân viên không được huấn luyện.

(d) Người làm đơn có thể đề nghị phê chuẩn chương trình huấn luyện để cấp giấy phép cho người lái tàu bay trên loại máy bay nhiều người lái miễn là huấn luyện người lái ở mức khai thác trên máy bay nhiều người lái hoặc tương đương với loại tàu bay khai thác mà người có giấy phép, năng định bay bằng thiết bị và năng định loại tàu bay được kiểm tra cấp Giấy chứng nhận để khai thác với tối thiểu tổ bay có 2 người lái.

(e) Chương trình huấn luyện do người có Giấy chứng nhận tổ chức huấn luyện hàng không xây dựng phải bao gồm nội dung huấn luyện về kiến thức và kỹ năng liên quan đến khả năng của con người.

9.053 YÊU CẦU ĐỐI VỚI CÁC MÔN HỌC CỦA CHƯƠNG TRÌNH HUẤN LUYỆN

(a) Người làm đơn phải đảm bảo rằng danh mục các môn học của chương trình huấn luyện trình lên Cục HKVN để phê chuẩn phải đáp ứng được các quy định hiện hành và bao gồm:

(1) Đề cương cho mỗi giáo trình giảng dạy đề nghị phê chuẩn;

(2) Các quy định tối thiểu về thiết bị huấn luyện bay và tàu bay đối với mỗi giáo trình đề nghị phê chuẩn;

(3) Trình độ tối thiểu của giáo viên hướng dẫn và giáo viên kiểm tra giảng dạy giáo trình đề nghị phê chuẩn;

(4) Giáo trình huấn luyện ban đầu và huấn luyện định kỳ của giáo viên hướng dẫn và giáo viên kiểm tra giảng dạy giáo trình đề nghị phê chuẩn; và

(5) Đối với mỗi chương trình huấn luyện cấp giấy phép hoặc năng định ít hơn số giờ tối thiểu được quy định ở Phần 7 thì:

(i) Phải thể hiện khả năng thực hiện huấn luyện với số thời gian cắt giảm; và

(ii) Có phương pháp giám sát, theo dõi năng lực của học viên

9.055 KHÓA HUẤN LUYỆN

(a) Các khóa huấn luyện để cấp năng định cho các loại nhân viên sau đây phải được Cục HKVN xem xét, phê chuẩn trong quá trình cấp Giấy chứng nhận tổ chức huấn luyện:

Ghi chú: Chương trình huấn luyện để chuẩn bị đưa người lái vào khai thác không yêu cầu giấy phép hoặc năng định được coi là khóa huấn luyện đặc biệt, ví dụ áp dụng trong nông nghiệp.

(1) Người lái tư nhân;

(2) Người lái thương mại;

(3) Năng định bay bằng thiết bị;

(4) Người lái của tổ lái nhiều thành viên;

(5) Người lái vận tải thương mại;

(6) Giáo viên hướng dẫn bay;

(7) Hướng dẫn trên mặt đất;

(8) Năng định hạng hoặc loại tàu bay bổ sung;

(9) Năng định loại tàu bay;

(10) Cơ giới trên không;

(11) Tiếp viên hàng không;

(12) Nhân viên kỹ thuật bảo dưỡng tàu bay có:

(i) Năng định khung;

(ii) Năng định về hệ thống tạo lực; và

(iii) Năng định khung và hệ thống tạo lực;

(13) Nhân viên sửa chữa hàng không;

(14) Nhân viên xếp dù;

(15) Khai thác tàu bay nông nghiệp;

(16) Khai thác tàu bay cánh quay tời cẩu;

(17) Các loại khai thác đặc biệt;

(18) Người lái thử nghiệm.

(b) Cục HKVN có thể phê chuẩn cho người làm đơn là tổ chức huấn luyện mức 2 đối với bất kỳ khóa hướng dẫn cấp giấy phép hoặc năng định nào khi người làm đơn đưa ra giáo trình được dùng để giảng dạy và thiết bị hướng dẫn mô phỏng đạt yêu cầu.

(c) Cục HKVN có thể phê chuẩn khóa huấn luyện đặc biệt cho người làm đơn nếu khoá học này mang lại lợi ích cho cộng đồng hàng không Việt Nam.

9.057 CÁC TRƯỜNG HỢP MIỄN GIẢM

(a) Cục HKVN có thể miễn giảm bất kỳ quy định nào trong Phần này cho người đề nghị cấp miễn giảm;

(b) Người đề nghị cấp miễn giảm phải cung cấp các thông tin cho Cục HKVN thể hiện:

(1) Sự xác đáng được cấp miễn giảm; và

(2) Sự miễn giảm này không ảnh hưởng đến chất lượng huấn luyện và kiểm tra.

CHƯƠNG D: GIÁM SÁT VÀ DUY TRÌ HIỆU LỰC

9.060 ÁP DỤNG

(a) Chương này đưa ra các quy định chung áp dụng cho việc duy trì hiệu lực Giấy chứng nhận tổ chức huấn luyện hàng không.

9.063 KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ

(a) Bất kỳ lúc nào Cục HKVN cũng có thể kiểm tra tổ chức huấn luyện hàng không để xác định tổ chức có tuân thủ các quy định trong Phần này hay không.

(b) Người được cấp Giấy chứng nhận tổ chức huấn luyện hàng không và nhân viên phải tạo điều kiện cho đại diện của Cục HKVN kiểm tra đánh giá tất cả các địa điểm, trang thiết bị, tài liệu và nhân sự, bao gồm cả quá trình huấn luyện khi tiến hành kiểm tra đánh giá.

(c) Việc duy trì hiệu lực Giấy chứng nhận sẽ phụ thuộc vào việc người được cấp Giấy chứng nhận tổ chức huấn luyện hàng không tuân thủ theo các quy định của Phần này.

9.065 DUY TRÌ NĂNG ĐỊNH CỦA ATO[4]

(a) Người có Giấy chứng nhận tổ chức huấn luyện hàng không sẽ không được thực hiện việc huấn luyện học viên nếu giáo viên hướng dẫn, giáo viên kiểm tra, các trang thiết bị không đáp ứng được các quy định và năng định huấn luyện của tổ chức huấn luyện.

9.067 CHẤT LƯỢNG HUẤN LUYỆN

(a) Tổ chức huấn luyện hàng không phải huấn luyện cho học viên để học viên đạt được trình độ ngang bằng với các quy định về kinh nghiệm tối thiểu.

(b) Trừ khi có các quy định khác, người có Giấy chứng nhận tổ chức huấn luyện hàng không phải đảm bảo học viên tốt nghiệp có được kiến thức và kỹ năng làm việc tốt.

9.070 RÀ SOÁT BẮT BUỘC ĐỐI VỚI CHƯƠNG TRÌNH HUẤN LUYỆN

(a) Sau khi người được cấp Giấy chứng nhận tổ chức huấn luyện hàng không tiến hành chương trình huấn luyện được phê chuẩn, Cục HKVN có thể yêu cầu người có Giấy chứng nhận tổ chức huấn luyện hàng không rà soát lại chương trình huấn luyện nếu Cục HKVN phát hiện tổ chức không đáp ứng được các quy định về chương trình huấn luyện đã được phê chuẩn.

(b) Khi Cục HKVN yêu cầu người có Giấy chứng nhận tổ chức huấn luyện hàng không rà soát lại chương trình huấn luyện đã được phê chuẩn mà người có Giấy chứng nhận không rà soát lại trong thời hạn 30 ngày thì Cục HKVN có thể thu hồi hoặc đình chỉ Giấy chứng nhận đã cấp.

---

[4] Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Mục 3 Phụ lục VIII sửa đổi, bổ sung một số điều của Phần 9 Bộ Quy chế an toàn hàng không dân dụng lĩnh vực tàu bay và khai thác tàu bay ban hành kèm theo Thông tư số 03/2016/TT-BGTVT ngày 31 tháng 3 năm 2016, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 5 năm 2016.

9.073 CÁC THAY ĐỔI YÊU CẦU THÔNG BÁO CHO CỤC HKVN

(a) Người được cấp Giấy chứng nhận tổ chức huấn luyện hàng không phải thông báo cho Cục HKVN trước khi có những thay đổi về:

(1) Giám đốc điều hành;

(2) Người quản lý theo quy định của Phần này;

(3) Giáo viên hướng dẫn và giáo viên kiểm tra;

(4) Địa điểm, trang thiết bị huấn luyện, quy trình, giáo trình huấn luyện, và phạm vi công việc có ảnh hưởng đến Giấy chứng nhận phê chuẩn.

(b) Cục HKVN có thể đưa ra các điều kiện mà theo đó người có Giấy chứng nhận tổ chức huấn luyện hàng không phải thực hiện trong quá trình thay đổi trừ khi Giấy chứng nhận này bị tạm thời đình chỉ.

(c) Cục HKVN có thể tạm thời đình chỉ Giấy chứng nhận tổ chức huấn luyện hàng không khi người được cấp Giấy chứng nhận thông báo không chính xác.

9.075 GIA HẠN GIẤY CHỨNG NHẬN VÀ NĂNG ĐỊNH

(a) Người xin cấp Giấy chứng nhận tổ chức huấn luyện hàng không có thể đề nghị gia hạn Giấy chứng nhận và năng định trong thời hạn 30 ngày trước tháng hết hạn.

(b) Hồ sơ đề nghị gia hạn Giấy chứng nhận tổ chức huấn luyện hàng không bao gồm:

(1) Đơn đề nghị gia hạn Giấy chứng nhận tổ chức huấn luyện hàng không theo mẫu được quy định tại Phụ lục 1 Điều 9.075;

(2) Báo cáo hoạt động của tổ chức huấn luyện hàng không trong giai đoạn của Giấy chứng nhận đã được cấp.

Ghi chú: Xem Phụ lục 1 Điều 9.020 về mẫu đơn gia hạn Giấy chứng nhận và năng định tổ chức huấn luyện hàng không.

(c) Trong thời hạn 7 ngày làm việc, kể từ khi nhận được hồ sơ đề nghị gia hạn Giấy chứng nhận tổ chức huấn luyện, Cục HKVN sẽ thẩm định tính hợp lệ và đầy đủ của hồ sơ và thông báo kết quả thẩm định cho người đề nghị. Trong trường hợp

hồ sơ không hợp lệ hoặc chưa đầy đủ, người làm đơn phải bổ sung và thời gian gia hạn sẽ chỉ được tính kể từ khi hồ sơ đã được bổ sung theo yêu cầu.

(d) Trong thời hạn 3 ngày làm việc, kể từ ngày thông báo về tính hợp lệ và đầy đủ của hồ sơ, Cục HKVN sẽ lập kế hoạch thực hiện các công việc kiểm tra tài liệu, kiểm tra thực tế và thông báo cho người làm đơn để thống nhất kế hoạch kiểm tra, gia hạn Giấy chứng nhận tổ chức huấn luyện.

(e) Trong thời hạn 20 ngày, kể từ khi thống nhất kế hoạch thực hiện công việc kiểm tra, gia hạn Giấy chứng nhận tổ chức huấn luyện, Cục HKVN sẽ hoàn tất các công việc kiểm tra đã thống nhất và gia hạn Giấy chứng nhận tổ chức huấn luyện nếu kết quả kiểm tra cho thấy người làm đơn hoàn toàn đáp ứng các yêu cầu quy định tại Phần này. Trong trường hợp còn chưa đáp ứng các yêu cầu cụ thể, Cục HKVN sẽ thông báo kết quả cho người làm đơn và thống nhất thời hạn cho việc khắc phục các yêu cầu chưa được đáp ứng. Thời gian cần thiết cho việc khắc phục các yêu cầu chưa được đáp ứng sẽ được tính bổ sung vào thời gian gia hạn Giấy chứng nhận tổ chức huấn luyện.

(f) Cục HKVN có thể gia hạn Giấy chứng nhận tổ chức huấn luyện hàng không và năng định nếu nhân sự, tàu bay, trang thiết bị và sân bay (nếu áp dụng), các khoá huấn luyện được phê chuẩn, tài liệu giảng dạy, khả năng và chất lượng giảng dạy hiện tại của người được cấp tổ chức huấn luyện hàng không đáp ứng được các quy định.

CHƯƠNG E: HỆ THỐNG QUẢN LÝ ĐỐI VỚI TỔ CHỨC HUẤN LUYỆN HÀNG KHÔNG

9.080 ÁP DỤNG

(a) Chương này đưa ra các quy định chung áp dụng đối với quá trình quản lý hành chính của tổ chức huấn luyện hàng không.

9.083 YÊU CẦU VỀ CÁN BỘ QUẢN LÝ TỔ CHỨC HUẤN LUYỆN HÀNG KHÔNG

(a) Người được cấp Giấy chứng nhận tổ chức huấn luyện hàng không phải có cán bộ quản lý được Cục HKVN chấp thuận, người này sẽ phải đảm bảo với Cục HKVN việc tuân thủ các quy định của tổ chức huấn luyện hàng không.

(b) Để thực hiện chương trình huấn luyện đã phê chuẩn, tổ chức huấn luyện hàng không phải có nhân viên có trình độ chứng minh được khả năng trong lĩnh vực hàng không dân dụng, sẵn sàng cho các vị trí sau hoặc tương đương:

(1) Quản lý huấn luyện;

(2) Giáo viên hướng dẫn chính (đối với chuyên môn huấn luyện);

(3) Đảm bảo chất lượng.

Ghi chú: "Khả năng trong lĩnh vực hàng không dân dụng" có nghĩa là cá nhân phải có trình độ kỹ thuật và kinh nghiệm quản lý được Cục HKVN chấp thuận đối với vị trí làm việc".

(c) Cục HKVN có thể phê chuẩn số lượng cán bộ quản lý khác như đã nêu tại Khoản (b) của Điều này nếu người có Giấy chứng nhận tổ chức huấn luyện hàng không chứng tỏ rằng có thể huấn luyện với mức độ an toàn cao nhất với số lượng người ít hơn hoặc có phương pháp tổ chức nhân sự phù hợp khác vì một trong các lý do như sau:

(1) Loại giáo trình huấn luyện có liên quan;

(2) Số lượng tàu bay sử dụng; và

(3) Kết hợp khác trong khai thác.

9.085 TRÁCH NHIỆM CỦA TỔ TRƯỞNG BỘ MÔN:

(a) Giáo viên hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ dưới sự giám sát của giáo viên hướng dẫn chính hoặc cấp phó phụ trách thiết bị khi huấn luyện.

(b) Trong quá trình huấn luyện bay trên tàu bay, người được cấp Giấy chứng nhận tổ chức huấn luyện hàng không phải đảm bảo trưởng bộ môn hoặc phó trưởng bộ môn sẵn sàng:

(1) Ở sân bay; hoặc

(2) Trả lời điện thoại, điện đài hoặc các thiết bị điện tử khác.

9.087 TRỤ SỞ CHÍNH

(a) Người có Giấy chứng nhận tổ chức huấn luyện hàng không phải duy trì văn phòng làm việc tại trụ sở chính được nêu trong Giấy chứng nhận tổ chức huấn luyện hàng không;

(b) Trụ sở làm việc chính không được sử dụng chung hoặc do tổ chức huấn luyện hàng không khác sử dụng.

9.090 CÁC CHI NHÁNH

(a) Chi nhánh tổ chức huấn luyện hàng không có thể huấn luyện nếu:

(1) Các trang thiết bị, nhân sự và nội dung khóa học của chi nhánh thỏa mãn các quy định hiện hành;

(2) Giáo viên hướng dẫn và giáo viên kiểm tra của chi nhánh chịu sự giám sát trực tiếp của giám đốc điều hành tổ chức chính;

(3) ATO phải có các quy trình đảm bảo việc huấn luyện tại các chi nhánh đáp ứng được tiêu chuẩn chất lượng ở mức tương đương với chất lượng huấn luyện tại trụ sở chính;

(4) Người có Giấy chứng nhận tổ chức huấn luyện hàng không thông báo cho Cục HKVN bằng văn bản là chi nhánh bắt đầu khai thác huấn luyện tối thiểu là 30 ngày trước khi tiến hành khai thác; và

(5) Tài liệu năng định huấn luyện của người có Giấy chứng nhận tổ chức huấn luyện hàng không phải bao gồm tên và địa chỉ của chi nhánh và các khóa huấn luyện được phê chuẩn tại tổ chức đó[5].

9.093 THAY ĐỔI ĐỊA ĐIỂM

(a) Người có Giấy chứng nhận tổ chức huấn luyện hàng không không được thay đổi địa điểm của tổ chức huấn luyện trừ khi sự thay đổi này được Cục HKVN phê chuẩn trước.

(b) Nếu tổ chức huấn luyện muốn thay đổi địa điểm đã được phê chuẩn thì người có Giấy chứng nhận tổ chức huấn luyện hàng không phải đề nghị Cục HKVN phê chuẩn sửa đổi bằng văn bản tối thiểu là 30 ngày trước ngày thay đổi.

(c) Tổ chức huấn luyện hàng không khi thực hiện thay đổi địa điểm nêu tại Giấy chứng nhận đã cấp phải đáp ứng các quy định của Phần này.

---

[5] Điểm này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Mục 4 Phụ lục VIII sửa đổi, bổ sung một số điều của Phần 9 Bộ Quy chế an toàn hàng không dân dụng lĩnh vực tàu bay và khai thác tàu bay ban hành kèm theo Thông tư số 03/2016/TT-BGTVT ngày 31 tháng 3 năm 2016, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 5 năm 2016.

9.095 TÀI LIỆU QUY TRÌNH THỰC HIỆN VÀ HUẤN LUYỆN

(a) Người có Giấy chứng nhận tổ chức huấn luyện hàng không phải huấn luyện và cung cấp tài liệu huấn luyện hướng dẫn về quy trình thực hiện cho người có liên quan.

(b) Tài liệu này có thể được chia thành các phần và tối thiểu phải bao gồm các nội dung quy định.

Ghi chú: Xem Phụ lục 1 Điều 9.095 liên quan đến tài liệu huấn luyện và tài liệu hướng dẫn về quy trình thực hiện.

(c) Người có Giấy chứng nhận tổ chức huấn luyện hàng không phải đảm bảo rằng tài liệu huấn luyện và tài liệu hướng dẫn quy trình thực hiện được sửa đổi nếu cần thiết để các thông tin được cập nhật đầy đủ.

(d) Người có Giấy chứng nhận tổ chức huấn luyện hàng không phải cung cấp tài liệu sửa đổi vào chương trình huấn luyện và tài liệu hướng dẫn thực hiện cho các tổ chức và cá nhân áp dụng tài liệu.

9.097 TUÂN THỦ KHÓA HUẤN LUYỆN ĐƯỢC PHÊ CHUẨN

(a) Người có Giấy chứng nhận tổ chức huấn luyện hàng không và nhân viên trong tổ chức phải tuân thủ khóa huấn luyện đã được phê chuẩn.

(b) Người có Giấy chứng nhận tổ chức huấn luyện hàng không không được thay đổi khóa huấn luyện đã được phê chuẩn trừ khi được Cục HKVN phê chuẩn.

9.100 GIỚI HẠN CỦA NỘI DUNG QUẢNG CÁO

(a) Người có Giấy chứng nhận tổ chức huấn luyện hàng không không được:

(1) Quảng cáo sai liên quan đến Giấy chứng nhận tổ chức huấn luyện hàng không và năng định huấn luyện hoặc gây nhầm lẫn cho người muốn tham gia vào khóa huấn luyện[6].

[6] Điểm này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Mục 5 Phụ lục VIII sửa đổi, bổ sung một số điều của Phần 9 Bộ Quy chế an toàn hàng không dân dụng lĩnh vực tàu bay và khai thác tàu bay ban hành kèm theo Thông tư số 03/2016/TT-BGTVT ngày 31 tháng 3 năm 2016, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 5 năm 2016.

(2) Quảng cáo rằng tổ chức huấn luyện hàng không được cấp Giấy chứng nhận trừ khi nó phân biệt được rõ ràng giữa các khóa huấn luyện được phê chuẩn theo Phần này và các khóa huấn luyện không được phê chuẩn theo Phần này.

9.103 HỆ THỐNG ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG

(a) Người có Giấy chứng nhận tổ chức huấn luyện hàng không phải duy trì được hệ thống đảm bảo chất lượng được Cục HKVN chấp thuận cấp phê chuẩn đảm bảo việc huấn luyện và các bài thực hành tuân thủ các quy định có liên quan.

(b) Để đáp ứng các yêu cầu tại khoản (a), ATO có thể hợp đồng dịch vụ tổ chức kiểm tra chất lượng được Cục HKVN chấp thuận. Các dịch vụ này được thực hiện áp dụng thực tế được chấp thuận và đảm bảo chất lượng huấn luyện phải tương thích với các tiêu chuẩn tối thiểu của Phần này.

9.105 HỆ THỐNG QUẢN LÝ AN TOÀN[7]

a. Người có Giấy chứng nhận tổ chức huấn luyện hàng không phải có hệ thống quản lý an toàn được Cục Hàng không Việt Nam chấp thuận tuân theo yêu cầu cụ thể tại Mục I của Phần 1 Bộ QCATHK.

b. Hệ thống quản lý an toàn của ATO phải xác định rõ trách nhiệm liên quan đến an toàn xuyên suốt tổ chức, bao gồm cả trách nhiệm trực tiếp về an toàn của ban lãnh đạo.

[7] Điều này được bổ sung theo quy định tại Mục 6 Phụ lục VIII sửa đổi, bổ sung một số điều của Phần 9 Bộ Quy chế an toàn hàng không dân dụng lĩnh vực tàu bay và khai thác tàu bay ban hành kèm theo Thông tư số 03/2016/TT-BGTVT ngày 31 tháng 3 năm 2016, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 5 năm 2016.

(Xem tiếp Công báo số 369 + 370)

VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ XUẤT BẢN

Địa chỉ:	Số 1, Hoàng Hoa Thám, Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại liên hệ:	
- Nội dung:	080.44417; Fax: 080.44517
- Phát hành:	080.48543
Email:	congbao@chinhphu.vn
Website:	http://congbao.chinhphu.vn
In tại:	Xí nghiệp Bản đồ 1- Bộ Quốc phòng